

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giao thông vận tải tỉnh Hòa Bình

### CHỦ TỊCH UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH HOÀ BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 47/2019/QH14 ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 547/QĐ-BGTVT ngày 10/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Giám đốc Giao thông vận tải tại Tờ trình số 84/TTr-SGTVT ngày 30/5/2024.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính (TTHC) mới ban hành (02 thủ tục hành chính cấp tỉnh), được sửa đổi, bổ sung (30 thủ tục hành chính cấp tỉnh) trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giao thông vận tải tỉnh Hòa Bình.

(Có Phụ lục chi tiết kèm theo Quyết định)

Phụ lục Danh mục và nội dung cụ thể của TTHC tại Quyết định này được công khai trên Cơ sở dữ liệu Quốc gia về TTHC (địa chỉ: [csdl.dichvucong.gov.vn](#)); Cổng Dịch vụ công của tỉnh (địa chỉ: [dichvucong.hoabinh.gov.vn](#)), Trang Thông tin điện tử của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh (địa chỉ: [http://vpubnd.hoabinh.gov.vn](#)); Trang Thông tin điện tử của Sở Giao thông vận tải tỉnh Hòa Bình (địa chỉ: [sogiaothong.hoabinh.gov.vn](#)).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2024.

**Điều 3.** Các thủ tục hành chính công bố tại Quyết định này được thực hiện tiếp nhận, trả kết quả tại Trung tâm phục vụ Hành chính công theo quy định.

- Giao Sở Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh và cơ quan liên quan, căn cứ TTHC tại Quyết định này rà soát, xây dựng quy trình nội bộ giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt. Thời gian chậm nhất 17h00 ngày 05/6/2024.

- Giao Sở Thông tin và Truyền thông đồng bộ đầy đủ, kịp thời dữ liệu TTHC tại Quyết định này từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC lên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh và công khai trên Cổng Thông tin điện tử tỉnh theo quy định;

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Giao thông vận tải, Thông tin và Truyền thông, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Cục Kiểm soát TTHC - VP Chính phủ;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chánh VP UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh
- Trung tâm TH&CB tỉnh;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Lưu: VT, NVK (Th.H,03b)

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Văn Toàn**

**Phụ lục I****DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI TỈNH HÒA BÌNH***(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Hòa Bình)***PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH****A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH**

| <b>STT</b> | <b>Tên thủ tục hành chính/ Mã hồ sơ TTHC</b>  | <b>Thời hạn giải quyết</b>                               | <b>Địa điểm thực hiện</b>              | <b>Phí, lệ phí (nếu có)</b> | <b>Căn cứ pháp lý</b>  |
|------------|---|--|--|-----------------------------|--|
| 1          | Chấp thuận bố trí mặt bằng tổng thể hình sát hạch trung tâm sát hạch loại 1, loại 2<br>1.000004.H28 | 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | Không có                    | - Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe. |
| 2          | Cấp Giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe loại 1, loại 2 đủ điều kiện hoạt động<br>1.004998.H28 | 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận văn bản đề nghị.        | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | Không có                    |  |

**B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG**

| STT | Tên TTHC/Mã số TTHC   | Thời hạn giải quyết                              | Địa điểm tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý  |
|-----|---|--|---|-----------------------------------|----------------------|---|
| 1   | Cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia<br>1.001023.H28     | 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh                  | Có                                | Không có             | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới;</li> <li>- Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.</li> </ul> |
| 2   | Cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia<br>1.010711.H28 | 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh                  | Có                                | Không có             | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới;</li> <li>- Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải</li> </ul>   |

| STT | Tên TTHC/Mã số TTHC  | Thời hạn giải quyết                              | Địa điểm tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý  |
|-----|--|--|---|-----------------------------------|----------------------|---|
|     |  |  |   |                                   |                      | bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.   |
| 3   | Cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia<br>1.002877.H28     | 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh                  | Có                                | Không có             | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới;</li> <li>- Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.</li> </ul> |
| 4   | Cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia<br>1.002869.H28 | 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh                  | Có                                | Không có             | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới;</li> <li>- Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải</li> </ul>   |

| STT | Tên TTHC/Mã số TTHC  | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý  |
|-----|--|--|---|-----------------------------------|----------------------|---|
|     |  |  |   |                                   |                      | bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.   |
| 5   | Cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe<br>1.001765.H28 | <p>- Thời hạn Cơ sở đào tạo gửi hồ sơ đề nghị kiểm tra cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe về Sở Giao thông vận tải: 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc chương trình tập huấn;</p> <p>- Thời hạn cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe: 03 ngày làm việc, kể từ ngày đạt kết quả kiểm tra.</p> | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh                  | Có                                | Không có             | <p>- Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe;</p> <p>- Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.</p> |

| STT | Tên TTHC/Mã số TTHC  | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý   |
|-----|--|---|---|-----------------------------------|----------------------|--|
| 6   | Cấp lại Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe<br>1.004993.H28 | 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ                                   | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh                  | Có                                | Không có             | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe;</li> <li>- Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.</li> </ul> |
| 7   | Cấp Giấy phép xe tập lái<br>1.001735.H28                               | 01 ngày làm việc, kể từ ngày cấp Giấy phép đào tạo lái xe cho cơ sở đào tạo | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh                  | Có                                | Không có             | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe;</li> <li>- Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.</li> </ul> |

| STT | Tên TTHC/Mã số TTHC                               | Thời hạn giải quyết                              | Địa điểm tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý   |
|-----|---|--|---|-----------------------------------|----------------------|--|
| 8   | Cấp lại Giấy phép xe tập lái<br>1.001751.H28      | 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh                  | Có                                | Không có             | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe;</li> <li>- Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.</li> </ul> |
| 9   | Cấp Giấy phép đào tạo lái xe ô tô<br>1.001777.H28 | 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh                  | Có                                | Không có             | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe;</li> <li>- Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.</li> </ul> |



| STT | Tên TTHC/Mã số TTHC  | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý   |
|-----|--|---|---|-----------------------------------|----------------------|--|
| 10  | Cấp lại Giấy phép đào tạo lái xe ô tô trong trường hợp điều chỉnh hạng xe đào tạo, lưu lượng đào tạo<br>1.001623.H28 | - Thời hạn kiểm tra: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định;<br>- Thời hạn cấp Giấy phép: 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra. | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh                  | Có                                | Không có             | - Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe;<br>- Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe. |
| 11  | Cấp lại Giấy phép đào tạo lái xe ô tô bị mất, bị hỏng, có sự thay đổi liên quan đến nội dung khác<br>1.005210.H28    | 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ  | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh                  | Có                                | Không có             | - Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe;<br>- Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe. |

| STT | Tên TTHC/Mã số TTHC   | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý  |
|-----|---|--|---|-----------------------------------|----------------------|---|
| 12  | Cấp lại Giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động 1.004987.H28 | <p>- Trường hợp trung tâm sát hạch lái xe có sự thay đổi về thiết bị sát hạch, chủng loại, số lượng xe cơ giới sử dụng để sát hạch lái xe: Trong thời gian không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận văn bản đề nghị.</p> <p>- Trường hợp bị hỏng, mất, có sự thay đổi liên quan đến nội dung của giấy chứng nhận: Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc.</p> | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh                  | Có                                | Không có             | <p>- Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe;</p> <p>- Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.</p> |

| STT | Tên TTHC/Mã số TTHC  | Thời hạn giải quyết                              | Địa điểm tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý  |
|-----|--|--|---|-----------------------------------|----------------------|---|
| 13  | Cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô<br>1.000703.H28  | 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh                  | Có                                | Không có             | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17/01/2020 của Chính phủ quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô;</li> <li>- Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.</li> </ul> |
| 14  | Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép kinh doanh bị thu hồi, bị tước quyền sử dụng<br>2.002286.H28 | 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh                  | Có                                | Không có             | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17/01/2020 của Chính phủ quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô;</li> <li>- Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.</li> </ul> |

| STT | Tên TTHC/Mã số TTHC   | Thời hạn giải quyết                              | Địa điểm tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý  |
|-----|---|--|---|-----------------------------------|----------------------|---|
| 15  | Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô đối với trường hợp Giấy phép kinh doanh bị mất, bị hỏng 2.002287.H28  | 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh                  | Có                                | Không có             | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17/01/2020 của Chính phủ quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô;</li> <li>- Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.</li> </ul> |
| 16  | Cấp phù hiệu xe ô tô kinh doanh vận tải (kinh doanh vận tải hành khách: bằng xe ô tô theo tuyến cố định, xe trung chuyển, bằng xe buýt theo tuyến cố định, bằng xe taxi, xe hợp đồng; kinh doanh vận tải hàng hóa: bằng xe công-ten-nơ, xe ô tô đầu kéo kéo rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc, xe ô tô tải kinh doanh vận tải hàng hóa thông thường và xe taxi tải) 2.002288.H28 | 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh                  | Có                                | Không có             | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17/01/2020 của Chính phủ quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô;</li> <li>- Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe;</li> </ul> |

| STT | Tên TTHC/Mã số TTHC   | Thời hạn giải quyết                              | Địa điểm tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý   |
|-----|---|--|---|-----------------------------------|----------------------|--|
|     |   |  |   |                                   |                      | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 12/2020/TT-BGTVT ngày 29/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ;</li> <li>- Thông tư số 20/2021/TT-BGTVT ngày 04/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2020/TT-BGTVT ngày 29/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.</li> </ul> |
| 17  | Cấp lại phù hiệu xe ô tô kinh doanh vận tải (kinh doanh vận tải hành khách: bằng xe ô tô theo tuyến cố định, xe trung chuyển, bằng xe buýt theo tuyến cố định, bằng xe taxi, xe hợp đồng; kinh doanh vận tải hàng hóa: bằng xe công-ten-nơ, xe ô tô đầu kéo kéo rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc, | 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh                  | Có                                | Không có             | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17/01/2020 của Chính phủ quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô;</li> <li>- Nghị định số 47/2022/NĐ-CP ngày 19/07/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày</li> </ul>   |

| STT | Tên TTHC/Mã số TTHC  | Thời hạn giải quyết | Địa điểm tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý   |
|-----|--|---------------------|---|-----------------------------------|----------------------|--|
|     | xe ô tô tải kinh doanh vận tải hàng hóa thông thường và xe taxi tải)<br>2.002289.H28 |                     |   |                                   |                      | <p>17/01/2020 của Chính phủ quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe;</li> <li>- Thông tư số 12/2020/TT-BGTVT ngày 29/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ;</li> <li>- Thông tư số 20/2021/TT-BGTVT ngày 04/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2020/TTBGTVT ngày 29/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt</li> </ul> |

| STT | Tên TTHC/Mã số TTHC  | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý  |
|-----|--|---|---|-----------------------------------|----------------------|---|
|     |  |   |   |                                   |                      | động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.   |
| 18  | Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện các Hiệp định khung ASEAN về vận tải đường bộ qua biên giới<br>1.010707.H28 | Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh                  | Có                                | Không có             | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới;</li> <li>- Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.</li> </ul> |
| 19  | Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Trung Quốc<br>1.001737.H28   | Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh                  | Có                                | Không có             | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới;</li> <li>- Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô</li> </ul>   |

| STT | Tên TTHC/Mã số TTHC   | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý  |
|-----|---|---|---|-----------------------------------|----------------------|---|
|     |   |   |   |                                   |                      | tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.   |
| 20  | Cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào<br>1.002861.H28     | Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh                  | Có                                | Không có             | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới;</li> <li>- Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.</li> </ul> |
| 21  | Cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào<br>1.002859.H28 | Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh                  | Có                                | Không có             | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới;</li> <li>- Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô</li> </ul>   |



| STT | Tên TTHC/Mã số TTHC   | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý  |
|-----|---|---|---|-----------------------------------|----------------------|---|
|     |   |   |   |                                   |                      | tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.   |
| 22  | Cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào<br>1.002856.H28     | Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh                  | Có                                | Không có             | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới;</li> <li>- Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.</li> </ul> |
| 23  | Cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào<br>1.002852.H28 | Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh                  | Có                                | Không có             | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới;</li> <li>- Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô</li> </ul>   |

| STT | Tên TTHC/Mã số TTHC  | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý  |
|-----|--|---|---|-----------------------------------|----------------------|---|
|     |  |   |   |                                   |                      | tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.   |
| 24  | Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào 1.002063.H28       | Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh                  | Có                                | Không có             | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới;</li> <li>- Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.</li> </ul> |
| 25  | Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Campuchia 1.001577.H28 | Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh                  | Có                                | Không có             | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới;</li> <li>- Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô</li> </ul>   |

| STT | Tên TTHC/Mã số TTHC  | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý  |
|-----|--|---|---|-----------------------------------|----------------------|---|
|     |  |   |   |                                   |                      | tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.   |
| 26  | Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào, Campuchia<br>1.002286.H28         | Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh                  | Có                                | Không có             | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới;</li> <li>- Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.</li> </ul> |
| 27  | Đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia<br>1.002268.H28 | Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh                  | Có                                | Không có             | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới;</li> <li>- Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô</li> </ul>   |

| STT | Tên TTHC/Mã số TTHC  | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý  |
|-----|--|--|---|-----------------------------------|----------------------|---|
|     |  |  |   |                                   |                      | tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.   |
| 28  | Ngừng khai thác tuyến, ngừng phương tiện hoạt động trên tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia<br>1.010709.H28 | Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh                  | Có                                | Không có             | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới;</li> <li>- Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.</li> </ul> |
| 29  | Bổ sung, thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia<br>1.010708.H28                 | Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ      | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh                  | Có                                | Không có             | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới;</li> <li>- Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô</li> </ul>   |

| STT | Tên TTHC/Mã số TTHC   | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý  |
|-----|---|--|---|-----------------------------------|----------------------|---|
|     |   |  |   |                                   |                      | tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.   |
| 30  | Điều chỉnh tần suất chạy xe trên tuyến Việt Nam, Lào và Campuchia<br>1.010710.H28 | Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh                  | Có                                | Không có             | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới;</li> <li>- Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.</li> </ul> |

**PHẦN II.**  
**NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số:           /QĐ-UBND ngày            tháng  
năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Hòa Bình)

---

**A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH**

**1. Chấp thuận bố trí mặt bằng tổng thể hình sát hạch trung tâm sát hạch loại 1, loại 2**

**1.1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Tổ chức, cá nhân lập hồ sơ gửi đến Sở Giao thông vận tải qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

b) Giải quyết TTHC:

- Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải có văn bản chấp thuận gửi tổ chức, cá nhân; trường hợp không chấp thuận phải trả lời tổ chức, cá nhân bằng văn bản và nêu rõ lý do.

**1.2. Cách thức thực hiện:** Gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Sở Giao thông vận tải qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

**1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ

- Văn bản đề nghị;

- Quyết định chủ trương đầu tư của cơ quan có thẩm quyền đối với nhà đầu tư trong nước, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài (có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ dưới 51% vốn điều lệ) trừ các dự án không phải phê duyệt chủ trương đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài (có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ từ 51% vốn điều lệ trở lên) (bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực);

- Bản vẽ bố trí mặt bằng tổng thể;

- Giấy phép xây dựng (bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực);

- Hồ sơ thiết kế hình sát hạch, bản kê khai loại xe cơ giới dùng để sát hạch, loại thiết bị chấm điểm tự động.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**1.4. Thời hạn giải quyết:**

- 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**1.5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức, cá nhân.

**1.6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Sở Giao thông vận tải;
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải;
- Cơ quan phối hợp: Không có.

**1.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:**

- Văn bản chấp thuận.

**1.8. Phí, lệ phí:** Không có.**1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:** Không có.**1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** Không có.**1.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe;
- Nghị định số 138/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ cơ sở đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe;
- Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.

**2. Cấp Giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe loại 1, loại 2 đủ điều kiện hoạt động****2.1. Trình tự thực hiện:****a) Nộp hồ sơ TTHC:**

- Tổ chức, cá nhân lập hồ sơ gửi đến Sở Giao thông vận tải qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

**b) Giải quyết TTHC:**

- Trong thời gian không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận văn bản đề nghị, Sở Giao thông vận tải tổ chức kiểm tra, lập biên bản và cấp Giấy chứng nhận cho trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động. Trường hợp không cấp, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

**2.2. Cách thức thực hiện:** Gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Sở Giao thông vận tải qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.**2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ

- Văn bản đề nghị.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**2.4. Thời hạn giải quyết:**

- 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận văn bản đề nghị.

**2.5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức, cá nhân.

**2.6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan phối hợp: Không có.

**2.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:**

- Giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động.

**2.8. Phí, lệ phí:** Không có.

**2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:**

- Giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động.

**2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** Không có.

**2.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe;

- Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.



**MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN  
TRUNG TÂM SÁT HẠCH LÁI XE ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG**

**CƠ QUAN CÓ THẨM  
QUYỀN**

-----

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  
NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

Số: ...../

....., ngày .... tháng .... năm 20.....

**GIẤY CHỨNG NHẬN**

**TRUNG TÂM SÁT HẠCH LÁI XE ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG**

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13/11/2008;

Căn cứ Nghị định số ...../ ...../ND-CP ...../...../..... của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe;

Căn cứ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trung tâm sát hạch lái xe cơ giới đường bộ (QCVN ...../BGTVT) ban hành kèm theo Thông tư số ...../...../TT-BGTVT ngày .... /..... /..... của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Biên bản kiểm tra Trung tâm sát hạch lái xe ..... của Đoàn kiểm tra ngày ...../ ...../ .....

Xét đề nghị của Trung tâm sát hạch lái xe ..... tại văn bản số .....ngày .../ .../ ... về việc kiểm tra, xác nhận trung tâm sát hạch lái xe;

Theo đề nghị của Trưởng phòng .....,

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN**

Cấp giấy chứng nhận cho: TRUNG TÂM SÁT HẠCH LÁI XE...

1. Địa chỉ:

- Điện thoại:

- Fax:

2. Cơ quan quản lý hoạt động trực tiếp:

3. Trung tâm sát hạch lái xe ..... là trung tâm sát hạch loại ... , sử dụng thiết bị sát hạch của ....., có đủ điều kiện sát hạch lái xe các hạng: ....., được sử dụng ..... xe sát hạch (có danh sách xe sát hạch kèm theo).

Trung tâm sát hạch lái xe phải xuất trình Giấy chứng nhận này với cơ quan quản lý sát hạch cấp giấy phép lái xe đến tổ chức sát hạch và chịu sự kiểm tra của các cơ quan có thẩm quyền.

Giấy chứng nhận này thay thế Giấy chứng nhận số ..... của cơ quan có thẩm quyền đã cấp cho Trung tâm (đối với trường hợp cấp lại giấy chứng nhận)/.



## **B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG**

### **1. Cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia**

#### **1.1. Trình tự thực hiện:**

##### a) Nộp hồ sơ TTHC:

Tổ chức, cá nhân, đơn vị kinh doanh vận tải nộp hồ sơ cho cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép:

- Cục Đường bộ Việt Nam cấp giấy phép cho các phương tiện sau:

+ Phương tiện thương mại;

+ Phương tiện phi thương mại của các cơ quan trung ương của Đảng, Quốc hội và Chính phủ; các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các cơ quan thuộc bộ, các cơ quan ngoại giao, các tổ chức chính phủ, các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể, các tổ chức sự nghiệp ở trung ương.

- Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương cấp giấy phép liên vận cho phương tiện phi thương mại của các cơ quan, tổ chức, cá nhân đóng trên địa bàn địa phương.

- Sở Giao thông vận tải địa phương nơi có cửa khẩu biên giới giáp với Campuchia cấp giấy phép liên vận cho phương tiện phi thương mại của các tổ chức, cá nhân đóng trên địa bàn các tỉnh khác của Việt Nam đi qua cửa khẩu tại địa phương mình quản lý.

##### b) Giải quyết TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra. Trường hợp tiếp nhận hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính, cán bộ tiếp nhận hồ sơ cập nhật thông tin của các hồ sơ đúng theo quy định vào hệ thống dịch vụ công trực tuyến của cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép. Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến cho tổ chức, cá nhân, đơn vị kinh doanh vận tải trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ;

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thực hiện cấp giấy phép. Trường hợp không cấp, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thông báo bằng văn bản hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến và nêu rõ lý do;

- Việc trả kết quả được thực hiện tại trụ sở cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép hoặc qua đường bưu chính hoặc hình thức trực tuyến theo quy định.

**1.2. Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp, trực tuyến, đường bưu chính đến Sở Giao thông vận tải qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

#### **1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

##### a) Thành phần hồ sơ:

\* Đối với phương tiện thương mại:

- Giấy đề nghị cấp giấy phép theo mẫu;
- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô hoặc bản sao giấy hẹn nhận Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô của cơ quan cấp đăng ký hoặc bản sao từ sổ gốc của Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô. Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải phải xuất trình thêm bản sao một trong các giấy tờ sau: Hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên và hợp tác xã hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh;
- Bản sao văn bản thông báo khai thác tuyến, văn bản thay thế phương tiện hoặc văn bản bổ sung phương tiện của cơ quan quản lý tuyến và hợp đồng đón trả khách tại bến xe khách ở Việt Nam và bến xe khách hoặc nơi đón trả khách ở Campuchia (đối với phương tiện kinh doanh tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Campuchia).

\* Đối với phương tiện phi thương mại gồm:

- Giấy đề nghị cấp giấy phép theo mẫu;
- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô hoặc bản sao giấy hẹn nhận Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô của cơ quan cấp đăng ký hoặc bản sao từ sổ gốc của Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô. Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của tổ chức, cá nhân phải xuất trình thêm bản sao hợp đồng thuê phương tiện;
- Bản sao quyết định cử đi công tác của cơ quan có thẩm quyền đối với xe công vụ.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

#### **1.4. Thời hạn giải quyết:**

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

**1.5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức, cá nhân.

#### **1.6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Đường bộ Việt Nam, Sở Giao thông vận tải;
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cục Đường bộ Việt Nam, Sở Giao thông vận tải;
- d) Cơ quan phối hợp: Không có.

#### **1.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:**

- Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia.

**1.8. Phí, lệ phí:** Không có.

**1.9. Tên mẫu đơn, tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:**

- Giấy đề nghị cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia cho phương tiện thương mại;
- Giấy đề nghị cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia cho phương tiện phi thương mại;
- Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia.

**1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** Không có

**1.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới;

- Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.

**Giấy đề nghị cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia cho  
phương tiện thương mại**

**TÊN ĐƠN VỊ KINH  
DOANH VẬN TẢI ĐỀ  
NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  
NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

-----

**GIẤY ĐỀ NGHỊ  
CẤP GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA VIỆT NAM VÀ CAMPUCHIA**

Kính gửi: .....

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:.....
2. Địa chỉ: .....
3. Số điện thoại: ..... Số Fax/Địa chỉ email: .....
4. Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia cấp số  
..... Ngày cấp .....
5. Đề nghị cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia cho các  
phương tiện vận tải sau:

| Số TT | Biển số xe | Trọng tải (ghé) | Năm sản xuất | Nhãn hiệu | Số khung | Số máy | Màu sơn | Thời gian đề nghị cấp Giấy phép | Cửa khẩu xuất - nhập |
|-------|------------|-----------------|--------------|-----------|----------|--------|---------|---------------------------------|----------------------|
| 1     | 2          | 3               | 4            | 5         | 6        | 7      | 8       | 9                               | 10                   |
| 1     |            |                 |              |           |          |        |         |                                 |                      |
| 2     |            |                 |              |           |          |        |         |                                 |                      |
| 3     |            |                 |              |           |          |        |         |                                 |                      |

Đối với phương tiện thay thế: ghi rõ phương tiện có biển kiểm soát .....  
thay thế phương tiện có biển kiểm soát .....

6. Loại hình kinh doanh vận tải:

a) Hành khách theo tuyến cố định:

b) Khách du lịch:

c) Hành khách theo hợp đồng:

d) Vận tải hàng hóa:

**Ghi chú:** Đối với phương tiện vận chuyển hành khách cố định bổ sung thêm các thông tin sau:

Tuyến: ..... đi ..... và ngược lại

Bến đi: Bến xe ..... (thuộc tỉnh: ..... Việt Nam)

Bến đến: Bến xe ..... (thuộc tỉnh: ..... Campuchia)

Cự ly vận chuyển: ..... km

Hành trình tuyến đường:

.....

Đã được ..... thông báo khai thác tuyến tại công văn số .....


Ngày .....

....., ngày ... tháng ... năm ...

**Đơn vị kinh doanh vận tải**

*(Ký tên, đóng dấu)*

## Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia cho phương tiện thương mại

|   |  |
|---|--|
| <p style="text-align: center;">CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br/>SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM</p> <div style="text-align: center;">  </div> <p style="text-align: center;">GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA<br/>VIỆT NAM VÀ CAMPUCHIA</p> <p style="text-align: center;">VIET NAM - CAMBODIA<br/>VEHICLE CROSS-BORDER<br/>TRANSPORT PERMIT</p>  | <p style="text-align: center;">Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam<br/>Socialist Republic of Viet Nam</p> <p style="text-align: center;">Bộ Giao thông vận tải Việt Nam đề nghị<br/>các cơ quan hữu quan cho phép phương<br/>tiện này đi lại dễ dàng và hỗ trợ khi cần thiết</p> <p style="text-align: center;">The Ministry of Transport of Viet Nam<br/>requests relevant agencies to allow the vehicles to operate<br/>conveniently and to render the vehicle any assistance as<br/>necessary</p> <p style="text-align: center;">Mặt sau bìa trước/Back side</p>   |
| <p style="text-align: center;">Bộ Giao thông vận tải Việt Nam<br/>Ministry of Transport of Viet Nam</p> <p style="text-align: center;">GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA<br/>VIỆT NAM VÀ CAMPUCHIA</p> <p style="text-align: center;">VIET NAM - CAMBODIA VEHICLE<br/>CROSS-BORDER<br/>TRANSPORT PERMIT</p> <p>Số Giấy phép (Permit Number):<br/>Không cho người khác sử dụng và không được chuyển nhượng<br/>(Non transferable and non negotiable)</p> <p style="text-align: center;">Xe kinh doanh vận tải<br/>Commercial Vehicle</p> <p style="text-align: center;">Trang 1<br/>Page 1</p> | <p style="text-align: center;">Số đăng ký phương tiện (Registration number)<br/>.....</p> <p style="text-align: center;">Ký hiệu nhận biết (Distinguishing sign)<br/>VN</p> <p style="text-align: center;">Chi tiết về đơn vị kinh doanh vận tải<br/>Details of Transport Operator</p> <p>Tên đơn vị kinh doanh vận tải (Transport Operator Name):<br/>.....</p> <p>Địa chỉ (Address): .....</p> <p>Lĩnh vực hoạt động vận tải (Type of transport operation):<br/>.....</p> <p>Số giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và<br/>Campuchia (Viet Nam - Cambodia cross-border Transport<br/>Permit No.): .....</p> <p>Ngày phát hành (Issuing date): .....</p> <p style="text-align: center;">Trang 2<br/>Page 2</p> |
| <p style="text-align: center;">GHI CHÚ<br/>NOTICES</p> <p style="text-align: center;">Giấy phép này có giá trị<br/>This Permit is valid</p> <p>Từ ngày (From) .....(dd/mm/yyyy)<br/>Đến ngày (until) .....(dd/mm/yyyy)<br/>Cửa khẩu, Vùng/tuyến hoạt động, Nơi đến<br/>Border gate, Operation areas/routes, Destination</p> <p>Cửa khẩu (Border gate): .....</p> <p>Vùng/tuyến hoạt động (Operation areas/routes): .....</p> <p>Nơi đến (Destination): .....</p> <p>Ngày cấp (Date of issuance): .....</p>  | <p style="text-align: center;">GHI CHÚ<br/>NOTICES</p> <p style="text-align: center;">Giấy phép này được gia hạn<br/>This Permit is extended</p> <p>Đến ngày (until) .....(dd/mm/yyyy)<br/>Cửa khẩu, Vùng/tuyến hoạt động, Nơi đến<br/>Border gate, Operation areas/routes, Destination</p> <p>Cửa khẩu (Border gate): .....</p> <p>Vùng/tuyến hoạt động (Operation areas/routes): .....</p> <p>Nơi đến (Destination): .....</p> <p>Ngày cấp (Date of issuance): .....</p>   |



| Issuing Authority<br>(Signature, stamp)   |                             |   |                           |
|---|-----------------------------|---|---------------------------|
| Trang 3   |                             |   |                           |
| Chuyến đi<br>(Trip)   | Ngày vào<br>(Date of entry) | Gia hạn đến<br>(Extension until)<br>(nếu có/if any) | Ngày ra<br>(Date of exit) |
| (1)   | (2)                         | (3)   | (4)                       |
| - Thời hạn tạm nhập (Duration of temporary admission):... ngày (days)<br>- Cửa khẩu vào (entry point):...<br>- Cửa khẩu ra (exit point):...<br>- Tuyến đường (Route):...<br>Dấu Hải quan Customs Seal | Dấu Hải quan Customs Seal   | Dấu Hải quan Customs Seal                           | Dấu Hải quan Customs seal |
| - Thời hạn tạm nhập (Duration of temporary admission):... ngày (days)<br>- Cửa khẩu vào (entry point):...<br>- Cửa khẩu ra (exit point):...<br>- Tuyến đường (Route):...<br>Dấu Hải quan Customs Seal | Dấu Hải quan Customs Seal   | Dấu Hải quan Customs seal                           | Dấu Hải quan Customs seal |

| Issuing Authority<br>(Signature, stamp)   |                             |   |                           |
|---|-----------------------------|---|---------------------------|
| Trang 4   |                             |   |                           |
| Chuyến đi<br>(Trip)   | Ngày vào<br>(Date of entry) | Gia hạn đến<br>(Extension until)<br>(nếu có/if any) | Ngày ra<br>(Date of exit) |
| (1)   | (2)                         | (3)   | (4)                       |
| - Thời hạn tạm nhập (Duration of temporary admission):... ngày (days)<br>- Cửa khẩu vào (entry point):...<br>- Cửa khẩu ra (exit point):...<br>- Tuyến đường (Route):...<br>Dấu Hải quan Customs Seal | Dấu Hải quan Customs Seal   | Dấu Hải quan Customs Seal                           | Dấu Hải quan Customs sea  |
| - Thời hạn tạm nhập (Duration of temporary admission):... ngày (days)<br>- Cửa khẩu vào (entry point):...<br>- Cửa khẩu ra (exit point):...<br>- Tuyến đường (Route):...<br>Dấu Hải quan Customs Seal | Dấu Hải quan Customs Seal   | Dấu Hải quan Customs seal                           | Dấu Hải quan Customs seal |

| Chuyến đi<br>(Trip)   | Ngày vào<br>(Date of entry)       | Gia hạn đến<br>(Extension until)<br>(nếu có/if any) | Ngày ra<br>(Date of exit)         |
|---|-----------------------------------|---|-----------------------------------|
| (1)   | (2)                               | (3)   | (4)                               |
| - Thời hạn tạm nhập (Duration of temporary admission):... ngày (days)<br>- Cửa khẩu vào (entry point):...<br>- Cửa khẩu ra (exit point):...<br>- Tuyến đường (Route):...<br>Dấu Biên phòng Border Guards Seal | Dấu Biên phòng Border Guards Seal | Dấu Biên phòng Border Guards Seal                   | Dấu Biên phòng Border Guards Seal |
| - Thời hạn tạm nhập (Duration of temporary admission):... ngày (days)<br>- Cửa khẩu vào (entry point):...<br>- Cửa khẩu ra (exit point):...<br>- Tuyến đường (Route):...<br>Dấu Biên phòng Border Guards Seal | Dấu Biên phòng Border Guards Seal | Dấu Biên phòng Border Guards Seal                   | Dấu Biên phòng Border Guards Seal |

| Chuyến đi<br>(Trip)   | Ngày vào<br>(Date of entry)       | Gia hạn đến<br>(Extension until)<br>(nếu có/if any) | Ngày ra<br>(Date of exit)         |
|---|-----------------------------------|---|-----------------------------------|
| (1)   | (2)                               | (3)   | (4)                               |
| - Thời hạn tạm nhập (Duration of temporary admission):... ngày (days)<br>- Cửa khẩu vào (entry point):...<br>- Cửa khẩu ra (exit point):...<br>- Tuyến đường (Route):...<br>Dấu Biên phòng Border Guards Seal | Dấu Biên phòng Border Guards Seal | Dấu Biên phòng Border Guards Seal                   | Dấu Biên phòng Border Guards Seal |
| - Thời hạn tạm nhập (Duration of temporary admission):... ngày (days)<br>- Cửa khẩu vào (entry point):...<br>- Cửa khẩu ra (exit point):...<br>- Tuyến đường (Route):...<br>Dấu Biên phòng Border Guards Seal | Dấu Biên phòng Border Guards Seal | Dấu Biên phòng Border Guards Seal                   | Dấu Biên phòng Border Guards Seal |

|   |   |   |   |   |   |   |   |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Dấu Biên<br>phòng<br>Border<br>Guards<br>Seal | Dấu Biên<br>phòng<br>Border<br>Guards<br>Seal | Dấu Biên<br>phòng<br>Border<br>Guards<br>Seal | Dấu Biên<br>phòng<br>Border<br>Guards<br>Seal | Dấu Biên<br>phòng<br>Border<br>Guards<br>Seal | Dấu Biên<br>phòng<br>Border<br>Guards<br>Seal | Dấu Biên<br>phòng<br>Border<br>Guards<br>Seal | Dấu Biên<br>phòng<br>Border<br>Guards<br>Seal |
|---|---|---|---|---|---|---|---|


#### Hướng dẫn (Instruction)

- Số giấy phép này bao gồm 50 trang không bao gồm bìa.  
This permit contains 50 pages excluding the covers.
- Khi giấy phép bị mất hoặc không đọc được vì bất cứ nguyên nhân gì, người giữ giấy phép phải yêu cầu cấp giấy phép mới tại cơ quan có thẩm quyền cấp phép.  
When this permit get lost or illegible for any reasons, the holder should request the competent authority to re-issue.
- Giấy phép này phải xuất trình cho cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu.  
This permit shall be presented to the competent authorities upon request.
- Giấy phép này chỉ sử dụng cho phương tiện đã được ghi trong giấy và phải được gia hạn trước ngày hết hạn một tháng.  
This permit shall be used for the specified vehicle only and shall be extended one month before the expiry date.

#### Ghi chú (Notices):

Khổ giấy rộng: 105 mm, dài 150 mm  
Page size: 105 mm x 150 mm  
Loại bìa màu xanh dùng để cấp cho xe tải  
Green cover used for truck  
Loại bìa màu vàng cấp cho xe buýt  
Yellow cover used for bus  
Loại bìa màu hồng cấp cho xe phi thương mại  
Pink cover used for non-commercial vehicle

## Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia cho phương tiện phi thương mại

|   |   |
|---|---|
| <p><b>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br/>SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM</b></p>  <p><b>GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA<br/>VIỆT NAM VÀ CAMPUCHIA</b></p> <p><b>VIET NAM - CAMBODIA<br/>VEHICLE CROSS-BORDER<br/>TRANSPORT PERMIT</b></p> | <p><b>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br/>SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM</b></p> <p><b>Bộ Giao thông vận tải Việt Nam đề nghị<br/>các cơ quan hữu quan cho phép phương<br/>tiện này đi lại dễ dàng và hỗ trợ khi cần thiết</b></p> <p><b>The Ministry of Transport of Viet Nam<br/>requests relevant agencies to allow the vehicles<br/>to operate conveniently and to render the<br/>vehicle any assistance as necessary</b></p>  |
| <p><b>Bộ Giao thông vận tải Việt Nam<br/>Ministry of Transport of Viet Nam</b></p> <p><b>GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA<br/>VIỆT NAM VÀ CAMPUCHIA</b></p> <p><b>VIET NAM – CAMBODIA VEHICLE<br/>CROSS - BORDER<br/>TRANSPORT PERMIT</b></p> <p><b>Phương tiện phi thương mại<br/>Non - commercial vehicle</b></p>            | <p><b>Thông tin cơ bản về phương tiện<br/>General data of the vehicle</b></p> <p>1. Số đăng ký phương tiện (Registration number)<br/>.....</p> <p>2. Thông số kỹ thuật (Specifications)<br/>.....</p> <p>- Năm sản xuất (Manufacture year):<br/>.....</p> <p>- Nhân hiệu (Brand/Trademark):<br/>.....</p> <p>- Loại xe (Model):<br/>.....</p> <p>- Màu sơn (Colour):<br/>.....</p> <p>- Số máy (Engine No.):<br/>.....</p> <p>- Số khung (Chassis No.):<br/>.....</p> <p>- Trọng tải (Gross weight):<br/>.....</p> <p style="text-align: right;">Trang 1<br/>Page 1</p> |

**Chi tiết về Cơ quan được cấp giấy phép liên vận**  
**Details of Organization granted transport permit**

Tên cơ quan/đơn vị (Organization name):  
.....  
.....

Địa chỉ (Address):  
.....  
.....

Điện thoại (Telephone number): .....

Số Fax (Fax number): .....

Mục đích chuyến đi (Purpose of the trip): .....

.....

Số giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia (đối với đơn vị kinh doanh vận tải) (Viet Nam - Cambodia cross-border Transport Permit No. for Transport Operator):.....

Ngày phát hành (Issuing date):.....

Trang 2  
Page 2

| <p style="text-align: center;"><b>GHI CHÚ</b><br/><b>NOTICES</b></p> <p style="text-align: center;">Giấy phép này có giá trị tối đa 30 ngày<br/>This book is valid for 30 days</p> <p>Từ ngày (From) .....(dd/mm/yyyy)<br/>Đến ngày (until) .....(dd/mm/yyyy)<br/>Cửa khẩu, Vùng/tuyến hoạt động, Nơi đến<br/>Border gate, Operation areas/routes, Destination</p> <p>Cửa khẩu (Border gate): .....</p> <p>.....</p> <p>Vùng/tuyến hoạt động (Operation areas/routes):<br/>.....<br/>.....</p> <p>Nơi đến (Destination): .....</p> <p>.....</p> <p>Ngày cấp (Date of issue): .....</p> <p style="text-align: center;">Cơ quan cấp phép<br/>Issuing Authority<br/>(Signature, stamp)<br/>Trang 3<br/>Page 3</p>           | <p style="text-align: center;"><b>HẢI QUAN - BIÊN PHÒNG</b><br/><b>FOR CUSTOMS - BORDER GUARDS</b></p> <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th colspan="2" style="text-align: center;">HẢI QUAN (CUSTOMS)</th> <th colspan="2" style="text-align: center;">BIÊN PHÒNG (BORDER GUARDS)</th> </tr> <tr> <th style="text-align: center;">Ngày đi<br/>Exit date</th> <th style="text-align: center;">Ngày về<br/>Re-entry date</th> <th style="text-align: center;">Ngày đi<br/>Exit date</th> <th style="text-align: center;">Ngày về<br/>Re-entry date</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td style="height: 150px;"></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> </tbody> </table> <p style="text-align: center;">Trang tiếp theo</p> | HẢI QUAN (CUSTOMS)         |                            | BIÊN PHÒNG (BORDER GUARDS) |                      | Ngày đi<br>Exit date     | Ngày về<br>Re-entry date | Ngày đi<br>Exit date     | Ngày về<br>Re-entry date |  |  |  |  |                    |  |                            |  |                      |                          |                      |                          |  |  |  |  |
|--|---|----------------------------|----------------------------|----------------------------|----------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--|--|--|--|--------------------|--|----------------------------|--|----------------------|--------------------------|----------------------|--------------------------|--|--|--|--|
| HẢI QUAN (CUSTOMS)   |   | BIÊN PHÒNG (BORDER GUARDS) |                            |                            |                      |                          |                          |                          |                          |  |  |  |  |                    |  |                            |  |                      |                          |                      |                          |  |  |  |  |
| Ngày đi<br>Exit date   | Ngày về<br>Re-entry date  | Ngày đi<br>Exit date       | Ngày về<br>Re-entry date   |                            |                      |                          |                          |                          |                          |  |  |  |  |                    |  |                            |  |                      |                          |                      |                          |  |  |  |  |
|  |   |                            |                            |                            |                      |                          |                          |                          |                          |  |  |  |  |                    |  |                            |  |                      |                          |                      |                          |  |  |  |  |
| <p style="text-align: center;"><b>HẢI QUAN - BIÊN PHÒNG</b><br/><b>FOR CUSTOMS - BORDER GUARDS</b></p> <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th colspan="2" style="text-align: center;">HẢI QUAN (CUSTOMS)</th> <th colspan="2" style="text-align: center;">BIÊN PHÒNG (BORDER GUARDS)</th> </tr> <tr> <th style="text-align: center;">Ngày đi<br/>Exit date</th> <th style="text-align: center;">Ngày về<br/>Re-entry date</th> <th style="text-align: center;">Ngày đi<br/>Exit date</th> <th style="text-align: center;">Ngày về<br/>Re-entry date</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td style="height: 150px;"></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> </tbody> </table> | HẢI QUAN (CUSTOMS)  |                            | BIÊN PHÒNG (BORDER GUARDS) |                            | Ngày đi<br>Exit date | Ngày về<br>Re-entry date | Ngày đi<br>Exit date     | Ngày về<br>Re-entry date |                          |  |  |  | <p style="text-align: center;"><b>HẢI QUAN - BIÊN PHÒNG</b><br/><b>FOR CUSTOMS - BORDER GUARDS</b></p> <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th colspan="2" style="text-align: center;">HẢI QUAN (CUSTOMS)</th> <th colspan="2" style="text-align: center;">BIÊN PHÒNG (BORDER GUARDS)</th> </tr> <tr> <th style="text-align: center;">Ngày đi<br/>Exit date</th> <th style="text-align: center;">Ngày về<br/>Re-entry date</th> <th style="text-align: center;">Ngày đi<br/>Exit date</th> <th style="text-align: center;">Ngày về<br/>Re-entry date</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td style="height: 150px;"></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> </tbody> </table> | HẢI QUAN (CUSTOMS) |  | BIÊN PHÒNG (BORDER GUARDS) |  | Ngày đi<br>Exit date | Ngày về<br>Re-entry date | Ngày đi<br>Exit date | Ngày về<br>Re-entry date |  |  |  |  |
| HẢI QUAN (CUSTOMS)   |   | BIÊN PHÒNG (BORDER GUARDS) |                            |                            |                      |                          |                          |                          |                          |  |  |  |  |                    |  |                            |  |                      |                          |                      |                          |  |  |  |  |
| Ngày đi<br>Exit date   | Ngày về<br>Re-entry date  | Ngày đi<br>Exit date       | Ngày về<br>Re-entry date   |                            |                      |                          |                          |                          |                          |  |  |  |  |                    |  |                            |  |                      |                          |                      |                          |  |  |  |  |
|  |   |                            |                            |                            |                      |                          |                          |                          |                          |  |  |  |  |                    |  |                            |  |                      |                          |                      |                          |  |  |  |  |
| HẢI QUAN (CUSTOMS)   |   | BIÊN PHÒNG (BORDER GUARDS) |                            |                            |                      |                          |                          |                          |                          |  |  |  |  |                    |  |                            |  |                      |                          |                      |                          |  |  |  |  |
| Ngày đi<br>Exit date   | Ngày về<br>Re-entry date  | Ngày đi<br>Exit date       | Ngày về<br>Re-entry date   |                            |                      |                          |                          |                          |                          |  |  |  |  |                    |  |                            |  |                      |                          |                      |                          |  |  |  |  |
|  |   |                            |                            |                            |                      |                          |                          |                          |                          |  |  |  |  |                    |  |                            |  |                      |                          |                      |                          |  |  |  |  |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|

**Hướng dẫn (Instruction)**

1. Sổ giấy phép này bao gồm 10 trang không bao gồm bìa.

This permit contains 10 pages excluding the covers.

2. Khi giấy phép bị mất hoặc không đọc được vì bất cứ nguyên nhân gì, người giữ giấy phép phải yêu cầu cấp giấy phép mới tại cơ quan có thẩm quyền cấp phép.

When this permit get lost or illegible for any reasons, the holder should request the competent authority to re-issue.

3. Giấy phép này phải xuất trình cho cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu.

This permit shall be presented to the competent authorities upon request.

4. Giấy phép này chỉ sử dụng cho phương tiện đã được ghi trong giấy và phải được gia hạn trước ngày hết hạn một tháng.

This permit shall be used for the specified vehicle only and shall be extended one month before the expiry date.

**Mẫu phù hiệu liên vận giữa Việt Nam và Campuchia**

Số/Number: .....

**PHÙ HIỆU GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA VIỆT NAM VÀ CAMPUCHIA  
STICKER**

**VIET NAM - CAMBODIA VEHICLE CROSS - BORDER TRANSPORT  
PERMIT**

Đơn vị kinh doanh vận tải/Transport Operator Name:

.....

Số đăng ký/Registration Number:

.....

Thời hạn/Period of Validity:

từ/from.....đến/until.....

Cửa khẩu vào/Entry point:

.....

Cửa khẩu ra/Exit point:

.....

Tuyến đường/Route:

.....

Cơ quan

cấp/Issuing

authority

(Ký tên, đóng

dấu/Signature,

Stamp)

**Ghi chú:** Kích thước 115 mm x 210 mm, nền trắng chữ đỏ, khung viền màu đỏ.

## 2. Cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia

### 2.1. Trình tự thực hiện:

#### a) Nộp hồ sơ TTHC:

Tổ chức, cá nhân, đơn vị kinh doanh vận tải nộp hồ sơ cho cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép:

- Cục Đường bộ Việt Nam cấp giấy phép cho các phương tiện sau:

+ Phương tiện thương mại;

+ Phương tiện phi thương mại của các cơ quan trung ương của Đảng, Quốc hội và Chính phủ; các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các cơ quan thuộc bộ, các cơ quan ngoại giao, các tổ chức chính phủ, các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể, các tổ chức sự nghiệp ở trung ương.

- Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương cấp giấy phép liên vận cho phương tiện phi thương mại của các cơ quan, tổ chức, cá nhân đóng trên địa bàn địa phương.

- Sở Giao thông vận tải địa phương nơi có cửa khẩu biên giới giáp với Campuchia cấp giấy phép liên vận cho phương tiện phi thương mại của các tổ chức, cá nhân đóng trên địa bàn các tỉnh khác của Việt Nam đi qua cửa khẩu tại địa phương mình quản lý.

#### b) Giải quyết TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra. Trường hợp tiếp nhận hồ sơ trực tiếp qua đường bưu chính, cán bộ tiếp nhận hồ sơ cập nhật thông tin của các hồ sơ đúng theo quy định vào hệ thống dịch vụ công trực tuyến của cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép. Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến cho tổ chức, cá nhân, đơn vị kinh doanh vận tải trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ;

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thực hiện cấp giấy phép. Trường hợp không cấp, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thông báo bằng văn bản hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến và nêu rõ lý do;

- Việc trả kết quả được thực hiện tại trụ sở cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép hoặc qua đường bưu chính hoặc hình thức trực tuyến theo quy định.

**2.2. Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp, trực tuyến, đường bưu chính đến Sở Giao thông vận tải qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

### 2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

#### a) Thành phần hồ sơ:

\* Đối với phương tiện thương mại:

- Giấy đề nghị cấp lại giấy phép theo mẫu;

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô hoặc bản sao giấy hẹn nhận Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô của cơ quan cấp đăng ký hoặc bản sao từ sổ gốc của Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô. Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải phải xuất trình thêm bản sao một trong các giấy tờ sau: Hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên và hợp tác xã hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh;

- Bản sao văn bản thông báo khai thác tuyến, văn bản thay thế phương tiện hoặc văn bản bổ sung phương tiện của cơ quan quản lý tuyến và hợp đồng đón trả khách tại bến xe khách ở Việt Nam và bến xe khách hoặc nơi đón trả khách ở Campuchia (đối với phương tiện kinh doanh tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Campuchia).

\* Đối với phương tiện phi thương mại gồm:

- Giấy đề nghị cấp lại giấy phép theo mẫu;

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô hoặc bản sao giấy hẹn nhận Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô của cơ quan cấp đăng ký hoặc bản sao từ sổ gốc của Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô. Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của tổ chức, cá nhân phải xuất trình thêm bản sao hợp đồng thuê phương tiện;

- Bản sao quyết định cử đi công tác của cơ quan có thẩm quyền đối với xe công vụ.

\* Trường hợp Giấy phép liên vận hết thời hạn sử dụng hoặc còn thời hạn sử dụng nhưng hết trang đóng dấu xác nhận của các cơ quan quản lý tại cửa khẩu: thành phần hồ sơ theo quy định đối với phương tiện thương mại hoặc phương tiện phi thương mại nêu ở trên.

\* Trường hợp Giấy phép liên vận hư hỏng, bị mất:

- Đối với phương tiện thương mại: Giấy đề nghị cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia cho phương tiện thương mại

- Đối với phương tiện phi thương mại: Giấy đề nghị cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia cho phương tiện phi thương mại.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

#### **2.4. Thời hạn giải quyết:**

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

#### **2.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.**

#### **2.6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Đường bộ Việt Nam, Sở Giao thông vận tải;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cục Đường bộ Việt Nam, Sở



Giao thông vận tải;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

**2.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:**

- Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia.

**2.8. Phí, lệ phí:** Không có.

**2.9. Tên mẫu đơn, tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:**

- Giấy đề nghị cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia cho phương tiện thương mại;

- Giấy đề nghị cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia cho phương tiện phi thương mại;

- Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia.

**2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** Không có

**2.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới;

- Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.

**Mẫu Giấy đề nghị cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia  
cho phương tiện thương mại**

**TÊN ĐƠN VỊ KINH  
DOANH VẬN TẢI ĐỀ  
NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP**

-----

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  
NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

**GIẤY ĐỀ NGHỊ  
CẤP LẠI GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA VIỆT NAM VÀ CAMPUCHIA**

Kính gửi: .....

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:.....
2. Địa chỉ: .....
3. Số điện thoại: ..... Số Fax/Địa chỉ email: .....
4. Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia cấp số  
..... Ngày cấp .....
5. Đề nghị cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia cho các  
phương tiện vận tải sau:

| <b>Số<br/>TT</b> | <b>Biển<br/>số xe</b> | <b>Trọng<br/>tải<br/>(ghé)</b> | <b>Năm<br/>sản<br/>xuất</b> | <b>Nhãn<br/>hiệu</b> | <b>Số<br/>khung</b> | <b>Số<br/>máy</b> | <b>Màu<br/>sơn</b> | <b>Thời gian<br/>đề nghị cấp<br/>Giấy phép</b> | <b>Cửa khẩu<br/>xuất - nhập</b> |
|------------------|-----------------------|--------------------------------|-----------------------------|----------------------|---------------------|-------------------|--------------------|--|---------------------------------|
| 1                | 2                     | 3                              | 4                           | 5                    | 6                   | 7                 | 8                  | 9  | 10                              |
| 1                |                       |                                |                             |                      |                     |                   |                    |  |                                 |
| 2                |                       |                                |                             |                      |                     |                   |                    |  |                                 |
| 3                |                       |                                |                             |                      |                     |                   |                    |  |                                 |

Đối với phương tiện thay thế: ghi rõ phương tiện có biển kiểm soát .....  
thay thế phương tiện có biển kiểm soát .....

6. Loại hình kinh doanh vận tải:

a) Hành khách theo tuyến cố  
định:

b) Khách du lịch:

c) Hành khách theo hợp  
đồng:

d) Vận tải hàng hóa:

**Ghi chú:** Đối với phương tiện vận chuyển hành khách cố định bổ sung thêm các  
thông tin sau:

Tuyến: ..... đi ..... và ngược lại

Bến đi: Bến xe ..... (thuộc tỉnh: ..... Việt Nam)

Bến đến: Bến xe ..... (thuộc tỉnh: ..... Campuchia)

Cự ly vận chuyển: ..... km

Hành trình tuyến đường:.....

Đã được ..... thông báo khai thác tuyến tại công văn số ..... Ngày  
.....

....., ngày ... tháng ... năm ...

**Đơn vị kinh doanh vận tải**  
(Ký tên, đóng dấu)

**Mẫu Giấy đề nghị cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia  
cho phương tiện phi thương mại**

**TÊN TỔ CHỨC/CÁ  
NHÂN ĐỀ NGHỊ CẤP  
GIẤY PHÉP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  
NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

-----

**GIẤY ĐỀ NGHỊ  
CẤP LẠI GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA VIỆT NAM VÀ CAMPUCHIA**

Kính gửi: .....

1. Tên tổ chức/cá nhân: .....

2. Địa chỉ: .....

3. Số điện thoại: ..... Số Fax/Địa chỉ email:

.....

4. Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia (đối với đơn vị kinh doanh vận tải) cấp số:..... ngày cấp: .....

5. Đề nghị ..... cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia cho phương tiện vận tải sau:


| Số TT | Biển số xe | Trọng tải (ghé) | Năm sản xuất | Nhãn hiệu | Số khung | Số máy | Màu sơn | Thời gian đề nghị cấp phép | Cửa khẩu xuất - nhập |
|-------|------------|-----------------|--------------|-----------|----------|--------|---------|----------------------------|----------------------|
| 1     | 2          | 3               | 4            | 5         | 6        | 7      | 8       | 9                          | 10                   |
| 1     |            |                 |              |           |          |        |         |                            |                      |
| 2     |            |                 |              |           |          |        |         |                            |                      |
| 3     |            |                 |              |           |          |        |         |                            |                      |

....., ngày ... tháng ... năm ...

**Tổ chức/Cá nhân**

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

## Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia cho phương tiện thương mại

|  |  |
|--|--|
| <p style="text-align: center;"><b>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM</b><br/>SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM</p> <div style="text-align: center;">  </div> <p style="text-align: center;"><b>GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA<br/>VIỆT NAM VÀ CAMPUCHIA</b></p> <p style="text-align: center;"><b>VIET NAM - CAMBODIA<br/>VEHICLE CROSS-BORDER<br/>TRANSPORT PERMIT</b></p>  | <p style="text-align: center;">Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam<br/>Socialist Republic of Viet Nam</p> <p style="text-align: center;"><b>Bộ Giao thông vận tải Việt Nam đề nghị<br/>các cơ quan hữu quan cho phép phương<br/>tiện này đi lại dễ dàng và hỗ trợ khi cần thiết</b></p> <p style="text-align: center;"><b>The Ministry of Transport of Viet Nam<br/>requests relevant agencies to allow the vehicles to operate<br/>conveniently and to render the vehicle any assistance as<br/>necessary</b></p> <p style="text-align: center;">Mặt sau bìa trước/Back side</p>   |
| <p style="text-align: center;"><b>Bộ Giao thông vận tải Việt Nam</b><br/>Ministry of Transport of Viet Nam</p> <p style="text-align: center;"><b>GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA<br/>VIỆT NAM VÀ CAMPUCHIA</b></p> <p style="text-align: center;"><b>VIET NAM - CAMBODIA VEHICLE<br/>CROSS-BORDER<br/>TRANSPORT PERMIT</b></p> <p>Số Giấy phép (Permit Number):<br/>Không cho người khác sử dụng và không được chuyển nhượng<br/>(Non transferable and non negotiable)</p> <p style="text-align: center;">Xe kinh doanh vận tải<br/>Commercial Vehicle</p> <p style="text-align: center;">Trang 1<br/>Page 1</p> | <p style="text-align: center;"><b>Số đăng ký phương tiện (Registration number)</b><br/>.....</p> <p style="text-align: center;"><b>Ký hiệu nhận biết (Distinguishing sign)</b><br/>VN</p> <p style="text-align: center;"><b>Chi tiết về đơn vị kinh doanh vận tải</b><br/>Details of Transport Operator</p> <p><b>Tên đơn vị kinh doanh vận tải (Transport Operator Name):</b><br/>.....</p> <p><b>Địa chỉ (Address):</b> .....</p> <p><b>Lĩnh vực hoạt động vận tải (Type of transport operation):</b><br/>.....</p> <p><b>Số giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và<br/>Campuchia (Viet Nam - Cambodia cross-border Transport<br/>Permit No.):</b> .....</p> <p><b>Ngày phát hành (Issuing date):</b> .....</p> <p style="text-align: center;">Trang 2<br/>Page 2</p> |
| <p style="text-align: center;"><b>GHI CHÚ</b><br/><i>NOTICES</i></p> <p style="text-align: center;"><b>Giấy phép này có giá trị</b><br/>This Permit is valid</p> <p><b>Từ ngày (From) .....</b>(dd/mm/yyyy)<br/><b>Đến ngày (until) .....</b>(dd/mm/yyyy)<br/><b>Cửa khẩu, Vùng/tuyến hoạt động, Nơi đến</b><br/>Border gate, Operation areas/routes, Destination<br/><b>Cửa khẩu (Border gate):</b> .....</p> <p><b>Vùng/tuyến hoạt động (Operation areas/routes):</b> .....</p> <p><b>Nơi đến (Destination):</b> .....</p> <p><b>Ngày cấp (Date of issuance):</b> .....</p>                            | <p style="text-align: center;"><b>GHI CHÚ</b><br/><i>NOTICES</i></p> <p style="text-align: center;"><b>Giấy phép này được gia hạn</b><br/>This Permit is extended</p> <p><b>Đến ngày (until) .....</b>(dd/mm/yyyy)<br/><b>Cửa khẩu, Vùng/tuyến hoạt động, Nơi đến</b><br/>Border gate, Operation areas/routes, Destination<br/><b>Cửa khẩu (Border gate):</b> .....</p> <p><b>Vùng/tuyến hoạt động (Operation areas/routes):</b> .....</p> <p><b>Nơi đến (Destination):</b> .....</p> <p><b>Ngày cấp (Date of issuance):</b> .....</p>   |

| Issuing Authority<br>(Signature, stamp)   |                             |   |                           |
|---|-----------------------------|---|---------------------------|
| Trang 3   |                             |   |                           |
| Chuyến đi<br>(Trip)   | Ngày vào<br>(Date of entry) | Gia hạn đến<br>(Extension until)<br>(nếu có/if any) | Ngày ra<br>(Date of exit) |
| (1)   | (2)                         | (3)   | (4)                       |
| - Thời hạn tạm nhập (Duration of temporary admission):... ngày (days)<br>- Cửa khẩu vào (entry point):...<br>- Cửa khẩu ra (exit point):...<br>- Tuyến đường (Route):...<br>Dấu Hải quan Customs Seal | Dấu Hải quan Customs Seal   | Dấu Hải quan Customs Seal                           | Dấu Hải quan Customs seal |
| - Thời hạn tạm nhập (Duration of temporary admission):... ngày (days)<br>- Cửa khẩu vào (entry point):...<br>- Cửa khẩu ra (exit point):...<br>- Tuyến đường (Route):...<br>Dấu Hải quan Customs Seal | Dấu Hải quan Customs Seal   | Dấu Hải quan Customs seal                           | Dấu Hải quan Customs seal |

| Issuing Authority<br>(Signature, stamp)   |                             |   |                           |
|---|-----------------------------|---|---------------------------|
| Trang 4   |                             |   |                           |
| Chuyến đi<br>(Trip)   | Ngày vào<br>(Date of entry) | Gia hạn đến<br>(Extension until)<br>(nếu có/if any) | Ngày ra<br>(Date of exit) |
| (1)   | (2)                         | (3)   | (4)                       |
| - Thời hạn tạm nhập (Duration of temporary admission):... ngày (days)<br>- Cửa khẩu vào (entry point):...<br>- Cửa khẩu ra (exit point):...<br>- Tuyến đường (Route):...<br>Dấu Hải quan Customs Seal | Dấu Hải quan Customs Seal   | Dấu Hải quan Customs Seal                           | Dấu Hải quan Customs seal |
| - Thời hạn tạm nhập (Duration of temporary admission):... ngày (days)<br>- Cửa khẩu vào (entry point):...<br>- Cửa khẩu ra (exit point):...<br>- Tuyến đường (Route):...<br>Dấu Hải quan Customs Seal | Dấu Hải quan Customs Seal   | Dấu Hải quan Customs seal                           | Dấu Hải quan Customs seal |

| Chuyến đi<br>(Trip)   | Ngày vào<br>(Date of entry)       | Gia hạn đến<br>(Extension until)<br>(nếu có/if any) | Ngày ra<br>(Date of exit)         |
|---|-----------------------------------|---|-----------------------------------|
| (1)   | (2)                               | (3)   | (4)                               |
| - Thời hạn tạm nhập (Duration of temporary admission):... ngày (days)<br>- Cửa khẩu vào (entry point):...<br>- Cửa khẩu ra (exit point):...<br>- Tuyến đường (Route):...<br>Dấu Biên phòng Border Guards Seal | Dấu Biên phòng Border Guards Seal | Dấu Biên phòng Border Guards Seal                   | Dấu Biên phòng Border Guards Seal |
| - Thời hạn tạm nhập (Duration of temporary admission):... ngày (days)<br>- Cửa khẩu vào (entry point):...<br>- Cửa khẩu ra (exit point):...<br>- Tuyến đường (Route):...<br>Dấu Biên phòng Border Guards Seal | Dấu Biên phòng Border Guards Seal | Dấu Biên phòng Border Guards Seal                   | Dấu Biên phòng Border Guards Seal |

| Chuyến đi<br>(Trip)   | Ngày vào<br>(Date of entry)       | Gia hạn đến<br>(Extension until)<br>(nếu có/if any) | Ngày ra<br>(Date of exit)         |
|---|-----------------------------------|---|-----------------------------------|
| (1)   | (2)                               | (3)   | (4)                               |
| - Thời hạn tạm nhập (Duration of temporary admission):... ngày (days)<br>- Cửa khẩu vào (entry point):...<br>- Cửa khẩu ra (exit point):...<br>- Tuyến đường (Route):...<br>Dấu Biên phòng Border Guards Seal | Dấu Biên phòng Border Guards Seal | Dấu Biên phòng Border Guards Seal                   | Dấu Biên phòng Border Guards Seal |
| - Thời hạn tạm nhập (Duration of temporary admission):... ngày (days)<br>- Cửa khẩu vào (entry point):...<br>- Cửa khẩu ra (exit point):...<br>- Tuyến đường (Route):...<br>Dấu Biên phòng Border Guards Seal | Dấu Biên phòng Border Guards Seal | Dấu Biên phòng Border Guards Seal                   | Dấu Biên phòng Border Guards Seal |

|   |   |   |   |
|---|---|---|---|
| Dấu Biên<br>phòng<br>Border<br>Guards<br>Seal | Dấu Biên<br>phòng<br>Border<br>Guards<br>Seal | Dấu Biên<br>phòng<br>Border<br>Guards<br>Seal | Dấu Biên<br>phòng<br>Border<br>Guards<br>Seal |
|---|---|---|---|

|  |   |   |   |
|--|---|---|---|
| Dấu Biên<br>phòng<br>Border Guards<br>Seal | Dấu Biên<br>phòng<br>Border<br>Guards<br>Seal | Dấu Biên<br>phòng<br>Border<br>Guards<br>Seal | Dấu Biên<br>phòng<br>Border<br>Guards<br>Seal |
|--|---|---|---|


#### Hướng dẫn (Instruction)

- Số giấy phép này bao gồm 50 trang không bao gồm bìa.  
This permit contains 50 pages excluding the covers.
- Khi giấy phép bị mất hoặc không đọc được vì bất cứ nguyên nhân gì, người giữ giấy phép phải yêu cầu cấp giấy phép mới tại cơ quan có thẩm quyền cấp phép.  
When this permit get lost or illegible for any reasons, the holder should request the competent authority to re-issue.
- Giấy phép này phải xuất trình cho cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu.  
This permit shall be presented to the competent authorities upon request.
- Giấy phép này chỉ sử dụng cho phương tiện đã được ghi trong giấy và phải được gia hạn trước ngày hết hạn một tháng.  
This permit shall be used for the specified vehicle only and shall be extended one month before the expiry date.

#### Ghi chú (Notices):

Khổ giấy rộng: 105 mm, dài 150 mm  
Page size: 105 mm x 150 mm  
Loại bìa màu xanh dùng để cấp cho xe tải  
Green cover used for truck  
Loại bìa màu vàng cấp cho xe buýt  
Yellow cover used for bus  
Loại bìa màu hồng cấp cho xe phi thương mại  
Pink cover used for non-commercial vehicle

## Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia cho phương tiện phi thương mại

|   |   |
|---|---|
| <p><b>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br/>SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM</b></p>  <p><b>GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA<br/>VIỆT NAM VÀ CAMPUCHIA</b></p> <p><b>VIET NAM - CAMBODIA<br/>VEHICLE CROSS-BORDER<br/>TRANSPORT PERMIT</b></p> | <p><b>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br/>SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM</b></p> <p><b>Bộ Giao thông vận tải Việt Nam đề nghị<br/>các cơ quan hữu quan cho phép phương<br/>tiện này đi lại dễ dàng và hỗ trợ khi cần thiết</b></p> <p><b>The Ministry of Transport of Viet Nam<br/>requests relevant agencies to allow the vehicles<br/>to operate conveniently and to render the<br/>vehicle any assistance as necessary</b></p>  |
| <p><b>Bộ Giao thông vận tải Việt Nam<br/>Ministry of Transport of Viet Nam</b></p> <p><b>GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA<br/>VIỆT NAM VÀ CAMPUCHIA</b></p> <p><b>VIET NAM – CAMBODIA VEHICLE<br/>CROSS - BORDER<br/>TRANSPORT PERMIT</b></p> <p><b>Phương tiện phi thương mại<br/>Non - commercial vehicle</b></p>            | <p><b>Thông tin cơ bản về phương tiện<br/>General data of the vehicle</b></p> <p>1. Số đăng ký phương tiện (Registration number)<br/>.....</p> <p>2. Thông số kỹ thuật (Specifications)<br/>.....</p> <p>- Năm sản xuất (Manufacture year):<br/>.....</p> <p>- Nhân hiệu (Brand/Trademark):<br/>.....</p> <p>- Loại xe (Model):<br/>.....</p> <p>- Màu sơn (Colour):<br/>.....</p> <p>- Số máy (Engine No.):<br/>.....</p> <p>- Số khung (Chassis No.):<br/>.....</p> <p>- Trọng tải (Gross weight):<br/>.....</p> <p style="text-align: right;">Trang 1<br/>Page 1</p> |



**Chi tiết về Cơ quan được cấp giấy phép liên vận**  
**Details of Organization granted transport permit**

Tên cơ quan/đơn vị (Organization name):  
 .....  
 .....

Địa chỉ (Address):  
 .....  
 .....

Điện thoại (Telephone number): .....

Số Fax (Fax number): .....

Mục đích chuyến đi (Purpose of the trip): .....

.....

Số giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia (đối với đơn vị kinh doanh vận tải) (Viet Nam - Cambodia cross-border Transport Permit No. for Transport Operator):.....

Ngày phát hành (Issuing date):.....

Trang 2  
 Page 2

**GHI CHÚ**  
**NOTICES**

Giấy phép này có giá trị tối đa 30 ngày  
 This book is valid for 30 days

Từ ngày (From) .....(dd/mm/yyyy)  
 Đến ngày (until) .....(dd/mm/yyyy)  
 Cửa khẩu, Vùng/tuyến hoạt động, Nơi đến  
 Border gate, Operation areas/routes, Destination

Cửa khẩu (Border gate): .....

.....

Vùng/tuyến hoạt động (Operation areas/routes):  
 .....  
 .....

Nơi đến (Destination): .....

.....

Ngày cấp (Date of issue): .....

Cơ quan cấp phép  
 Issuing Authority  
 (Signature, stamp)

Trang 3  
 Page 3

**HẢI QUAN - BIÊN PHÒNG**  
**FOR CUSTOMS - BORDER GUARDS**

| <b>HẢI QUAN (CUSTOMS)</b> |                          | <b>BIÊN PHÒNG (BORDER GUARDS)</b> |                          |
|---------------------------|--------------------------|-----------------------------------|--------------------------|
| Ngày đi<br>Exit date      | Ngày về<br>Re-entry date | Ngày đi<br>Exit date              | Ngày về<br>Re-entry date |
|                           |                          |                                   |                          |

Trang tiếp theo

**HẢI QUAN - BIÊN PHÒNG**  
**FOR CUSTOMS - BORDER GUARDS**

| <b>HẢI QUAN (CUSTOMS)</b> |                          | <b>BIÊN PHÒNG (BORDER GUARDS)</b> |                          |
|---------------------------|--------------------------|-----------------------------------|--------------------------|
| Ngày đi<br>Exit date      | Ngày về<br>Re-entry date | Ngày đi<br>Exit date              | Ngày về<br>Re-entry date |
|                           |                          |                                   |                          |

**HẢI QUAN - BIÊN PHÒNG**  
**FOR CUSTOMS - BORDER GUARDS**

| <b>HẢI QUAN (CUSTOMS)</b> |                          | <b>BIÊN PHÒNG (BORDER GUARDS)</b> |                          |
|---------------------------|--------------------------|-----------------------------------|--------------------------|
| Ngày đi<br>Exit date      | Ngày về<br>Re-entry date | Ngày đi<br>Exit date              | Ngày về<br>Re-entry date |
|                           |                          |                                   |                          |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|

**Hướng dẫn (Instruction)**

1. Sổ giấy phép này bao gồm 10 trang không bao gồm bìa.

This permit contains 10 pages excluding the covers.

2. Khi giấy phép bị mất hoặc không đọc được vì bất cứ nguyên nhân gì, người giữ giấy phép phải yêu cầu cấp giấy phép mới tại cơ quan có thẩm quyền cấp phép.

When this permit get lost or illegible for any reasons, the holder should request the competent authority to re-issue.

3. Giấy phép này phải xuất trình cho cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu.

This permit shall be presented to the competent authorities upon request.

4. Giấy phép này chỉ sử dụng cho phương tiện đã được ghi trong giấy và phải được gia hạn trước ngày hết hạn một tháng.

This permit shall be used for the specified vehicle only and shall be extended one month before the expiry date.

**Mẫu phù hiệu liên vận giữa Việt Nam và Campuchia**

Số/Number: .....

**PHÙ HIỆU GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA VIỆT NAM VÀ CAMPUCHIA  
STICKER****VIET NAM - CAMBODIA VEHICLE CROSS - BORDER TRANSPORT  
PERMIT**

Đơn vị kinh doanh vận tải/Transport Operator Name:

.....

Cơ quan  
cấp/Issuing  
authority

Số đăng ký/Registration Number:

.....

(Ký tên, đóng  
dấu/Signature,  
Stamp)

Thời hạn/Period of Validity:

từ/from.....đến/until.....

Cửa khẩu vào/Entry point:

.....

Cửa khẩu ra/Exit point:

.....

Tuyến đường/Route:

.....

**Ghi chú:** Kích thước 115 mm x 210 mm, nền trắng chữ đỏ, khung viền màu đỏ.

### **3. Cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia**

#### **3.1. Trình tự thực hiện:**

##### a) Nộp hồ sơ TTHC:

Tổ chức, cá nhân, đơn vị kinh doanh vận tải hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép:

- Cục Đường bộ Việt Nam cấp giấy phép cho các loại phương tiện:

+ Phương tiện thương mại gồm xe vận chuyển hành khách hợp đồng, xe vận chuyển khách du lịch, xe vận tải hàng hóa;

+ Phương tiện phi thương mại của các tổ chức, cá nhân có nhu cầu đề nghị cấp tại Cục Đường bộ Việt Nam.

- Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho phương tiện vận tải hành khách tuyến cố định, phương tiện phi thương mại của các tổ chức, cá nhân đóng trên địa bàn địa phương.

- Sở Giao thông vận tải địa phương nơi có cửa khẩu biên giới giáp với Lào và Campuchia theo Phụ lục của Bản ghi nhớ giữa Chính phủ các nước Vương quốc Campuchia, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào và Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về vận tải đường bộ, cấp giấy phép cho phương tiện phi thương mại của các tổ chức, cá nhân đóng trên địa bàn các tỉnh khác của Việt Nam đi qua cửa khẩu của địa phương mình.

##### b) Giải quyết TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra. Đối với hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu chính, cán bộ tiếp nhận hồ sơ cập nhật thông tin của các hồ sơ đúng theo quy định vào hệ thống dịch vụ công trực tuyến của cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép. Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến những nội dung chưa đầy đủ hoặc cần sửa đổi đến tổ chức, cá nhân, đơn vị kinh doanh vận tải trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ;

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền thực hiện cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia. Trường hợp không cấp, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thông báo bằng văn bản hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến và nêu rõ lý do;

- Việc trả kết quả được thực hiện tại trụ sở cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép hoặc qua đường bưu chính theo quy định.

**3.2. Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp, trực tuyến, đường bưu chính đến Sở Giao thông vận tải qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

#### **3.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

\* Thành phần hồ sơ đối với phương tiện thương mại:

- Giấy đề nghị cấp giấy phép theo mẫu.

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô hoặc bản sao giấy hẹn nhận Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô của cơ quan cấp đăng ký hoặc bản sao từ sổ gốc của Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô. Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải phải xuất trình thêm bản sao một trong các giấy tờ sau: Hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên và hợp tác xã hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh;

- Bản sao văn bản thông báo khai thác tuyến, văn bản thay thế phương tiện hoặc văn bản bổ sung phương tiện của cơ quan quản lý tuyến và hợp đồng đón trả khách tại bến xe khách ở Việt Nam và bến xe khách hoặc nơi đón trả khách ở Lào, Campuchia (đối với phương tiện kinh doanh tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia).

\* Thành phần hồ sơ đối với phương tiện phi thương mại:

- Giấy đề nghị cấp giấy phép theo mẫu.

- Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu). Trường hợp phương tiện không thuộc sở hữu của tổ chức, cá nhân thì phải kèm theo tài liệu chứng minh quyền sử dụng hợp pháp của tổ chức, cá nhân với phương tiện đó (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu);

- Đối với doanh nghiệp thực hiện công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh trên lãnh thổ Lào hoặc Campuchia thì kèm theo hợp đồng hoặc tài liệu chứng minh doanh nghiệp đang thực hiện công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh, trên lãnh thổ Lào, Campuchia (bản sao có chứng thực).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

### **3.4. Thời hạn giải quyết:**

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

**3.5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức, cá nhân.

### **3.6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Đường bộ Việt Nam, Sở Giao thông vận tải;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cục Đường bộ Việt Nam, Sở Giao thông vận tải;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

### **3.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:**

- Giấy phép liên vận, Phù hiệu giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia.

**3.8. Phí, lệ phí:** Không có.

**3.9. Tên mẫu đơn, tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:**

- Giấy đề nghị cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho phương tiện thương mại;

- Giấy đề nghị cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho phương tiện phi thương mại.

- Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho phương tiện thương mại;

- Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho phương tiện phi thương mại.

**3.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** Không có

**3.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới;

- Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.

**Mẫu Giấy đề nghị cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và  
Campuchia cho phương tiện thương mại**

**TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH VẬN TẢI ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP**                                 **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

**GIẤY ĐỀ NGHỊ  
CẤP GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA VIỆT NAM, LÀO VÀ CAMPUCHIA  
CHO PHƯƠNG TIỆN THƯƠNG MẠI**

Kính gửi:.....

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải: .....
2. Địa chỉ: .....
3. Số điện thoại:.....Số Fax: .....
4. Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào hoặc/và Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia số:.....ngày cấp:.....
5. Đề nghị ..... cấp (cấp lại) Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho phương tiện vận tải sau:

| Số TT | Biển số xe | Trọng tải (ghế) | Năm sản xuất | Nhãn hiệu | Số khung | Số máy | Màu sơn | Thời gian đề nghị cấp phép | Hình thức hoạt động (vận chuyển hàng hóa hay hành khách) | Cửa khẩu xuất - nhập cảnh |
|-------|------------|-----------------|--------------|-----------|----------|--------|---------|----------------------------|--|---------------------------|
| 1     | 2          | 3               | 4            | 5         | 6        | 7      | 8       | 9                          | 10   | 11                        |
| 1     |            |                 |              |           |          |        |         |                            |  |                           |
| 2     |            |                 |              |           |          |        |         |                            |  |                           |
| 3     |            |                 |              |           |          |        |         |                            |  |                           |

6. Loại hình kinh doanh vận tải:

- a) Hành khách theo tuyến cố định:                  b) Khách du lịch:
- c) Hành khách theo hợp đồng:                          d) Vận tải hàng hóa:

***Ghi chú: Đối với phương tiện vận chuyển hành khách cố định bổ sung thêm các thông tin sau:***

Tuyến: .....đi .....và ngược lại

Bến đi: Bến xe .....(thuộc tỉnh: .....Việt Nam)

Bến đến: Bến xe .....(thuộc tỉnh: .....)

Cự ly vận chuyên: ..... km

Hành trình tuyến đường:.....

Đã được .....thông báo khai thác tuyến tại công  
văn số ..... ngày ... tháng ... năm ...

..., ngày ... tháng ... năm ...

**Đơn vị kinh doanh vận tải**

(Ký tên, đóng dấu)



**Mẫu Giấy đề nghị cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và  
Campuchia cho phương tiện phi thương mại**

**TÊN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN                      CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  
NAM**

**ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP                      Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----  
-----

**GIẤY ĐỀ NGHỊ  
CẤP GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA VIỆT NAM, LÀO VÀ CAMPUCHIA  
CHO PHƯƠNG TIỆN PHI THƯƠNG MẠI**

Kính gửi:.....

1. Tên tổ chức/cá nhân: .....
2. Địa chỉ: .....
3. Số điện thoại: ..... Số Fax/Địa chỉ email:.....
4. Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào hoặc/và Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia (đối với đơn vị kinh doanh vận tải) số:.....Ngày cấp:.....
5. Đề nghị ..... cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho phương tiện phi thương mại sau:

| Số TT | Biển số xe | Trọng tải (ghé) | Năm sản xuất | Nhãn hiệu | Số khung | Số máy | Màu sơn | Thời gian đề nghị cấp phép | Cửa khẩu xuất - nhập cảnh |
|-------|------------|-----------------|--------------|-----------|----------|--------|---------|----------------------------|---------------------------|
| 1     | 2          | 3               | 4            | 5         | 6        | 7      | 8       | 9                          | 11                        |
| 1     |            |                 |              |           |          |        |         |                            |                           |
| 2     |            |                 |              |           |          |        |         |                            |                           |
| 3     |            |                 |              |           |          |        |         |                            |                           |

6. Mục đích chuyến đi:

a) Công vụ:

b) Cá nhân:

c) Phục vụ hoạt động của tổ chức/cá nhân:



d) Mục đích khác:

..., ngày ... tháng ... năm ...

**Tổ chức/Cá nhân**

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))



**Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho phương tiện thương mại**

|  |   |
|--|---|
|  <p align="center"> <b>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM</b><br/> <b>SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM</b><br/> <b>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</b><br/> <b>Independence - Freedom - Happiness</b><br/> <b>***</b> </p> <p align="center"> <b>GIẤY PHÉP LIÊN VẬN</b><br/> <b>GIỮA VIỆT NAM, LÀO VÀ CAMPUCHIA</b><br/> <b>VIET NAM - LAOS - CAMBODIA</b><br/> <b>VEHICLE</b><br/> <b>CROSS - BORDER TRANSPORT PERMIT</b><br/> <b>PHƯƠNG TIỆN THƯƠNG MẠI</b><br/> <b>COMMERCIAL VEHICLE</b> </p>  | <p align="center"> <b>Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam</b><br/> <b>Socialist Republic of Viet Nam</b> </p> <p> <b>Bộ Giao thông vận tải Việt Nam đề nghị</b><br/> <b>các cơ quan hữu quan cho phép phương</b><br/> <b>tiện này đi lại dễ dàng và hỗ trợ khi cần thiết</b> </p> <p> <b>The Ministry of Transport of Viet Nam</b><br/> <b>requests relevant agencies to allow the vehicles</b><br/> <b>to operate conveniently and to render the</b><br/> <b>vehicle any assistance as necessary</b> </p> <p align="center">Mặt sau bìa trước/Back side</p>   |
|  <p align="center"> <b>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM</b><br/> <b>SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM</b><br/> <b>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</b><br/> <b>Independence - Freedom - Happiness</b><br/> <b>***</b> </p> <p align="center"> <b>GIẤY PHÉP LIÊN VẬN</b><br/> <b>GIỮA VIỆT NAM, LÀO VÀ CAMPUCHIA</b><br/> <b>VIET NAM - LAOS - CAMBODIA VEHICLE</b><br/> <b>CROSS - BORDER TRANSPORT PERMIT</b> </p> <p>         Số giấy phép (Permit number).....<br/>         Ngày cấp (Date of issuance): .....<br/>         Thời hạn (Period of validity): Từ<br/>         (from).....đến (until).....(dd/mm/yyyy)       </p> <p align="center"> <b>Cơ quan cấp (Issuing Authority)</b><br/> <b>(Ký tên và đóng dấu)</b><br/> <b>(Signature, Stamp)</b> </p> <p align="center"><b>Page 1</b></p> | <p align="center"><b>Chi tiết về Đơn vị vận tải</b></p> <p align="center"><b>Details of Transport Operator/Organization</b></p> <p>1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải (Transport Operator Name).....<br/>         Địa chỉ (Address): .....<br/>         Điện thoại (Telephone number): .....<br/>         Số Fax (Fax number): .....</p> <p>2. Tên chủ phương tiện (Vehicle Owner):.....<br/>         Địa chỉ (Address): .....<br/>         Tel: ..... Fax: .....</p> <p align="center"><b>Thông tin cơ bản về phương tiện</b></p> <p align="center"><b>General data of the vehicle</b></p> <p>1. Số đăng ký phương tiện (Registration number): .....</p> <p>2. Thông số kỹ thuật (Specifications):</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Năm sản xuất:..... (Manufacture year)</li> <li>- Nhân hiệu (Brand/ Trademark): .....</li> <li>- Loại xe (Model):.....</li> <li><input type="checkbox"/>Xe tải (Truck) <input type="checkbox"/>Xe khách (Bus) <input type="checkbox"/>Khác (Other)</li> <li>- Màu sơn (Colour): .....</li> <li>- Số máy (Engine number): .....</li> <li>- Số khung (Chassis No.):.....</li> </ul> <p align="center"><b>Page 2</b></p> |

|   |  |   |                                       |   |  |   |                                       |
|---|--|---|---------------------------------------|---|--|---|---------------------------------------|
| <b>GHI CHÚ</b><br><b>NOTICES</b><br><b>Cửa khẩu, Vùng/tuyến hoạt động</b><br><b>Border gate, Operation areas/routes</b><br><b>Cửa khẩu (Border gate):</b> .....<br>.....<br>.....<br><b>Vùng/tuyến hoạt động (Operation</b><br><b>areas/routes):</b><br>.....<br>.....<br><b>Vận tải hàng hóa/hành khách, tuyến không cố</b><br><b>định/cố định</b><br><b>Cargo transport/passenger transport, non –</b><br><b>scheduled/scheduled</b><br>.....<br>.....<br><b>Ghi chú khác (Others):</b> .....<br>.....<br>.....<br><p style="text-align: center;"><b>Page 3</b></p> |  |   |                                       | <b>GIA HẠN</b><br><b>EXTENTION</b><br><b>Được phép gia hạn 1 lần không quá 10 ngày</b><br><b>(be extended one time and not exceed 10 days)</b><br>.....<br><b>Gia hạn</b><br><b>đến.....</b><br><b>Extended</b><br><b>until.....(dd/mm/yyyy)</b><br><b>Ngày cấp</b><br>.....<br><b>Issuing</b><br><b>date.....</b><br>.....<br><p style="text-align: center;"><b>Cơ quan cấp (Issuing Authority)</b><br/> <b>Ký tên, đóng dấu (Signature, Stamp)</b></p> <p style="text-align: center;"><b>Page 4</b></p> |  |   |                                       |
| <b>BIÊN PHÒNG - HẢI QUAN</b><br><b>FOR CUSTOMS - IMMIGRATION</b>  |  |   |                                       | <b>BIÊN PHÒNG - HẢI QUAN</b><br><b>FOR CUSTOMS - IMMIGRATION</b>  |  |   |                                       |
| <b>HẢI QUAN</b><br><b>(CUSTOMS)</b>   |  | <b>BIÊN PHÒNG</b><br><b>(BORDER GUARDS)</b> |                                       | <b>HẢI QUAN</b><br><b>(CUSTOMS)</b>   |  | <b>BIÊN PHÒNG</b><br><b>(BORDER GUARDS)</b> |                                       |
| Ngày<br>xuất cảnh<br>Exit date  | Ngày<br>nhập<br>cảnh<br>Re-entry<br>date | Ngày<br>xuất<br>cảnh<br>Exit<br>date        | Ngày nhập<br>cảnh<br>Re-entry<br>date | Ngày<br>xuất<br>cảnh<br>Exit<br>date  | Ngày<br>nhập<br>cảnh<br>Re-<br>entry<br>date | Ngày<br>xuất<br>cảnh<br>Exit<br>date        | Ngày nhập<br>cảnh<br>Re-entry<br>date |
| <p style="text-align: center;"><b>Page 5</b></p>  |  |   |                                       | <p style="text-align: center;"><b>Next Pages</b></p>  |  |   |                                       |
| <b>Hướng dẫn (Instruction)</b><br>1. Khi sổ bị mất hoặc không đọc được vì bất cứ nguyên nhân gì, người giữ giấy phép phải yêu cầu   |  |   |                                       | <b>Ghi chú (notices)</b><br>Khổ giấy rộng: 11 cm, dài 15 cm.<br>Page size 11 cm x 15 cm.  |  |   |                                       |

|   |  |
|---|--|
| <p>cấp giấy phép mới tại cơ quan có thẩm quyền cấp phép.</p> <p>When this book get lost or illegible for any reasons, the holder should request the competent authority to re-issue.</p> <p>2. Sổ này phải xuất trình cho cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu.</p> <p>This book shall be presented to the competent authorities upon request.</p> <p>3. Sổ này chỉ sử dụng cho phương tiện đã được ghi trong giấy và phải được gia hạn trước ngày hết hạn một tháng.</p> <p>This book shall be used for the specified vehicle only and shall be extended one month before the expiry date.</p> | <p>Bìa màu đỏ, từ 50 - 100 trang dùng để cấp cho phương tiện thương mại.</p> <p>Red cover (50 - 100 pages) used for commercial vehicles.</p> <p>Bìa màu hồng, từ 10 - 20 trang dùng để cấp cho phương tiện phi thương mại.</p> <p>Pink cover (10 - 20 pages) used for non commercial vehicles.</p> |
|---|--|

**Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho phương tiện phi thương mại**

|  |   |
|--|---|
|  <p align="center"><b>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM</b><br/>SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM<br/><b>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</b><br/>Independence - Freedom - Happiness<br/>***</p> <p align="center"><b>GIẤY PHÉP LIÊN VẬN</b><br/><b>GIỮA VIỆT NAM, LÀO VÀ CAMPUCHIA</b><br/><b>VIET NAM - LAOS - CAMBODIA VEHICLE</b><br/><b>CROSS - BORDER TRANSPORT PERMIT</b><br/><b>PHƯƠNG TIỆN PHI THƯƠNG MẠI</b><br/><b>NON COMMERCIAL VEHICLE</b><br/>Mặt bìa trước/ Cover</p>   | <p align="center"><b>Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam</b><br/><b>Socialist Republic of Viet Nam</b></p> <p align="center"><b>Bộ Giao thông vận tải Việt Nam đề nghị</b><br/><b>các cơ quan hữu quan cho phép phương</b><br/><b>tiện này đi lại dễ dàng và hỗ trợ khi cần thiết</b></p> <p align="center"><b>The Ministry of Transport of Viet Nam</b><br/><b>requests relevant agencies to allow the vehicles to</b><br/><b>operate conveniently and to render the vehicle</b><br/><b>any assistance as necessary</b></p> <p align="center">Mặt sau/Back side</p>   |
|  <p align="center"><b>Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam</b><br/><b>Socialist Republic of Viet Nam</b></p> <p align="center"><b>GIẤY PHÉP LIÊN VẬN</b><br/><b>GIỮA VIỆT NAM, LÀO VÀ CAMPUCHIA</b><br/><b>VIET NAM - LAOS - CAMBODIA VEHICLE</b><br/><b>CROSS - BORDER TRANSPORT PERMIT</b><br/><b>(CLV - CBT PERMIT)</b></p> <p>Số giấy phép (Permit number).....<br/>Ngày cấp (Issuing date): .....<br/>Thời hạn (Period of validity): Từ (from).....đến<br/>(until).....(dd/mm/yyyy)<br/><b>Cơ quan cấp (Issuing Authority)</b><br/><b>(Ký tên và đóng dấu)</b><br/><b>(Signature, Stamp)</b></p> <p align="center"><b>Page 1</b></p> | <p align="center"><b>Chi tiết về tổ chức/cá nhân</b><br/><b>Details of Organization/Individual</b></p> <p>1. Tên tổ chức/cá nhân (Organization/Individual Name).....<br/>Địa chỉ (Address): .....<br/>Điện thoại (Telephone number): .....<br/>Số Fax (Fax number): .....<br/>2. Tên chủ phương tiện (Vehicle Owner):.....<br/>Địa chỉ (Address): .....<br/>Tel: ..... Fax: .....</p> <p align="center"><b>Thông tin cơ bản về phương tiện</b><br/><b>General data of the vehicle</b></p> <p>1. Số đăng ký phương tiện (Registration number):<br/>.....<br/>2. Thông số kỹ thuật (Specifications):.....<br/>- Năm sản xuất (Manufacture year):.....<br/>- Nhân hiệu (Brand/ Trademark): .....<br/>- Loại xe (Model):.....<br/><input type="checkbox"/>Xe tải (Truck) <input type="checkbox"/>Xe khách (Bus) <input type="checkbox"/>Khác (Other)<br/>- Màu sơn (Colour): .....<br/>- Số máy (Engine number): .....<br/>- Số khung (Chassis No.):.....</p> <p align="center"><b>Page 2</b></p> |

| <p style="text-align: center;"><b>GHI CHÚ<br/>NOTICES</b></p> <p style="text-align: center;">Cửa khẩu, Vùng/tuyến hoạt động<br/>Border gate, Operation areas/routes</p> <p><b>Cửa khẩu (Border gate):</b> .....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p><b>Vùng/tuyến hoạt động (Operation areas/routes):</b></p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p><b>Các ghi chú khác (other notices):</b>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p style="text-align: center;"><b>Page 3</b></p>   | <p style="text-align: center;"><b>GIA HẠN<br/>EXTENTION</b></p> <p style="text-align: center;"><b>Được phép gia hạn 1 lần không quá 10 ngày<br/>(be extended one time and not exceed 10 days)</b></p> <p><b>Gia hạn đến</b>.....</p> <p><b>Extended until</b>.....(dd/mm/yyyy)</p> <p><b>Ngày cấp</b></p> <p>.....</p> <p><b>Issuing date</b>.....</p> <p><b>Cơ quan cấp (Issuing Authority)</b><br/><b>(Ký tên và đóng dấu)</b><br/><b>(Signature, Stamp)</b></p> <p style="text-align: center;"><b>Page 4</b></p> |                                       |                                       |  |                             |                                 |                             |                                 |  |  |  |  |   |                               |  |                                       |  |                             |                                 |                             |                                 |  |  |  |  |
|--|---|---------------------------------------|---------------------------------------|--|-----------------------------|---------------------------------|-----------------------------|---------------------------------|--|--|--|--|---|-------------------------------|--|---------------------------------------|--|-----------------------------|---------------------------------|-----------------------------|---------------------------------|--|--|--|--|
| <p style="text-align: center;"><b>BIÊN PHÒNG - HẢI QUAN<br/>FOR CUSTOMS - BORDER GUARDS</b></p> <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th colspan="2" style="text-align: center;"><b>HẢI QUAN<br/>(CUSTOMS)</b></th> <th colspan="2" style="text-align: center;"><b>BIÊN PHÒNG<br/>(BORDER GUARDS)</b></th> </tr> <tr> <th style="text-align: center;">Ngày xuất cảnh<br/>Exit date</th> <th style="text-align: center;">Ngày nhập cảnh<br/>Re-entry date</th> <th style="text-align: center;">Ngày xuất cảnh<br/>Exit date</th> <th style="text-align: center;">Ngày nhập cảnh<br/>Re-entry date</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td style="height: 150px;"></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> </tbody> </table> <p style="text-align: center;"><b>Page 5</b></p> | <b>HẢI QUAN<br/>(CUSTOMS)</b>   |                                       | <b>BIÊN PHÒNG<br/>(BORDER GUARDS)</b> |  | Ngày xuất cảnh<br>Exit date | Ngày nhập cảnh<br>Re-entry date | Ngày xuất cảnh<br>Exit date | Ngày nhập cảnh<br>Re-entry date |  |  |  |  | <p style="text-align: center;"><b>BIÊN PHÒNG - HẢI QUAN<br/>FOR CUSTOMS - BORDER GARDS</b></p> <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th colspan="2" style="text-align: center;"><b>HẢI QUAN<br/>(CUSTOMS)</b></th> <th colspan="2" style="text-align: center;"><b>BIÊN PHÒNG<br/>(BORDER GUARDS)</b></th> </tr> <tr> <th style="text-align: center;">Ngày xuất cảnh<br/>Exit date</th> <th style="text-align: center;">Ngày nhập cảnh<br/>Re-entry date</th> <th style="text-align: center;">Ngày xuất cảnh<br/>Exit date</th> <th style="text-align: center;">Ngày nhập cảnh<br/>Re-entry date</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td style="height: 150px;"></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> </tbody> </table> <p style="text-align: center;"><b>Next Pages</b></p> | <b>HẢI QUAN<br/>(CUSTOMS)</b> |  | <b>BIÊN PHÒNG<br/>(BORDER GUARDS)</b> |  | Ngày xuất cảnh<br>Exit date | Ngày nhập cảnh<br>Re-entry date | Ngày xuất cảnh<br>Exit date | Ngày nhập cảnh<br>Re-entry date |  |  |  |  |
| <b>HẢI QUAN<br/>(CUSTOMS)</b>  |   | <b>BIÊN PHÒNG<br/>(BORDER GUARDS)</b> |                                       |  |                             |                                 |                             |                                 |  |  |  |  |   |                               |  |                                       |  |                             |                                 |                             |                                 |  |  |  |  |
| Ngày xuất cảnh<br>Exit date  | Ngày nhập cảnh<br>Re-entry date   | Ngày xuất cảnh<br>Exit date           | Ngày nhập cảnh<br>Re-entry date       |  |                             |                                 |                             |                                 |  |  |  |  |   |                               |  |                                       |  |                             |                                 |                             |                                 |  |  |  |  |
|  |   |                                       |                                       |  |                             |                                 |                             |                                 |  |  |  |  |   |                               |  |                                       |  |                             |                                 |                             |                                 |  |  |  |  |
| <b>HẢI QUAN<br/>(CUSTOMS)</b>  |   | <b>BIÊN PHÒNG<br/>(BORDER GUARDS)</b> |                                       |  |                             |                                 |                             |                                 |  |  |  |  |   |                               |  |                                       |  |                             |                                 |                             |                                 |  |  |  |  |
| Ngày xuất cảnh<br>Exit date  | Ngày nhập cảnh<br>Re-entry date   | Ngày xuất cảnh<br>Exit date           | Ngày nhập cảnh<br>Re-entry date       |  |                             |                                 |                             |                                 |  |  |  |  |   |                               |  |                                       |  |                             |                                 |                             |                                 |  |  |  |  |
|  |   |                                       |                                       |  |                             |                                 |                             |                                 |  |  |  |  |   |                               |  |                                       |  |                             |                                 |                             |                                 |  |  |  |  |

| <b>Hướng dẫn (Instruction)</b>  | <b>Ghi chú (notices)</b>  |
|---|---|
| <p>1. Khi sổ bị mất hoặc không đọc được vì bất cứ nguyên nhân gì, người giữ giấy phép phải yêu cầu cấp giấy phép mới tại cơ quan có thẩm quyền cấp phép.</p> <p>When this book get lost or illegible for any reasons, the holder should request the competent authority to re-issue.</p> <p>2. Sổ này phải xuất trình cho cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu.</p> <p>This book shall be presented to the competent authorities upon request.</p> <p>3. Sổ này chỉ sử dụng cho phương tiện đã được ghi trong giấy và phải được gia hạn trước ngày hết hạn một tháng.</p> <p>This book shall be used for the specified vehicle only and shall be extended one month before the expiry date.</p> | <p>Khổ giấy rộng: 11 cm, dài 15 cm.<br/>Page size 11 cm x 15 cm.</p> <p>Bìa màu đỏ, từ 50 - 100 trang dùng để cấp cho phương tiện thương mại.<br/>Red cover (50 - 100 pages) used for commercial vehicles.</p> <p>Bìa màu hồng, từ 10 - 20 trang dùng để cấp cho phương tiện phi thương mại.<br/>Pink cover (10 - 20 pages) used for non commercial vehicles.</p> |

**Mẫu phù hiệu Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia**

Số (Number):.....

**PHÙ HIỆU**

**GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA VIỆT NAM, LÀO VÀ CAMPUCHIA  
STICKER**

**VIET NAM - LAOS - CAMBODIA VEHICLE CROSS - BORDER  
TRANSPORT PERMIT**

Đơn vị kinh doanh vận tải (Transport  
Operator Name)

.....

Số đăng ký (Registration Number):

.....

Thời hạn (Period of validity): từ

(from).....Đến

(until).....

Cơ quan cấp phép/Issuing  
Authority

(Ký tên, đóng dấu/Signature,  
Seal)

**Ghi chú:** Kích thước 115 mm x 210 mm, nền trắng.



## **4. Cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia**

### **4.1. Trình tự thực hiện:**

#### a) Nộp hồ sơ TTHC:

Tổ chức, cá nhân, đơn vị kinh doanh vận tải hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép:

- Cục Đường bộ Việt Nam cấp lại giấy phép cho các loại phương tiện:
  - + Phương tiện thương mại gồm xe vận chuyển hành khách hợp đồng, xe vận chuyển khách du lịch, xe vận tải hàng hóa;
  - + Phương tiện phi thương mại của các tổ chức, cá nhân có nhu cầu đề nghị cấp tại Cục Đường bộ Việt Nam.
- Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho phương tiện vận tải hành khách tuyến cố định, phương tiện phi thương mại của các tổ chức, cá nhân đóng trên địa bàn địa phương.
- Sở Giao thông vận tải địa phương nơi có cửa khẩu biên giới giáp với Lào và Campuchia theo Phụ lục của Bản ghi nhớ giữa Chính phủ các nước Vương quốc Campuchia, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào và Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về vận tải đường bộ, cấp lại giấy phép cho phương tiện phi thương mại của các tổ chức, cá nhân đóng trên địa bàn các tỉnh khác của Việt Nam đi qua cửa khẩu của địa phương mình.

#### b) Giải quyết TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra. Đối với hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu chính, cán bộ tiếp nhận hồ sơ cập nhật thông tin của các hồ sơ đúng theo quy định vào hệ thống dịch vụ công trực tuyến của cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép. Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến những nội dung chưa đầy đủ hoặc cần sửa đổi đến tổ chức, cá nhân, đơn vị kinh doanh vận tải trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ;
- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền thực hiện cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia. Trường hợp không cấp, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thông báo bằng văn bản hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến và nêu rõ lý do;
- Việc trả kết quả được thực hiện tại trụ sở cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép hoặc qua đường bưu chính hoặc hình thức trực tuyến theo quy định.

**4.2. Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp, trực tuyến, đường bưu chính đến Sở Giao thông vận tải qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

### 4.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

\* Thành phần hồ sơ đối với phương tiện thương mại:

- Giấy đề nghị cấp lại giấy phép theo mẫu.
- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô hoặc bản sao giấy hẹn nhận Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô của cơ quan cấp đăng ký hoặc bản sao từ sổ gốc của Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô. Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải phải xuất trình thêm bản sao một trong các giấy tờ sau: Hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên và hợp tác xã hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh;
- Bản sao văn bản thông báo khai thác tuyến, văn bản thay thế phương tiện hoặc văn bản bổ sung phương tiện của cơ quan quản lý tuyến và hợp đồng đón trả khách tại bến xe khách ở Việt Nam và bến xe khách hoặc nơi đón trả khách ở Lào, Campuchia (đối với phương tiện kinh doanh tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia).

\* Thành phần hồ sơ đối với phương tiện phi thương mại:

- Giấy đề nghị cấp lại giấy phép theo mẫu.
- Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu). Trường hợp phương tiện không thuộc sở hữu của tổ chức, cá nhân thì phải kèm theo tài liệu chứng minh quyền sử dụng hợp pháp của tổ chức, cá nhân với phương tiện đó (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu);
- Đối với doanh nghiệp thực hiện công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh trên lãnh thổ Lào hoặc Campuchia thì kèm theo hợp đồng hoặc tài liệu chứng minh doanh nghiệp đang thực hiện công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh, trên lãnh thổ Lào, Campuchia (bản sao có chứng thực).

\* Trường hợp Giấy phép liên vận hết thời hạn sử dụng hoặc còn thời hạn sử dụng nhưng hết trang đóng dấu xác nhận của các cơ quan quản lý tại cửa khẩu: thành phần hồ sơ theo quy định đối với phương tiện thương mại hoặc phương tiện phi thương mại nêu ở trên.

\* Trường hợp Giấy phép liên vận hư hỏng, bị mất:

- Đối với phương tiện thương mại: Giấy đề nghị cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho phương tiện thương mại
- Đối với phương tiện phi thương mại: Giấy đề nghị cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho phương tiện phi thương mại.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

### 4.4. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

**4.5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức, cá nhân.

**4.6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Đường bộ Việt Nam, Sở Giao thông vận tải;
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cục Đường bộ Việt Nam, Sở Giao thông vận tải;
- d) Cơ quan phối hợp: Không có.

**4.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:**

- Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia.

**4.8. Phí, lệ phí:** Không có.

**4.9. Tên mẫu đơn, tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:**

- Giấy đề nghị cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho phương tiện thương mại;
- Giấy đề nghị cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho phương tiện phi thương mại;
- Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho phương tiện thương mại;
- Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho phương tiện phi thương mại.

**4.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** Không có

**4.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới;
- Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.

**Mẫu Giấy đề nghị cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và  
Campuchia cho phương tiện thương mại**

**TÊN ĐƠN VỊ KINH  
DOANH VẬN TẢI ĐỀ  
NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP**

-----

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  
NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

**GIẤY ĐỀ NGHỊ  
CẤP LẠI GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA VIỆT NAM, LÀO VÀ  
CAMPUCHIA CHO PHƯƠNG TIỆN THƯƠNG MẠI**

Kính gửi:.....

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải: .....
2. Địa chỉ: .....
3. Số điện thoại:.....Số Fax: .....
4. Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào hoặc/và Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia số:.....Ngày cấp:.....
5. Đề nghị ..... cấp (cấp lại) Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho phương tiện vận tải sau:

| Số TT | Biển số xe | Trọng tải (ghé) | Năm sản xuất | Nhãn hiệu | Số khung | Số máy | Màu sơn | Thời gian đề nghị cấp phép | Hình thức hoạt động (vận chuyển hàng hóa hay hành khách) | Cửa khẩu xuất - nhập cảnh |
|-------|------------|-----------------|--------------|-----------|----------|--------|---------|----------------------------|--|---------------------------|
| 1     | 2          | 3               | 4            | 5         | 6        | 7      | 8       | 9                          | 10   | 11                        |
| 1     |            |                 |              |           |          |        |         |                            |  |                           |
| 2     |            |                 |              |           |          |        |         |                            |  |                           |
| 3     |            |                 |              |           |          |        |         |                            |  |                           |

6. Loại hình kinh doanh vận tải:

- a) Hành khách theo tuyến cố định:                       b) Khách du lịch:
- c) Hành khách theo hợp đồng:                               d) Vận tải hàng hóa:

**Ghi chú: Đối với phương tiện vận chuyển hành khách cố định bổ sung thêm các thông tin sau:**

Tuyến: .....đi .....và ngược lại

Bến đi: Bến xe .....(thuộc tỉnh: .....Việt Nam)

Bến đến: Bến xe .....(thuộc tỉnh: .....)

Cự ly vận chuyển: ..... km

Hành trình tuyến đường:.....

Đã được .....thông báo khai thác tuyến tại công  
văn số ..... ngày ... tháng ... năm ...

..., ngày ... tháng ... năm ...

**Đơn vị kinh doanh vận tải**

(Ký tên, đóng dấu)

**Mẫu Giấy đề nghị cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia  
cho phương tiện phi thương mại**

**TÊN TỔ CHỨC/CÁ  
NHÂN  
ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY  
PHÉP  
-----**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  
NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
-----**

**GIẤY ĐỀ NGHỊ  
CẤP LẠI GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA VIỆT NAM, LÀO VÀ  
CAMPUCHIA CHO PHƯƠNG TIỆN PHI THƯƠNG MẠI**

Kính gửi:.....

1. Tên tổ chức/cá nhân: .....
2. Địa chỉ: .....
3. Số điện thoại: ..... Số Fax/Địa chỉ email:.....
4. Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào hoặc/và Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia (đối với đơn vị kinh doanh vận tải) số:.....Ngày cấp:.....
5. Đề nghị ..... cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho phương tiện phi thương mại sau:

| Số TT | Biển số xe | Trọng tải (ghế) | Năm sản xuất | Nhãn hiệu | Số khung | Số máy | Màu sơn | Thời gian đề nghị cấp phép | Cửa khẩu xuất - nhập cảnh |
|-------|------------|-----------------|--------------|-----------|----------|--------|---------|----------------------------|---------------------------|
| 1     | 2          | 3               | 4            | 5         | 6        | 7      | 8       | 9                          | 11                        |
| 1     |            |                 |              |           |          |        |         |                            |                           |
| 2     |            |                 |              |           |          |        |         |                            |                           |
| 3     |            |                 |              |           |          |        |         |                            |                           |

6. Mục đích chuyến đi:

a) Công vụ:

b) Cá nhân:

c) Phục vụ hoạt động của tổ chức/cá nhân:



d) Mục đích khác:

..., ngày ... tháng ... năm ...

**Tổ chức/Cá nhân**

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

## Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho phương tiện thương mại



|   |   |
|---|---|
|  <p><b>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM</b><br/>SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM<br/><b>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</b><br/>Independence - Freedom - Happiness<br/>***</p> <p><b>GIẤY PHÉP LIÊN VẬN<br/>GIỮA VIỆT NAM, LÀO VÀ CAMPUCHIA<br/>VIET NAM - LAOS - CAMBODIA<br/>VEHICLE<br/>CROSS - BORDER TRANSPORT PERMIT<br/>PHƯƠNG TIỆN THƯƠNG MẠI<br/>COMMERCIAL VEHICLE</b></p>  | <p style="text-align: center;"><b>Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam</b><br/><b>Socialist Republic of Viet Nam</b></p> <p style="text-align: center;"><b>Bộ Giao thông vận tải Việt Nam đề nghị<br/>các cơ quan hữu quan cho phép phương<br/>tiện này đi lại dễ dàng và hỗ trợ khi cần thiết</b></p> <p style="text-align: center;"><b>The Ministry of Transport of Viet Nam<br/>requests relevant agencies to allow the vehicles<br/>to operate conveniently and to render the<br/>vehicle any assistance as necessary</b></p> <p style="text-align: center;">Mặt sau bìa trước/Back side</p>  |
|  <p><b>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM</b><br/>SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM<br/><b>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</b><br/>Independence - Freedom - Happiness<br/>***</p> <p><b>GIẤY PHÉP LIÊN VẬN<br/>GIỮA VIỆT NAM, LÀO VÀ CAMPUCHIA<br/>VIET NAM - LAOS - CAMBODIA VEHICLE<br/>CROSS - BORDER TRANSPORT PERMIT</b></p> <p>Số giấy phép (Permit number).....<br/>Ngày cấp (Date of issuance): .....<br/>Thời hạn (Period of validity): Từ<br/>(from).....đến (until).....(dd/mm/yyyy)</p> <p style="text-align: center;"><b>Cơ quan cấp (Issuing Authority)</b><br/><b>(Ký tên và đóng dấu)</b><br/><b>(Signature, Stamp)</b></p> <p style="text-align: center;"><b>Page 1</b></p> | <p style="text-align: center;"><b>Chi tiết về Đơn vị vận tải</b><br/><b>Details of Transport Operator/Organization</b></p> <p>1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải (Transport Operator Name).....<br/>Địa chỉ (Address): .....<br/>Điện thoại (Telephone number): .....<br/>Số Fax (Fax number): .....</p> <p>2. Tên chủ phương tiện (Vehicle Owner):.....<br/>Địa chỉ (Address): .....<br/>Tel: ..... Fax: .....</p> <p style="text-align: center;"><b>Thông tin cơ bản về phương tiện</b><br/><b>General data of the vehicle</b></p> <p>1. Số đăng ký phương tiện (Registration number): .....</p> <p>2. Thông số kỹ thuật (Specifications):</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Năm sản xuất:.....<br/>(Manufacture year)</li> <li>- Nhãn hiệu (Brand/ Trademark): .....</li> <li>- Loại xe (Model):.....</li> <li><input type="checkbox"/>Xe tải (Truck) <input type="checkbox"/>Xe khách (Bus) <input type="checkbox"/>Khác (Other)</li> <li>- Màu sơn (Colour): .....</li> <li>- Số máy (Engine number): .....</li> <li>- Số khung (Chassis No.):.....</li> </ul> <p style="text-align: center;"><b>Page 2</b></p> |

|   |                                 |   |                                 |   |                                 |   |                                 |
|---|---------------------------------|---|---------------------------------|---|---------------------------------|---|---------------------------------|
| <b>GHI CHÚ</b><br><b>NOTICES</b><br><b>Cửa khẩu, Vùng/tuyến hoạt động</b><br><b>Border gate, Operation areas/routes</b><br><b>Cửa khẩu (Border gate):</b> .....<br>.....<br>.....<br><b>Vùng/tuyến hoạt động (Operation areas/routes):</b><br>.....<br>.....<br><b>Vận tải hàng hóa/hành khách, tuyến không cố định/cố định</b><br><b>Cargo transport/passenger transport, non – scheduled/scheduled</b><br>.....<br>.....<br><b>Ghi chú khác (Others):</b> .....<br>.....<br>.....<br><p style="text-align: center;"><b>Page 3</b></p> |                                 |   |                                 | <b>GIA HẠN</b><br><b>EXTENTION</b><br><b>Được phép gia hạn 1 lần không quá 10 ngày</b><br><b>(be extended one time and not exceed 10 days)</b><br>.....<br><b>Gia hạn đến.....</b><br><b>Extended until.....(dd/mm/yyyy)</b><br><b>Ngày cấp.....</b><br><b>Issuing date.....</b><br>.....<br><p style="text-align: center;"><b>Cơ quan cấp (Issuing Authority)</b><br/> <b>Ký tên, đóng dấu (Signature, Stamp)</b></p> <p style="text-align: center;"><b>Page 4</b></p> |                                 |   |                                 |
| <b>BIÊN PHÒNG - HẢI QUAN</b><br><b>FOR CUSTOMS - IMMIGRATION</b>  |                                 |   |                                 | <b>BIÊN PHÒNG - HẢI QUAN</b><br><b>FOR CUSTOMS - IMMIGRATION</b>  |                                 |   |                                 |
| <b>HẢI QUAN</b><br><b>(CUSTOMS)</b>   |                                 | <b>BIÊN PHÒNG</b><br><b>(BORDER GUARDS)</b> |                                 | <b>HẢI QUAN</b><br><b>(CUSTOMS)</b>   |                                 | <b>BIÊN PHÒNG</b><br><b>(BORDER GUARDS)</b> |                                 |
| Ngày xuất cảnh<br>Exit date   | Ngày nhập cảnh<br>Re-entry date | Ngày xuất cảnh<br>Exit date                 | Ngày nhập cảnh<br>Re-entry date | Ngày xuất cảnh<br>Exit date   | Ngày nhập cảnh<br>Re-entry date | Ngày xuất cảnh<br>Exit date                 | Ngày nhập cảnh<br>Re-entry date |
|   |                                 |   |                                 |   |                                 |   |                                 |
| <p style="text-align: center;"><b>Page 5</b></p>  |                                 |   |                                 | <p style="text-align: center;"><b>Next Pages</b></p>  |                                 |   |                                 |
| <b>Hướng dẫn (Instruction)</b><br>1. Khi sổ bị mất hoặc không đọc được vì bất cứ nguyên nhân gì, người giữ giấy phép phải yêu cầu   |                                 |   |                                 | <b>Ghi chú (notices)</b><br>Khổ giấy rộng: 11 cm, dài 15 cm.<br>Page size 11 cm x 15 cm.  |                                 |   |                                 |



|   |  |
|---|--|
| <p>cấp giấy phép mới tại cơ quan có thẩm quyền cấp phép.</p> <p>When this book get lost or illegible for any reasons, the holder should request the competent authority to re-issue.</p> <p>2. Sổ này phải xuất trình cho cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu.</p> <p>This book shall be presented to the competent authorities upon request.</p> <p>3. Sổ này chỉ sử dụng cho phương tiện đã được ghi trong giấy và phải được gia hạn trước ngày hết hạn một tháng.</p> <p>This book shall be used for the specified vehicle only and shall be extended one month before the expiry date.</p> | <p>Bìa màu đỏ, từ 50 - 100 trang dùng để cấp cho phương tiện thương mại.</p> <p>Red cover (50 - 100 pages) used for commercial vehicles.</p> <p>Bìa màu hồng, từ 10 - 20 trang dùng để cấp cho phương tiện phi thương mại.</p> <p>Pink cover (10 - 20 pages) used for non commercial vehicles.</p> |
|---|--|

## Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho phương tiện phi thương mại

|  |  |
|--|--|
|  <p><b>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM</b><br/>SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM<br/><b>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</b><br/>Independence - Freedom - Happiness<br/>***</p> <p><b>GIẤY PHÉP LIÊN VẬN</b><br/><b>GIỮA VIỆT NAM, LÀO VÀ CAMPUCHIA</b><br/><b>VIET NAM - LAOS - CAMBODIA VEHICLE</b><br/><b>CROSS - BORDER TRANSPORT PERMIT</b><br/><b>PHƯƠNG TIỆN PHI THƯƠNG MẠI</b><br/><b>NON COMMERCIAL VEHICLE</b><br/>Mặt bìa trước/ Cover</p>   | <p><b>Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam</b><br/><b>Socialist Republic of Viet Nam</b></p> <p><b>Bộ Giao thông vận tải Việt Nam đề nghị</b><br/><b>các cơ quan hữu quan cho phép phương</b><br/><b>tiện này đi lại dễ dàng và hỗ trợ khi cần thiết</b></p> <p><b>The Ministry of Transport of Viet Nam</b><br/><b>requests relevant agencies to allow the vehicles to</b><br/><b>operate conveniently and to render the vehicle</b><br/><b>any assistance as necessary</b></p> <p>Mặt sau/Back side</p>  |
|  <p><b>Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam</b><br/><b>Socialist Republic of Viet Nam</b></p> <p><b>GIẤY PHÉP LIÊN VẬN</b><br/><b>GIỮA VIỆT NAM, LÀO VÀ CAMPUCHIA</b><br/><b>VIET NAM - LAOS - CAMBODIA VEHICLE</b><br/><b>CROSS - BORDER TRANSPORT PERMIT</b><br/><b>(CLV - CBT PERMIT)</b></p> <p>Số giấy phép (Permit number).....<br/>Ngày cấp (Issuing date): .....<br/>Thời hạn (Period of validity): Từ (from).....đến<br/>(until).....(dd/mm/yyyy)<br/><b>Cơ quan cấp (Issuing Authority)</b><br/><b>(Ký tên và đóng dấu)</b><br/><b>(Signature, Stamp)</b></p> <p style="text-align: center;"><b>Page 1</b></p> | <p><b>Chi tiết về tổ chức/cá nhân</b><br/><b>Details of Organization/Individual</b></p> <p>1. Tên tổ chức/cá nhân (Organization/Individual Name).....<br/>Địa chỉ (Address): .....<br/>Điện thoại (Telephone number): .....<br/>Số Fax (Fax number): .....<br/>2. Tên chủ phương tiện (Vehicle Owner):.....<br/>Địa chỉ (Address): .....<br/>Tel: ..... Fax: .....</p> <p><b>Thông tin cơ bản về phương tiện</b><br/><b>General data of the vehicle</b></p> <p>1. Số đăng ký phương tiện (Registration number):<br/>.....<br/>2. Thông số kỹ thuật (Specifications):.....<br/>- Năm sản xuất (Manufacture year):.....<br/>- Nhân hiệu (Brand/ Trademark): .....<br/>- Loại xe (Model):.....<br/><input type="checkbox"/>Xe tải (Truck) <input type="checkbox"/>Xe khách (Bus) <input type="checkbox"/>Khác (Other)<br/>- Màu sơn (Colour): .....<br/>- Số máy (Engine number): .....<br/>- Số khung (Chassis No.):.....</p> <p style="text-align: center;"><b>Page 2</b></p> |

| <p style="text-align: center;"><b>GHI CHÚ<br/>NOTICES</b></p> <p style="text-align: center;">Cửa khẩu, Vùng/tuyến hoạt động<br/>Border gate, Operation areas/routes</p> <p>Cửa khẩu (Border gate): .....</p> <p>.....</p> <p>Vùng/tuyến hoạt động (Operation areas/routes):</p> <p>.....</p> <p>Các ghi chú khác (other notices):.....</p> <p>.....</p> <p style="text-align: center;">Page 3</p>   | <p style="text-align: center;"><b>GIA HẠN<br/>EXTENTION</b></p> <p style="text-align: center;"><b>Được phép gia hạn 1 lần không quá 10 ngày<br/>(be extended one time and not exceed 10 days)</b></p> <p>Gia hạn đến.....</p> <p>Extended until.....(dd/mm/yyyy)</p> <p>Ngày cấp</p> <p>.....</p> <p>Issuing date.....</p> <p>Cơ quan cấp (Issuing Authority)<br/>(Ký tên và đóng dấu)<br/>(Signature, Stamp)</p> <p style="text-align: center;">Page 4</p> |                                      |                                       |  |                                |                                       |                                      |                                       |  |  |  |  |  |                       |  |                               |  |                                      |  |                                   |                                       |  |  |  |  |
|---|---|--------------------------------------|---------------------------------------|--|--------------------------------|---------------------------------------|--------------------------------------|---------------------------------------|--|--|--|--|--|-----------------------|--|-------------------------------|--|--------------------------------------|--|-----------------------------------|---------------------------------------|--|--|--|--|
| <p style="text-align: center;"><b>BIÊN PHÒNG - HẢI QUAN<br/>FOR CUSTOMS - BORDER GUARDS</b></p> <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th colspan="2" style="text-align: center;">HẢI QUAN<br/>(CUSTOMS)</th> <th colspan="2" style="text-align: center;">BIÊN PHÒNG<br/>(BORDER GUARDS)</th> </tr> <tr> <th style="text-align: center;">Ngày<br/>xuất cảnh<br/>Exit date</th> <th style="text-align: center;">Ngày<br/>nhập cảnh<br/>Re-entry<br/>date</th> <th style="text-align: center;">Ngày<br/>xuất<br/>cảnh<br/>Exit<br/>date</th> <th style="text-align: center;">Ngày nhập<br/>cảnh<br/>Re-entry<br/>date</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td style="height: 150px;"></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> </tbody> </table> <p style="text-align: center;">Page 5</p> | HẢI QUAN<br>(CUSTOMS)   |                                      | BIÊN PHÒNG<br>(BORDER GUARDS)         |  | Ngày<br>xuất cảnh<br>Exit date | Ngày<br>nhập cảnh<br>Re-entry<br>date | Ngày<br>xuất<br>cảnh<br>Exit<br>date | Ngày nhập<br>cảnh<br>Re-entry<br>date |  |  |  |  | <p style="text-align: center;"><b>BIÊN PHÒNG - HẢI QUAN<br/>FOR CUSTOMS - BORDER GARDS</b></p> <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th colspan="2" style="text-align: center;">HẢI QUAN<br/>(CUSTOMS)</th> <th colspan="2" style="text-align: center;">BIÊN PHÒNG<br/>(BORDER GUARDS)</th> </tr> <tr> <th style="text-align: center;">Ngày<br/>xuất<br/>cảnh<br/>Exit<br/>date</th> <th style="text-align: center;">Ngày<br/>nhập<br/>cảnh<br/>Re-entry<br/>date</th> <th style="text-align: center;">Ngày<br/>xuất<br/>cảnh<br/>Exit date</th> <th style="text-align: center;">Ngày nhập<br/>cảnh<br/>Re-entry<br/>date</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td style="height: 150px;"></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> </tbody> </table> <p style="text-align: center;">Next Pages</p> | HẢI QUAN<br>(CUSTOMS) |  | BIÊN PHÒNG<br>(BORDER GUARDS) |  | Ngày<br>xuất<br>cảnh<br>Exit<br>date | Ngày<br>nhập<br>cảnh<br>Re-entry<br>date | Ngày<br>xuất<br>cảnh<br>Exit date | Ngày nhập<br>cảnh<br>Re-entry<br>date |  |  |  |  |
| HẢI QUAN<br>(CUSTOMS)   |   | BIÊN PHÒNG<br>(BORDER GUARDS)        |                                       |  |                                |                                       |                                      |                                       |  |  |  |  |  |                       |  |                               |  |                                      |  |                                   |                                       |  |  |  |  |
| Ngày<br>xuất cảnh<br>Exit date  | Ngày<br>nhập cảnh<br>Re-entry<br>date   | Ngày<br>xuất<br>cảnh<br>Exit<br>date | Ngày nhập<br>cảnh<br>Re-entry<br>date |  |                                |                                       |                                      |                                       |  |  |  |  |  |                       |  |                               |  |                                      |  |                                   |                                       |  |  |  |  |
|   |   |                                      |                                       |  |                                |                                       |                                      |                                       |  |  |  |  |  |                       |  |                               |  |                                      |  |                                   |                                       |  |  |  |  |
| HẢI QUAN<br>(CUSTOMS)   |   | BIÊN PHÒNG<br>(BORDER GUARDS)        |                                       |  |                                |                                       |                                      |                                       |  |  |  |  |  |                       |  |                               |  |                                      |  |                                   |                                       |  |  |  |  |
| Ngày<br>xuất<br>cảnh<br>Exit<br>date  | Ngày<br>nhập<br>cảnh<br>Re-entry<br>date  | Ngày<br>xuất<br>cảnh<br>Exit date    | Ngày nhập<br>cảnh<br>Re-entry<br>date |  |                                |                                       |                                      |                                       |  |  |  |  |  |                       |  |                               |  |                                      |  |                                   |                                       |  |  |  |  |
|   |   |                                      |                                       |  |                                |                                       |                                      |                                       |  |  |  |  |  |                       |  |                               |  |                                      |  |                                   |                                       |  |  |  |  |

| <b>Hướng dẫn (Instruction)</b>  | <b>Ghi chú (notices)</b>  |
|---|---|
| <p>1. Khi sổ bị mất hoặc không đọc được vì bất cứ nguyên nhân gì, người giữ giấy phép phải yêu cầu cấp giấy phép mới tại cơ quan có thẩm quyền cấp phép.</p> <p>When this book get lost or illegible for any reasons, the holder should request the competent authority to re-issue.</p> <p>2. Sổ này phải xuất trình cho cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu.</p> <p>This book shall be presented to the competent authorities upon request.</p> <p>3. Sổ này chỉ sử dụng cho phương tiện đã được ghi trong giấy và phải được gia hạn trước ngày hết hạn một tháng.</p> <p>This book shall be used for the specified vehicle only and shall be extended one month before the expiry date.</p> | <p>Khô giấy rộng: 11 cm, dài 15 cm.<br/>Page size 11 cm x 15 cm.</p> <p>Bìa màu đỏ, từ 50 - 100 trang dùng để cấp cho phương tiện thương mại.<br/>Red cover (50 - 100 pages) used for commercial vehicles.</p> <p>Bìa màu hồng, từ 10 - 20 trang dùng để cấp cho phương tiện phi thương mại.<br/>Pink cover (10 - 20 pages) used for non commercial vehicles.</p> |

**Mẫu phù hiệu Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia**

Số (Number):.....

**PHÙ HIỆU  
GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA VIỆT NAM, LÀO VÀ CAMPUCHIA  
STICKER  
VIET NAM - LAOS - CAMBODIA VEHICLE CROSS - BORDER  
TRANSPORT PERMIT**

Đơn vị kinh doanh vận tải (Transport  
Operator Name)

.....

Số đăng ký (Registration Number):

.....

Thời hạn (Period of validity): từ

(from).....Đến

(until).....

Cơ quan cấp phép/Issuing  
Authority

(Ký tên, đóng dấu/Signature,  
Seal)

**Ghi chú:** Kích thước 115 mm x 210 mm, nền trắng.

## **5. Cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe**

### **5.1. Trình tự thực hiện:**

#### a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Cá nhân có nhu cầu cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe lập hồ sơ gửi đến cơ sở đào tạo lái xe.

#### b) Giải quyết TTHC:

- Cơ sở đào tạo lái xe tiếp nhận hồ sơ của cá nhân, bảo đảm các điều kiện đối với người tham dự tập huấn theo quy định và tổ chức tập huấn theo chương trình tập huấn về nghiệp vụ giáo viên dạy thực hành lái xe theo quy định của Bộ Giao thông vận tải;

- Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc chương trình tập huấn, cơ sở đào tạo có văn bản theo mẫu quy định và hồ sơ của cá nhân tham dự tập huấn gửi Sở Giao thông vận tải đề nghị kiểm tra cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe bằng một trong các hình thức: Trực tiếp, bưu chính, văn bản điện tử;

- Sở Giao thông vận tải tiếp nhận danh sách do cơ sở đào tạo lập và hồ sơ cá nhân; trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chính xác, trong thời hạn 02 ngày làm việc phải có văn bản nêu rõ nội dung, lý do đề nghị cơ sở đào tạo lái xe bổ sung đầy đủ, chính xác; trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định, tổ chức kiểm tra, đánh giá. Trường hợp cá nhân không đủ điều kiện, Sở Giao thông vận tải phải trả lời bằng văn bản cho cơ sở đào tạo và nêu rõ lý do;

- Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày đạt kết quả kiểm tra, Sở Giao thông vận tải cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe và trả trực tiếp cho cá nhân hoặc gửi qua đường bưu chính, vào sổ theo dõi. Trường hợp cá nhân không đạt kết quả, Sở Giao thông vận tải phải thông báo bằng văn bản cho cá nhân.

**5.2. Cách thức thực hiện:** gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến Sở Giao thông vận tải qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

### **5.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

#### a) Thành phần hồ sơ:

- Cá nhân

+ Đơn đề nghị theo mẫu quy định;

+ Bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên (bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao được chứng thực điện tử từ bản chính);

+ Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm (bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao được chứng thực điện tử từ bản chính);

+ 01 ảnh màu cỡ 3 cm x 4 cm nền màu xanh, kiểu thẻ căn cước, được chụp trong

thời gian không quá 06 tháng.

Trường hợp Bằng tốt nghiệp, Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm đã được tích hợp vào tài khoản định danh điện tử thì việc xuất trình, kiểm tra có thể thực hiện thông qua tài khoản định danh điện tử.

- Cơ sở đào tạo:

+ Văn bản theo mẫu quy định;

+ Hồ sơ cá nhân.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

#### **5.4. Thời hạn giải quyết:**

- Thời hạn Cơ sở đào tạo gửi hồ sơ đề nghị kiểm tra cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe về Sở Giao thông vận tải: 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc chương trình tập huấn;

- Thời hạn cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe: 03 ngày làm việc, kể từ ngày đạt kết quả kiểm tra.

**5.5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức, Cá nhân.

#### **5.6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan phối hợp: Không có.

#### **5.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:**

- Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe.

**5.8. Phí, lệ phí:** Không có.

#### **5.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:**

- Đơn đề nghị tập huấn, cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe;

- Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe.

**5.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** Không có.

#### **5.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe;

- Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ TẬP HUẤN, CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN GIÁO VIÊN  
DẠY THỰC HÀNH LÁI XE

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ TẬP HUẤN, CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN**  
**GIÁO VIÊN DẠY THỰC HÀNH LÁI XE**

Kính gửi: .....

Tôi là:

.....

Ngày tháng năm sinh:

.....

Số định danh điện tử:

.....

Có giấy phép lái xe số: ..... hạng ..... do:

.....

cấp ngày ..... tháng ..... năm

.....

Đề nghị cho tôi được tham gia tập huấn, cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe hạng

.....

Tôi xin cam đoan những điều ghi trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm.

....., ngày.....tháng.....năm 20.....

NGƯỜI LÀM ĐƠN

(Ký và ghi rõ họ, tên)



MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN GIÁO VIÊN DẠY THỰC HÀNH LÁI XE  
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

Ảnh màu  
 3 cm x  
 4cm  
 (chụp  
 không  
 quá 06  
 tháng),  
 có dấu  
 giáp lai

*Căn cứ Quyết định số ...../..... ngày ..... tháng ..... năm  
 20... của Thủ trưởng cơ quan có thẩm quyền về việc cấp giấy  
 chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe*

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN**  
**CHỨNG NHẬN**

Ông (Bà):

.....

Ngày tháng năm sinh:

.....

Số định danh điện tử:

.....

Đã hoàn thành khóa tập huấn giáo viên dạy thực hành lái xe ..... hạng  
 .....

Từ ngày...../...../..... đến ngày ...../...../.....

Số GCN : .....

....., ngày.....tháng.....năm 20.....

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CÓ**  
**THẨM QUYỀN**  
*(Ký tên, đóng dấu)*

Quy cách:

- Kích thước: 150 mm x 200 mm;

- Chữ “CHỨNG NHẬN”: phong chữ Times New Roman in hoa, đậm, cỡ chữ  
 21.

## **6. Cấp lại Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe**

### **6.1. Trình tự thực hiện:**

#### a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Cá nhân có nhu cầu cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe lập hồ sơ gửi đến Sở Giao thông vận tải qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.
- Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe được cấp lại trong trường hợp bị mất hoặc bị hỏng hoặc có sự thay đổi về nội dung

#### b) Giải quyết TTHC:

- Sở Giao thông vận tải tiếp nhận hồ sơ. Trường hợp cá nhân không đủ điều kiện, trong thời gian không quá 03 ngày làm việc, Sở Giao thông vận tải phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;
- Trong thời gian không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Giao thông vận tải cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe, trả kết quả trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích và vào sổ theo dõi.

**6.2. Cách thức thực hiện:** Trực tiếp, hoặc qua đường bưu chính, hoặc qua hệ thống dịch công trực tuyến đến Sở Giao thông vận tải qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

### **6.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

#### a) Thành phần hồ sơ:

\* Trường hợp bị mất, bị hỏng:

- Đơn đề nghị theo mẫu quy định;
- 01 ảnh màu cỡ 3 cm x 4 cm nền màu xanh, kiểu thẻ căn cước, được chụp trong thời gian không quá 06 tháng.

\* Trường hợp có sự thay đổi về nội dung:

- Đơn đề nghị theo mẫu quy định;
- 01 ảnh màu cỡ 3 cm x 4 cm nền màu xanh, kiểu thẻ căn cước, được chụp trong thời gian không quá 06 tháng.
- Tài liệu liên quan đến nội dung thay đổi tương ứng, cụ thể như sau:

+ Thay đổi tên của cá nhân đề nghị cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe: Bản sao (có chứng thực hợp pháp) quyết định của cấp có thẩm quyền về việc đổi tên;

+ Thay đổi ngày tháng năm sinh, xuất trình căn cước công dân.

Trường hợp giấy tờ quy định đã được tích hợp vào tài khoản định danh điện tử thì việc xuất trình, kiểm tra có thể thực hiện thông qua tài khoản định danh điện tử.

#### b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

### **6.4. Thời hạn giải quyết:**

- Thời hạn cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

**6.5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Cá nhân.

**6.6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Sở Giao thông vận tải;
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải;
- Cơ quan phối hợp: Không có.

**6.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:**

- Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe.

**6.8. Phí, lệ phí:** Không có.

**6.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:**

- Đơn đề nghị tập huấn, cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe;
- Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe.

**6.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** Không có.

**6.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe;

- Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ TẬP HUẤN, CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN GIÁO VIÊN  
DẠY THỰC HÀNH LÁI XE

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ TẬP HUẤN, CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN**  
**GIÁO VIÊN DẠY THỰC HÀNH LÁI XE**

Kính gửi: .....

Tôi là:

.....

Ngày tháng năm sinh:

.....

Số định danh điện tử:

.....

Có giấy phép lái xe số: ..... hạng ..... do:

.....

cấp ngày ..... tháng ..... năm

.....

Đề nghị cho tôi được tham gia tập huấn, cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe hạng

.....

Tôi xin cam đoan những điều ghi trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm.

....., ngày.....tháng.....năm 20.....

NGƯỜI LÀM ĐƠN

(Ký và ghi rõ họ, tên)

MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN GIÁO VIÊN DẠY THỰC HÀNH LÁI XE  
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

Ảnh màu  
 3 cm x  
 4cm  
 (chụp  
 không  
 quá 06  
 tháng),  
 có dấu  
 giáp lai

*Căn cứ Quyết định số ...../..... ngày ..... tháng ..... năm  
 20... của Thủ trưởng cơ quan có thẩm quyền về việc cấp giấy  
 chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe*

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN**  
**CHỨNG NHẬN**

Ông (Bà):

.....

Ngày tháng năm sinh:

.....

Số định danh điện tử:

.....

Đã hoàn thành khóa tập huấn giáo viên dạy thực hành lái xe ..... hạng

.....

Từ ngày...../...../..... đến ngày ...../...../.....

Số GCN : .....

....., ngày.....tháng.....năm 20.....

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CÓ**  
**THẨM QUYỀN**

*(Ký tên, đóng dấu)*

Quy cách:

- Kích thước: 150 mm x 200 mm;

- Chữ “CHỨNG NHẬN”: phông chữ Times New Roman in hoa, đậm, cỡ chữ 21.

## **7. Cấp Giấy phép xe tập lái**

### **7.1. Trình tự thực hiện:**

#### a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Tổ chức gửi hồ sơ đến Sở Giao thông vận tải qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

#### b) Giải quyết TTHC:

- Sở Giao thông vận tải tổ chức kiểm tra thực tế, lập biên bản và cấp Giấy phép xe tập lái cho tổ chức đề nghị cấp phép tại thời điểm kiểm tra cấp giấy phép đào tạo lái xe;

- Trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc, kể từ ngày cấp Giấy phép đào tạo lái xe cho cơ sở đào tạo, Sở Giao thông vận tải cấp Giấy phép xe tập lái. Trường hợp không cấp, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

- Trường hợp cấp Giấy phép xe tập lái điện tử (có mã hai chiều (QR)) được kết nối với trang thông tin điện tử của Sở Giao thông vận tải để truy xuất thông tin về xe ô tô, tuyến đường tập lái và hiệu lực lưu hành ghi trên Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, Sở Giao thông vận tải phải tuân thủ các quy định của Luật Giao dịch điện tử, các văn bản hướng dẫn thi hành và cấp Giấy phép xe tập lái điện tử trên Trang thông tin điện tử để cơ sở đào tạo in hoặc lưu trữ trên thiết bị điện tử.

**7.2. Cách thức thực hiện:** Trực tiếp, hoặc qua đường bưu chính đến Sở Giao thông vận tải qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

### **7.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

#### a) Thành phần hồ sơ:

- Danh sách xe đề nghị cấp giấy phép xe tập lái theo mẫu quy định;

- Giấy đăng ký xe (bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực).

#### b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

### **7.4. Thời hạn giải quyết:**

- 01 ngày làm việc, kể từ ngày cấp Giấy phép đào tạo lái xe cho cơ sở đào tạo.

### **7.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức.**

### **7.6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan phối hợp: Không có.

**7.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:**

- Giấy phép xe tập lái.

**7.8. Phí, lệ phí:** Không có.

**7.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:**

- Danh sách xe đề nghị cấp giấy phép xe tập lái;

- Giấy phép xe tập lái.

**7.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** Không có.

**7.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe;

- Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.

**MẪU DANH SÁCH XE ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÁP XE TẬP LÁI**  
**CƠ QUAN CHỦ QUẢN      CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT**  
**CƠ SỞ ĐÀO TẠO                      NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
 -----

Kính gửi: Cơ quan có thẩm quyền

Trường (Trung tâm) ..... đề nghị Cơ quan có thẩm quyền xem xét, cấp giấy phép xe tập lái cho số xe của cơ sở đào tạo theo danh sách dưới đây:

**DANH SÁCH XE ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP XE TẬP LÁI**

| Số TT | Biển số đăng ký | Xe của cơ sở đào tạo | Xe hợp đồng | Nhãn hiệu | Loại xe | Số động cơ | Số khung | Giấy chứng nhận kiểm định ATKT&BVMT |              | Ghi chú |
|-------|-----------------|----------------------|-------------|-----------|---------|------------|----------|-------------------------------------|--------------|---------|
|       |                 |                      |             |           |         |            |          | Ngày cấp                            | Ngày hết hạn |         |
|       |                 |                      |             |           |         |            |          |                                     |              |         |
|       |                 |                      |             |           |         |            |          |                                     |              |         |
|       |                 |                      |             |           |         |            |          |                                     |              |         |
|       |                 |                      |             |           |         |            |          |                                     |              |         |

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu:

....., ngày.....tháng..... năm 20.....

**HIỆU TRƯỞNG (GIÁM ĐỐC)**

(Ký tên, đóng dấu)



## CÁC MẪU LIÊN QUAN ĐẾN CẤP GIẤY PHÉP TẬP LÁI

Mẫu số 01. Mẫu giấy phép xe tập lái

Kích thước: 120 mm x 180 mm

## 1. Mặt trước

UBND TỈNH  
SỞ GIAO THÔNG VẬN  
TẢI  
....  
-----

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  
NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
-----

## GIẤY PHÉP XE TẬP LÁI

Mã số: ...../.....

Cấp cho xe số: ..... Loại phương tiện:  
.....

Nhãn hiệu xe: ..... Màu sơn:  
.....

Cơ sở đào tạo:  
.....

Được phép tập lái xe trên các tuyến đường (trừ các tuyến đường hạn chế theo quy định của cơ quan có thẩm quyền)

**Có giá trị:**

*Hà Nội, ngày.....tháng.....năm*

**Từ ngày** ...../...../.....

*20....*

**Đến ngày** ...../...../.....

**THỦ TRƯỞNG**  
*(Ký tên, đóng dấu)*

*(Giấy phép xe tập lái chỉ có giá trị khi Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe còn giá trị sử dụng)*

2. Mặt sau: In chữ “TẬP LÁI” theo phong chữ Times New Roman in hoa, đứng, đậm, cỡ chữ 90.

**TẬP LÁI**

Mẫu số 02. Mẫu giấy phép xe tập lái điện tử

Kích thước: 120 mm x 180 mm

1. Mặt trước:

UBND TỈNH  
SỞ GIAO THÔNG VẬN  
TẢI  
.....  
-----

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  
NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
-----

GIẤY PHÉP XE TẬP LÁI

Mã số: ...../.....

Cấp cho xe số: ..... Loại phương tiện:  
.....

Nhãn hiệu xe: ..... Màu sơn:  
.....

Cơ sở đào tạo:  
.....

Được phép tập lái xe trên các tuyến đường (trừ các tuyến đường hạn chế theo quy định của cơ quan có thẩm quyền)

**Có giá trị:**

*Hà Nội, ngày.....tháng.....năm*

**Từ ngày** ...../...../.....

*20....*

**Đến ngày** ...../...../.....

THỦ TRƯỞNG

*(Ký tên, đóng dấu)*

*(Giấy phép xe tập lái chỉ có giá trị khi Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe còn giá trị sử dụng)*

2. Mặt sau: In chữ “TẬP LÁI” theo phông chữ Times New Roman in hoa, đứng, đậm, cỡ chữ 90.

TẬP LÁI

MÃ QR

## **8. Cấp lại Giấy phép xe tập lái**

### **8.1. Trình tự thực hiện:**

#### a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Cơ sở đào tạo gửi hồ sơ đến Sở Giao thông vận tải qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

#### b) Giải quyết TTHC:

- Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải tổ chức kiểm tra, cấp Giấy phép xe tập lái cho cơ sở đào tạo. Trường hợp không cấp, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

- Trường hợp cấp Giấy phép xe tập lái điện tử (có mã hai chiều (QR)) được kết nối với trang thông tin điện tử của Sở Giao thông vận tải để truy xuất thông tin về xe ô tô, tuyến đường tập lái và hiệu lực lưu hành ghi trên Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, Sở Giao thông vận tải phải tuân thủ các quy định của Luật Giao dịch điện tử, các văn bản hướng dẫn thi hành và cấp Giấy phép xe tập lái điện tử trên Trang thông tin điện tử để cơ sở đào tạo in hoặc lưu trữ trên thiết bị điện tử.

**8.2. Cách thức thực hiện:** Trực tiếp, hoặc qua đường bưu chính hoặc qua hệ thống dịch công trực tuyến đến Sở Giao thông vận tải qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

### **8.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

#### a) Thành phần hồ sơ:

- Danh sách xe đề nghị cấp giấy phép xe tập lái theo mẫu quy định;  
- Giấy đăng ký xe (bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực).

#### b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

### **8.4. Thời hạn giải quyết:**

- 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

### **8.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức.**

### **8.6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Sở Giao thông vận tải;  
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;  
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải;  
- Cơ quan phối hợp: Không có.

### **8.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:**

- Giấy phép xe tập lái.

**8.8. Phí, lệ phí:** Không có.

**8.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:**

- Danh sách xe đề nghị cấp giấy phép xe tập lái;
- Giấy phép xe tập lái.

**8.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** Không có.

**8.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe;

- Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.

**MẪU DANH SÁCH XE ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÁP XE TẬP LÁI**  
**CƠ QUAN CHỦ QUẢN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT**  
**CƠ SỞ ĐÀO TẠO NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Kính gửi: Cơ quan có thẩm quyền

Trưởng (Trung tâm) ..... đề nghị Cơ quan có thẩm quyền xem xét, cấp giấy phép xe tập lái cho số xe của cơ sở đào tạo theo danh sách dưới đây:

**DANH SÁCH XE ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP XE TẬP LÁI**

| Số TT | Biển số đăng ký | Xe của cơ sở đào tạo | Xe hợp đồng | Nhãn hiệu | Loại xe | Số động cơ | Số khung | Giấy chứng nhận kiểm định ATKT&BVMT |              | Ghi chú |
|-------|-----------------|----------------------|-------------|-----------|---------|------------|----------|-------------------------------------|--------------|---------|
|       |                 |                      |             |           |         |            |          | Ngày cấp                            | Ngày hết hạn |         |
|       |                 |                      |             |           |         |            |          |                                     |              |         |
|       |                 |                      |             |           |         |            |          |                                     |              |         |
|       |                 |                      |             |           |         |            |          |                                     |              |         |
|       |                 |                      |             |           |         |            |          |                                     |              |         |

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu:

....., ngày.....tháng..... năm 20.....

**HIỆU TRƯỞNG (GIÁM ĐỐC)**

(Ký tên, đóng dấu)

## CÁC MẪU LIÊN QUAN ĐẾN CẤP GIẤY PHÉP TẬP LÁI

Mẫu số 01. Mẫu giấy phép xe tập lái

Kích thước: 120 mm x 180 mm

### 1. Mặt trước

UBND TỈNH  
SỞ GIAO THÔNG VẬN  
TẢI  
.....  
-----

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  
NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
-----

### GIẤY PHÉP XE TẬP LÁI

Mã số: ...../.....

Cấp cho xe số: ..... Loại phương tiện:  
.....

Nhãn hiệu xe: ..... Màu sơn:  
.....

Cơ sở đào tạo:  
.....

Được phép tập lái xe trên các tuyến đường (trừ các tuyến đường hạn chế theo quy định của cơ quan có thẩm quyền)

**Có giá trị:**

**Từ ngày** ...../...../.....

**Đến ngày** ...../...../.....

*(Giấy phép xe tập lái chỉ có giá trị khi Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe còn giá trị sử dụng)*

*Hà Nội, ngày.....tháng.....năm*

*20....*

**THỦ TRƯỞNG**  
**(Ký tên, đóng dấu)**

2. Mặt sau: In chữ “TẬP LÁI” theo phong chữ Times New Roman in hoa, đứng, đậm, cỡ chữ 90.

# TẬP LÁI



Mẫu số 02. Mẫu giấy phép xe tập lái điện tử

Kích thước: 120 mm x 180 mm

1. Mặt trước:

UBND TỈNH  
SỞ GIAO THÔNG VẬN  
TẢI  
.....  
-----

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  
NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
-----

GIẤY PHÉP XE TẬP LÁI

Mã số: ...../.....

Cấp cho xe số: ..... Loại phương tiện:  
.....

Nhãn hiệu xe: ..... Màu sơn:  
.....

Cơ sở đào tạo:  
.....

Được phép tập lái xe trên các tuyến đường (trừ các tuyến đường hạn chế theo quy định của cơ quan có thẩm quyền)

**Có giá trị:**

*Hà Nội, ngày.....tháng.....năm*

**Từ ngày** ...../...../.....

*20....*

**Đến ngày** ...../...../.....

THỦ TRƯỞNG  
*(Ký tên, đóng dấu)*

*(Giấy phép xe tập lái chỉ có giá trị khi Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe còn giá trị sử dụng)*

2. Mặt sau: In chữ “TẬP LÁI” theo phong chữ Times New Roman in hoa, đứng, đậm, cỡ chữ 90.

**TẬP LÁI**

MÃ QR

## **9. Cấp Giấy phép đào tạo lái xe ô tô**

### **9.1. Trình tự thực hiện:**

#### a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Tổ chức, cá nhân lập hồ sơ gửi đến Sở Giao thông vận tải qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

#### b) Giải quyết TTHC:

- Trường hợp hồ sơ chưa đủ theo quy định, trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Giao thông vận tải phải trả lời bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân;

- Trong thời hạn không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với cơ quan quản lý giáo dục nghề nghiệp tại địa phương tổ chức kiểm tra thực tế cơ sở đào tạo, lập biên bản và cấp Giấy phép đào tạo lái xe ô tô cho cơ sở đủ điều kiện. Trường hợp không cấp, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

**9.2. Cách thức thực hiện:** Gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Sở Giao thông vận tải qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

### **9.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

#### a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản kèm báo cáo đề nghị cấp Giấy phép đào tạo lái xe theo mẫu quy định;

- Quyết định thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp của cơ quan có thẩm quyền (bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao được chứng thực điện tử từ bản chính);

- Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe (bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao được chứng thực điện tử từ bản chính);

- Giấy đăng ký xe (bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao được chứng thực điện tử từ bản chính).

Trường hợp Quyết định thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp, Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe, Giấy đăng ký xe đã được tích hợp vào tài khoản định danh điện tử thì việc xuất trình, kiểm tra có thể thực hiện thông qua tài khoản định danh điện tử.

#### b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

### **9.4. Thời hạn giải quyết:**

- 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

### **9.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức.**

### **9.6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan phối hợp: Không có.

**9.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:**

- Giấy phép đào tạo lái xe ô tô.

**9.8. Phí, lệ phí: Không có.**

**9.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:**

- Báo cáo đề nghị cấp Giấy phép đào tạo lái xe;

- Giấy phép đào tạo lái xe ô tô.

**9.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.**

**9.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe;

- Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.

MẪU BÁO CÁO ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP ĐÀO TẠO LÁI XE  
CƠ QUAN CHỦ QUẢN      CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  
CƠ SỞ ĐÀO TẠO                      NAM  
-----  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
-----

**BÁO CÁO ĐỀ NGHỊ  
CẤP GIẤY PHÉP ĐÀO TẠO LÁI XE**

**I. GIỚI THIỆU CHUNG**

1. Tên cơ sở đào tạo (Trường hoặc Trung tâm):

Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng (Giám đốc, Phó Giám đốc), các phòng ban:

.....

Địa chỉ liên lạc:

.....

.....

Điện thoại: .....

Fax:.....

2. Cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp:

.....

3. Quyết định thành lập số ..... ngày .... / ..... / ..... của

.....

4. Giới thiệu tóm tắt cơ sở, các nghề đào tạo, quy mô đào tạo/năm.

**II. BÁO CÁO VỀ ĐÀO TẠO LÁI XE**

1. Đào tạo lái xe từ năm ..... loại xe (xe con, xe tải ..... tấn, xe khách, xe kéo rơ moóc...) theo văn bản số ..... ngày .... / ..... / ..... của.....

Từ khi thành lập đến nay đã đào tạo được ..... học sinh, lái xe loại .....

2. Hiện nay đào tạo lái xe loại ....., thời gian đào tạo ..... tháng (đối với từng loại, số học sinh mỗi loại).

*(Trường hợp chưa đào tạo không nêu các điểm 1, 2 phần II)*

3. Tổng số phòng học hiện có, số phòng học chuyên môn, diện tích (m<sup>2</sup>), đủ hay thiếu phòng học.

Đánh giá cụ thể từng phòng học chuyên môn và các thiết bị dạy học: cabin, mô hình vật thực, phim, đèn chiếu hoặc thiết bị, dụng cụ tháo lắp.... (đối chiếu với quy định để báo cáo); chất lượng từng phòng học.

4. Mục tiêu, kế hoạch giảng dạy và từng mục: giáo trình, giáo án, hệ thống bài ôn luyện và thiết bị kiểm tra (thông kê và trình bày hiện vật).

## 5. Đội ngũ giáo viên

- Số lượng giáo viên dạy lý thuyết:

.....

- Số giáo lượng viên dạy thực hành: .....

### DANH SÁCH TRÍCH NGANG GIÁO VIÊN DẠY THỰC HÀNH (hoặc LÝ THUYẾT) LÁI XE

| Số TT | Họ và tên | Ngày tháng năm sinh | Số giấy chứng minh nhân dân | Hình thức tuyển dụng |                     | Trình độ |            |         | Hạng giấy phép lái xe | Ngày trúng tuyển | Thâm niên dạy lái | Môn học giảng dạy | Ghi chú |
|-------|-----------|---------------------|-----------------------------|----------------------|---------------------|----------|------------|---------|-----------------------|------------------|-------------------|-------------------|---------|
|       |           |                     |                             | Biên chế             | Hợp đồng (thời hạn) | Văn      | Chuyên môn | Sư phạm |                       |                  |                   |                   |         |
| 1     | 2         | 3                   | 4                           | 5                    |                     |          |            |         |                       |                  |                   |                   |         |
| 1     |           |                     |                             |                      |                     |          |            |         |                       |                  |                   |                   |         |
| 2     |           |                     |                             |                      |                     |          |            |         |                       |                  |                   |                   |         |
| 3     |           |                     |                             |                      |                     |          |            |         |                       |                  |                   |                   |         |
| ...   |           |                     |                             |                      |                     |          |            |         |                       |                  |                   |                   |         |

6. Xe tập lái: số lượng xe tập lái hiện có, thiếu hay đủ để học viên tập.

- Chung loại: số xe thông dụng; số xe kiểu cũ.

- Tình trạng chất lượng kỹ thuật (còn bao nhiêu %).

- Thiết bị dạy lái trên xe.

- Số xe có Giấy chứng nhận kiểm định, giấy phép xe tập lái.

### DANH SÁCH XE TẬP LÁI

| Số TT | Số đăng ký xe | Nhãn xe | Hạng xe | Năm sản xuất | Chủ sở hữu/hợp đồng | Hệ thống phanh phụ (có, không) | Giấy phép xe tập lái (có, không) |
|-------|---------------|---------|---------|--------------|---------------------|--------------------------------|----------------------------------|
| 1     |               |         |         |              |                     |                                |                                  |
| 2     |               |         |         |              |                     |                                |                                  |
| 3     |               |         |         |              |                     |                                |                                  |
| ....  |               |         |         |              |                     |                                |                                  |

Ghi chú: Danh sách sắp xếp thứ tự các hạng B, C, D, E, F gửi kèm bản sao có

chứng thực hoặc công chứng giấy đăng ký từng xe.

7. Sân tập lái có diện tích: ..... m<sup>2</sup>.

- Đã tạo lập các tình huống để tập lái trên bãi tập.

- Có hiện trường tập lái thực tế.

8. Đánh giá chung, đề nghị:

**HIỆU TRƯỞNG (GIÁM ĐỐC)**  
*(Ký tên, đóng dấu)*

**MẪU GIẤY PHÉP ĐÀO TẠO LÁI XE Ô TÔ**  
**CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN**      **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**-----**      **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
**-----**

Số: ...../ ..... , ngày ..... tháng ..... năm 20...

**GIẤY PHÉP**  
**ĐÀO TẠO LÁI XE Ô TÔ**

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13/11/2008;

Căn cứ Nghị định số ...../ ...../ND-CP ngày...../ .../..... của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe;

Xét đề nghị của Đoàn kiểm tra được thành lập tại Quyết định số .....ngày...../...../..... của cơ quan có thẩm quyền về việc  
 .....;

Theo đề nghị của  
 .....,

**CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN**

1. Cấp giấy phép đào tạo lái xe ô tô cho:

.....

2. Địa chỉ:

.....

- Điện thoại .....

- Fax: .....

3. Cơ quan quản lý trực tiếp:

.....

4. Được phép đào tạo:

- Hạng:

.....

- Lưu lượng:

.....

5. Địa điểm đào tạo:

.....

Cơ sở đào tạo lái xe phải xuất trình Giấy phép này với cơ quan có thẩm quyền khi có yêu cầu.



**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CÓ  
THẨM QUYỀN**  
*(Ký tên, đóng dấu)*

## **10. Cấp lại Giấy phép đào tạo lái xe ô tô trong trường hợp điều chỉnh hạng xe đào tạo, lưu lượng đào tạo**

### **10.1. Trình tự thực hiện:**

#### a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Cơ sở đào tạo lập hồ sơ gửi đến Sở Giao thông vận tải qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

#### b) Giải quyết TTHC:

- Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền phối hợp cơ quan quản lý giáo dục nghề nghiệp tổ chức kiểm tra thực tế cơ sở đào tạo và lập biên bản;

- Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra, cơ quan có thẩm quyền cấp lại giấy phép đào tạo lái xe ô tô cho cơ sở đào tạo. Trường hợp không cấp, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

**10.2. Cách thức thực hiện:** Gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Sở Giao thông vận tải qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

### **10.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

#### a) Thành phần hồ sơ (*chỉ bổ sung những nội dung thay đổi so với lần cấp phép gần nhất*)

- Văn bản kèm báo cáo đề nghị cấp Giấy phép đào tạo lái xe theo mẫu quy định;
- Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe (bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao được chứng thực điện tử từ bản chính);
- Giấy đăng ký xe (bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao được chứng thực điện tử từ bản chính).

Trường hợp Quyết định thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp, Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe, Giấy đăng ký xe đã được tích hợp vào tài khoản định danh điện tử thì việc xuất trình, kiểm tra có thể thực hiện thông qua tài khoản định danh điện tử.

#### b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

### **10.4. Thời hạn giải quyết:**

- Thời hạn kiểm tra: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định;
- Thời hạn cấp Giấy phép: 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra.

### **10.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức.**

### **10.6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan phối hợp: Không có.

**10.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:**

- Giấy phép đào tạo lái xe ô tô.

**10.8. Phí, lệ phí:** Không có.

**10.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:**

- Báo cáo đề nghị cấp Giấy phép đào tạo lái xe;

- Giấy phép đào tạo lái xe ô tô.

**10.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** Không có.

**10.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe;

- Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.

MẪU BÁO CÁO ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP ĐÀO TẠO LÁI XE  
CƠ QUAN CHỦ QUẢN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  
CƠ SỞ ĐÀO TẠO NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BÁO CÁO ĐỀ NGHỊ  
CẤP GIẤY PHÉP ĐÀO TẠO LÁI XE**

**I. GIỚI THIỆU CHUNG**

1. Tên cơ sở đào tạo (Trường hoặc Trung tâm):

Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng (Giám đốc, Phó Giám đốc), các phòng ban:

.....

Địa chỉ liên lạc:

.....  
.....  
.....

Điện thoại: .....

Fax:.....

2. Cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp:

.....

3. Quyết định thành lập số ..... ngày ...../ ...../ ..... của

.....

4. Giới thiệu tóm tắt cơ sở, các nghề đào tạo, quy mô đào tạo/năm.

**II. BÁO CÁO VỀ ĐÀO TẠO LÁI XE**

1. Đào tạo lái xe từ năm ..... loại xe (xe con, xe tải ..... tấn, xe khách, xe kéo rơ moóc...) theo văn bản số ..... ngày ...../ ...../ ..... của.....

Từ khi thành lập đến nay đã đào tạo được ..... học sinh, lái xe loại .....

2. Hiện nay đào tạo lái xe loại ....., thời gian đào tạo ..... tháng (đối với từng loại, số học sinh mỗi loại).

*(Trường hợp chưa đào tạo không nêu các điểm 1, 2 phần II)*

3. Tổng số phòng học hiện có, số phòng học chuyên môn, diện tích (m<sup>2</sup>), đủ hay thiếu phòng học.

Đánh giá cụ thể từng phòng học chuyên môn và các thiết bị dạy học: cabin, mô hình vật thực, phim, đèn chiếu hoặc thiết bị, dụng cụ tháo lắp... (đối chiếu với quy định để báo cáo); chất lượng từng phòng học.

4. Mục tiêu, kế hoạch giảng dạy và từng mục: giáo trình, giáo án, hệ thống bài ôn luyện và thiết bị kiểm tra (thông kê và trình bày hiện vật).

## 5. Đội ngũ giáo viên

- Số lượng giáo viên dạy lý thuyết:

.....

- Số giáo lượng viên dạy thực hành: .....

**DANH SÁCH TRÍCH NGANG GIÁO VIÊN DẠY THỰC HÀNH (hoặc LÝ THUYẾT) LÁI XE**

| Số TT | Họ và tên | Ngày tháng năm sinh | Số giấy chứng minh nhân dân | Hình thức tuyển dụng |                     | Trình độ |            |         | Hạng giấy phép lái xe | Ngày trúng tuyển | Thâm niên dạy lái | Môn học giảng dạy | Ghi chú |
|-------|-----------|---------------------|-----------------------------|----------------------|---------------------|----------|------------|---------|-----------------------|------------------|-------------------|-------------------|---------|
|       |           |                     |                             | Biên chế             | Hợp đồng (thời hạn) | Văn      | Chuyên môn | Sư phạm |                       |                  |                   |                   |         |
| 1     | 2         | 3                   | 4                           | 5                    |                     |          |            |         |                       |                  |                   |                   |         |
| 1     |           |                     |                             |                      |                     |          |            |         |                       |                  |                   |                   |         |
| 2     |           |                     |                             |                      |                     |          |            |         |                       |                  |                   |                   |         |
| 3     |           |                     |                             |                      |                     |          |            |         |                       |                  |                   |                   |         |
| ...   |           |                     |                             |                      |                     |          |            |         |                       |                  |                   |                   |         |

6. Xe tập lái: số lượng xe tập lái hiện có, thiếu hay đủ để học viên tập.

- Chung loại: số xe thông dụng; số xe kiểu cũ.

- Tình trạng chất lượng kỹ thuật (còn bao nhiêu %).

- Thiết bị dạy lái trên xe.

- Số xe có Giấy chứng nhận kiểm định, giấy phép xe tập lái.

**DANH SÁCH XE TẬP LÁI**

| Số TT | Số đăng ký xe | Nhãn xe | Hạng xe | Năm sản xuất | Chủ sở hữu/hợp đồng | Hệ thống phanh phụ (có, không) | Giấy phép xe tập lái (có, không) |
|-------|---------------|---------|---------|--------------|---------------------|--------------------------------|----------------------------------|
| 1     |               |         |         |              |                     |                                |                                  |
| 2     |               |         |         |              |                     |                                |                                  |
| 3     |               |         |         |              |                     |                                |                                  |
| ....  |               |         |         |              |                     |                                |                                  |

Ghi chú: Danh sách sắp xếp thứ tự các hạng B, C, D, E, F gửi kèm bản sao có

chứng thực hoặc công chứng giấy đăng ký từng xe.

7. Sân tập lái có diện tích: ..... m<sup>2</sup>.

- Đã tạo lập các tình huống để tập lái trên bãi tập.

- Có hiện trường tập lái thực tế.

8. Đánh giá chung, đề nghị:

**HIỆU TRƯỞNG (GIÁM ĐỐC)**  
*(Ký tên, đóng dấu)*

**MẪU GIẤY PHÉP ĐÀO TẠO LÁI XE Ô TÔ**  
**CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN**      **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT**  
**QUYỀN**      **NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...../ ..... , ngày ..... tháng ..... năm 20...

**GIẤY PHÉP**  
**ĐÀO TẠO LÁI XE Ô TÔ**

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13/11/2008;

Căn cứ Nghị định số ...../ ...../ND-CP ngày...../ .... /..... của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe;

Xét đề nghị của Đoàn kiểm tra được thành lập tại Quyết định số .....ngày...../...../.... của cơ quan có thẩm quyền về việc  
.....;

Theo đề nghị của  
.....,

**CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN**

1. Cấp giấy phép đào tạo lái xe ô tô cho:  
.....

2. Địa chỉ:  
.....

- Điện thoại .....

- Fax: .....

3. Cơ quan quản lý trực tiếp:  
.....

4. Được phép đào tạo:

- Hạng:  
.....

- Lưu lượng:  
.....

5. Địa điểm đào tạo:  
.....

Cơ sở đào tạo lái xe phải xuất trình Giấy phép này với cơ quan có thẩm quyền

khi có yêu cầu.

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CÓ THẨM  
QUYỀN**  
*(Ký tên, đóng dấu)*



## **11. Cấp lại Giấy phép đào tạo lái xe ô tô bị mất, bị hỏng, có sự thay đổi liên quan đến nội dung khác**

### **11.1. Trình tự thực hiện:**

#### a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Cơ sở đào tạo lập hồ sơ gửi đến Sở Giao thông vận tải qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

#### b) Giải quyết TTHC:

- Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền cấp lại giấy phép đào tạo lái xe ô tô cho cơ sở đào tạo. Trường hợp không cấp, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

**11.2. Cách thức thực hiện:** Gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Sở Giao thông vận tải qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

### **11.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

#### a) Thành phần hồ sơ

- Văn bản đề nghị cấp lại giấy phép đào tạo lái xe ô tô và nêu rõ lý do hỏng, mất hoặc nội dung cần thay đổi;

#### b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

### **11.4. Thời hạn giải quyết:**

- 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

### **11.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức.**

### **11.6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan phối hợp: Không có.

### **11.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:**

- Giấy phép đào tạo lái xe ô tô.

### **11.8. Phí, lệ phí: Không có.**

### **11.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:**

- Giấy phép đào tạo lái xe ô tô.

### **11.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.**

### **11.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe;

- Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.

**MẪU GIẤY PHÉP ĐÀO TẠO LÁI XE Ô TÔ**  
**CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN**      **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT**  
**NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
 -----

Số: ...../ ..... , ngày ..... tháng ..... năm 20...

**GIẤY PHÉP**  
**ĐÀO TẠO LÁI XE Ô TÔ**

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13/11/2008;

Căn cứ Nghị định số ...../ ...../ND-CP ngày...../ ...../..... của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe;

Xét đề nghị của Đoàn kiểm tra được thành lập tại Quyết định số .....ngày...../...../.... của cơ quan có thẩm quyền về việc  
 .....

Theo đề nghị của

.....,

**CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN**

1. Cấp giấy phép đào tạo lái xe ô tô cho:

.....

2. Địa chỉ:

.....

- Điện thoại .....

- Fax: .....

3. Cơ quan quản lý trực tiếp:

.....

4. Được phép đào tạo:

- Hạng:

.....

- Lưu lượng:

.....

5. Địa điểm đào tạo:

.....

Cơ sở đào tạo lái xe phải xuất trình Giấy phép này với cơ quan có thẩm quyền

khi có yêu cầu.

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CÓ THẨM  
QUYỀN**  
*(Ký tên, đóng dấu)*

## **12. Cấp lại Giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động**

### **12.1. Trình tự thực hiện:**

#### a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Trung tâm sát hạch lái xe lập hồ sơ gửi đến Sở Giao thông vận tải qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

#### b) Giải quyết TTHC:

- Trường hợp trung tâm sát hạch lái xe có sự thay đổi về thiết bị sát hạch, chủng loại, số lượng xe cơ giới sử dụng để sát hạch lái xe: Trong thời gian không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận văn bản đề nghị, Sở Giao thông vận tải tổ chức kiểm tra, lập biên bản và cấp Giấy chứng nhận cho trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động. Trường hợp không cấp, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Trường hợp bị hỏng, mất, có sự thay đổi liên quan đến nội dung của giấy chứng nhận: Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, cơ quan có thẩm quyền cấp lại giấy chứng nhận cho trung tâm sát hạch. Trường hợp không cấp, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

**12.2. Cách thức thực hiện:** Gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Sở Giao thông vận tải qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

### **12.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

#### a) Thành phần hồ sơ

- Trường hợp trung tâm sát hạch lái xe có sự thay đổi về thiết bị sát hạch, chủng loại, số lượng xe cơ giới sử dụng để sát hạch lái xe: Văn bản đề nghị cấp lại giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động.

- Trường hợp bị hỏng, mất, có sự thay đổi liên quan đến nội dung của giấy chứng nhận: Văn bản đề nghị cấp lại giấy chứng nhận và nêu rõ lý do hỏng hoặc mất.

#### b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

### **12.4. Thời hạn giải quyết:**

- Trường hợp trung tâm sát hạch lái xe có sự thay đổi về thiết bị sát hạch, chủng loại, số lượng xe cơ giới sử dụng để sát hạch lái xe: Trong thời gian không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận văn bản đề nghị.

- Trường hợp bị hỏng, mất, có sự thay đổi liên quan đến nội dung của giấy chứng nhận: Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc.

**12.5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức.

### **12.6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện:

Không có;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải;
- Cơ quan phối hợp: Không có.

**12.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:**

- Giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động.

**12.8. Phí, lệ phí:** Không có.

**12.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:**

- Giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động.

**12.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** Không có.

**12.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe;

- Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.

**MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN**  
**TRUNG TÂM SÁT HẠCH LÁI XE ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG**  
**CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT**  
**NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...../ ..... , ngày .... tháng .... năm 20.....

**GIẤY CHỨNG NHẬN**  
**TRUNG TÂM SÁT HẠCH LÁI XE ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG**

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13/11/2008;

Căn cứ Nghị định số ...../ ...../ND-CP ...../...../..... của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe;

Căn cứ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trung tâm sát hạch lái xe cơ giới đường bộ (QCVN ...../BGTVT) ban hành kèm theo Thông tư số ...../...../TT-BGTVT ngày .... /..... /..... của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Biên bản kiểm tra Trung tâm sát hạch lái xe ..... của Đoàn kiểm tra ngày ...../ ...../ .....

Xét đề nghị của Trung tâm sát hạch lái xe ..... tại văn bản số ..... ngày .../ .../ ... về việc kiểm tra, xác nhận trung tâm sát hạch lái xe;

Theo đề nghị của Trưởng phòng .....

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN**

Cấp giấy chứng nhận cho: TRUNG TÂM SÁT HẠCH LÁI XE...

1. Địa chỉ:

- Điện thoại:

- Fax:

2. Cơ quan quản lý hoạt động trực tiếp:

3. Trung tâm sát hạch lái xe ..... là trung tâm sát hạch loại ... , sử dụng thiết bị sát hạch của ....., có đủ điều kiện sát hạch lái xe các hạng: ....., được sử dụng ..... xe sát hạch (có danh sách xe sát hạch kèm theo).

Trung tâm sát hạch lái xe phải xuất trình Giấy chứng nhận này với cơ quan quản lý sát hạch cấp giấy phép lái xe đến tổ chức sát hạch và chịu sự kiểm tra của các cơ quan có thẩm quyền.

Giấy chứng nhận này thay thế Giấy chứng nhận số ..... của cơ quan có thẩm quyền đã cấp cho Trung tâm (đối với trường hợp cấp lại giấy chứng nhận)/.

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CÓ  
THẨM QUYỀN**  
*(Ký tên, đóng dấu)*





### **13. Cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô**

#### **13.1. Trình tự thực hiện:**

##### **a) Nộp hồ sơ TTHC:**

- Đơn vị kinh doanh vận tải nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh đến Sở Giao thông vận tải nơi đơn vị kinh doanh vận tải đặt trụ sở chính hoặc trụ sở chi nhánh qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

##### **b) Giải quyết TTHC:**

- Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, Sở Giao thông vận tải thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến những nội dung cần bổ sung hoặc sửa đổi đến đơn vị kinh doanh vận tải trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định, Sở Giao thông vận tải thẩm định hồ sơ, cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô. Trường hợp không cấp Giấy phép kinh doanh thì Sở Giao thông vận tải phải trả lời bằng văn bản hoặc thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến và nêu rõ lý do.

- Sở Giao thông vận tải kiểm tra thông tin về Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trên hệ thống Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia trước khi cấp Giấy phép kinh doanh.

- Việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả được thực hiện tại Sở Giao thông vận tải hoặc qua đường bưu điện hoặc các hình thức phù hợp khác theo quy định. Trường hợp tiếp nhận hồ sơ trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải hoặc qua đường bưu điện, cán bộ tiếp nhận hồ sơ cập nhật thông tin của các hồ sơ đúng theo quy định vào hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải.

Sở Giao thông vận tải thực hiện xử lý hồ sơ và cấp Giấy phép kinh doanh trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải.

**13.2. Cách thức thực hiện:** Gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc các hình thức phù hợp khác đến Sở Giao thông vận tải qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

#### **13.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

##### **a) Thành phần hồ sơ**

\* Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh đối với doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải bao gồm:

- Giấy đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh theo mẫu quy định;

- Bản sao văn bằng, chứng chỉ của người trực tiếp điều hành hoạt động vận tải;

- Bản sao hoặc bản chính Quyết định thành lập và quy định chức năng, nhiệm vụ của bộ phận quản lý, theo dõi các điều kiện về an toàn giao thông (áp dụng đối với doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định,

vận tải hành khách bằng xe buýt, vận tải hành khách bằng xe taxi, vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ, vận tải hành khách sử dụng hợp đồng điện tử).

\* Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh đối với hộ kinh doanh vận tải gồm:

- Giấy đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh theo mẫu quy định;
- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**13.4. Thời hạn giải quyết:**

- 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định.

**13.5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức, cá nhân.

**13.6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Sở Giao thông vận tải;
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải;
- Cơ quan phối hợp: Không có.

**13.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:**

- Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

**13.8. Phí, lệ phí:** Không có.

**13.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:**

- Giấy đề nghị cấp (cấp lại) Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô;
- Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

**13.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** Không có.

**13.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17/01/2020 của Chính phủ quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô;
- Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.

MẪU GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP (CẤP LẠI) GIẤY PHÉP KINH DOANH VẬN  
TẢI BẰNG XE Ô TÔ

TÊN ĐƠN VỊ  
KDVT: .....

-----

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----

Số: ...../.....

....., ngày.....tháng.....năm.....

**GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP (CẤP LẠI)**  
**GIẤY PHÉP KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ**

Kính gửi: Sở GTVT.....

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:.....
  2. Tên giao dịch quốc tế (nếu có):.....
  3. Địa chỉ trụ sở:.....
  4. Số điện thoại (Fax):  
.....
  5. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc đăng ký doanh nghiệp số: .....; Mã số thuế: ..... (trường hợp đơn vị kinh doanh vận tải là Hợp tác xã hoặc Hộ kinh doanh đề nghị nộp kèm theo bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh).
  6. Người điều hành hoạt động vận tải: (họ tên, số chứng minh thư nhân dân; trình độ, chuyên ngành đào tạo).
  7. Người đại diện theo pháp luật:
  8. Nơi đỗ xe của đơn vị vận tải: Tổng số vị trí đỗ xe...(ghi rõ địa điểm, diện tích của từng vị trí).
  9. Đề nghị cấp phép kinh doanh các loại hình vận tải:  
-  
.....  
-  
.....
  10. Nội dung đăng ký chất lượng dịch vụ (áp dụng trong trường hợp đơn vị đề nghị cấp giấy phép kinh doanh vận tải theo loại hình: Tuyến cố định, xe buýt, xe taxi)
- Căn cứ vào kết quả tự đánh giá xếp hạng, đơn vị chúng tôi đăng ký hạng chất

lượng dịch vụ vận tải của đơn vị theo Tiêu chuẩn cơ sở về chất lượng dịch vụ vận tải hành khách do Cục Đường bộ Việt Nam ban hành (hoặc theo Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ của đơn vị xây dựng và công bố) như sau:

- Đơn vị đạt hạng: .... (trường hợp Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ do đơn vị xây dựng phải ghi rõ tương đương hạng nào của Tiêu chuẩn cơ sở về chất lượng dịch vụ vận tải hành khách do Cục Đường bộ Việt Nam ban hành).

11. Màu sơn đặc trưng của xe buýt:.....(áp dụng trong trường hợp đơn vị đề nghị cấp giấy phép kinh doanh vận tải theo loại hình vận tải hành khách bằng xe buýt).

Đơn vị kinh doanh vận tải cam kết những nội dung đăng ký đúng với thực tế của đơn vị.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu.

**ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ KDVT**

*(Ký tên, đóng dấu)*

## MẪU GIẤY PHÉP KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ

|  |  |
|--|--|
| <b>CƠ QUAN CẤP PHÉP (1)</b>  | <b>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT<br/>NAM</b><br><b>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</b><br>-----   |
| <p style="text-align: center;"><b>GIẤY PHÉP</b></p> <p style="text-align: center;"><b>KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ</b></p> <p style="text-align: center;">Số:..... Cấp lần thứ:.....</p> <p style="text-align: center;">(Cấp lần đầu: Số.....ngày.....tháng....năm.....nơi cấp.....)</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Cấp cho đơn vị:.....</li> <li>• Địa chỉ:.....</li> <li>• Số điện thoại:.....</li> <li>• Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc đăng ký doanh nghiệp) số..... ngày.....tháng.....năm..... cơ quan cấp.....</li> <li>• Người đại diện theo pháp luật:.....</li> <li>• Được phép kinh doanh các loại hình vận tải bằng xe ô tô:<br/>-<br/>-<br/>-<br/>-</li> </ul> |  |
|  | <p style="text-align: center;">....., ngày...tháng...năm...</p> <p style="text-align: center;"><b>Cơ quan cấp phép</b><br/><b>(Ký tên, đóng dấu)</b></p> |

**Hướng dẫn:** Kính thước, kiểu chữ, cỡ chữ và màu sắc:

- Giấy phép kinh doanh vận tải được in trên khổ giấy A4, nền màu hồng có vân hoa.

- Kiểu chữ, cỡ chữ và màu chữ:

+ Dòng “GIẤY PHÉP” và dòng “KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ” in phông chữ Times New Roman, chữ in hoa, cỡ chữ từ 14 -18, màu đỏ đậm;

+ Các dòng chữ khác in phông chữ Times New Roman, cỡ chữ 14-16, màu xanh đen.

- Các loại hình ghi trên Giấy phép: kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định; kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt; kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi; kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng; kinh doanh vận chuyển khách du lịch; kinh doanh vận tải hàng hoá bằng công-ten-nơ; kinh doanh vận tải hàng hoá bằng xe ô tô.

## **14. Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép kinh doanh bị thu hồi, bị tước quyền sử dụng**

### **14.1. Trình tự thực hiện:**

#### a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Đơn vị kinh doanh vận tải nộp hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh đến Sở Giao thông vận tải nơi đơn vị kinh doanh vận tải đặt trụ sở chính hoặc trụ sở chi nhánh qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

#### b) Giải quyết TTHC:

- Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, Sở Giao thông vận tải thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến những nội dung cần bổ sung hoặc sửa đổi đến đơn vị kinh doanh vận tải trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định, Sở Giao thông vận tải thẩm định hồ sơ, cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô. Trường hợp không cấp Giấy phép kinh doanh thì Sở Giao thông vận tải phải trả lời bằng văn bản hoặc thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến và nêu rõ lý do.

- Sở Giao thông vận tải kiểm tra thông tin về Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trên hệ thống Công thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia trước khi cấp Giấy phép kinh doanh.

- Việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả được thực hiện tại Sở Giao thông vận tải hoặc qua đường bưu điện hoặc các hình thức phù hợp khác theo quy định. Trường hợp tiếp nhận hồ sơ trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải hoặc qua đường bưu điện, cán bộ tiếp nhận hồ sơ cập nhật thông tin của các hồ sơ đúng theo quy định vào hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải.

Sở Giao thông vận tải thực hiện xử lý hồ sơ và cấp Giấy phép kinh doanh trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải.

**14.2. Cách thức thực hiện:** Gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc các hình thức phù hợp khác đến Sở Giao thông vận tải qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

### **14.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

#### a) Thành phần hồ sơ

\* Hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh do thay đổi nội dung của Giấy phép kinh doanh bao gồm:

- Giấy đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh trong đó nêu rõ lý do xin cấp lại theo mẫu quy định;

- Tài liệu chứng minh sự thay đổi của những nội dung ghi trong Giấy phép kinh doanh (việc thay đổi liên quan đến nội dung nào thì bổ sung tài liệu về nội dung



đó).

\* Hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh cấp lại Giấy phép kinh doanh do bị thu hồi (đối với doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải) bao gồm:

- Giấy đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh theo mẫu quy định;
- Bản sao văn bằng, chứng chỉ của người trực tiếp điều hành hoạt động vận tải;
- Bản sao hoặc bản chính Quyết định thành lập và quy định chức năng, nhiệm vụ của bộ phận quản lý, theo dõi các điều kiện về an toàn giao thông (áp dụng đối với doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, vận tải hành khách bằng xe buýt, vận tải hành khách bằng xe taxi, vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ, vận tải hành khách sử dụng hợp đồng điện tử);
- Tài liệu chứng minh việc khắc phục đối với vi phạm quy định: (1) Cung cấp bản sao không đúng với bản chính hoặc thông tin sai lệch trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh; (2) Sửa chữa hoặc làm sai lệch dữ liệu hình ảnh từ camera lắp trên xe trước, trong và sau khi truyền dữ liệu.

\* Hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh cấp lại Giấy phép kinh doanh do bị thu hồi (đối với hộ kinh doanh vận tải) gồm:

- Giấy đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh theo mẫu quy định;
- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
- Tài liệu chứng minh việc khắc phục đối với vi phạm quy định: (1) Cung cấp bản sao không đúng với bản chính hoặc thông tin sai lệch trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh; (2) Sửa chữa hoặc làm sai lệch dữ liệu hình ảnh từ camera lắp trên xe trước, trong và sau khi truyền dữ liệu.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

#### **14.4. Thời hạn giải quyết:**

- 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định.

**14.5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức, cá nhân.

#### **14.6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Sở Giao thông vận tải;
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải;
- Cơ quan phối hợp: Không có.

#### **14.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:**

- Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

**14.8. Phí, lệ phí:** Không có.

**14.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:**

- Giấy đề nghị cấp (cấp lại) Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô;
- Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

**14.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** Không có.

**14.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17/01/2020 của Chính phủ quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô;

- Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.

MẪU GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP (CẤP LẠI) GIẤY PHÉP KINH DOANH VẬN  
TẢI BẰNG XE Ô TÔ

TÊN ĐƠN VỊ  
KDVT: .....

-----

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----

Số: ...../.....

....., ngày.....tháng.....năm.....

**GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP (CẤP LẠI)**  
**GIẤY PHÉP KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ**

Kính gửi: Sở GTVT.....

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:.....
2. Tên giao dịch quốc tế (nếu có):.....
3. Địa chỉ trụ sở:.....
4. Số điện thoại (Fax):  
.....
5. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc đăng ký doanh nghiệp số: .....; Mã số thuế: ..... (trường hợp đơn vị kinh doanh vận tải là Hợp tác xã hoặc Hộ kinh doanh đề nghị nộp kèm theo bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh).
6. Người điều hành hoạt động vận tải: (họ tên, số chứng minh thư nhân dân; trình độ, chuyên ngành đào tạo).
7. Người đại diện theo pháp luật:
8. Nơi đỗ xe của đơn vị vận tải: Tổng số vị trí đỗ xe...(ghi rõ địa điểm, diện tích của từng vị trí).
9. Đề nghị cấp phép kinh doanh các loại hình vận tải:  
-  
.....  
-  
.....
10. Nội dung đăng ký chất lượng dịch vụ (áp dụng trong trường hợp đơn vị đề nghị cấp giấy phép kinh doanh vận tải theo loại hình: Tuyển cố định, xe buýt, xe taxi)

Căn cứ vào kết quả tự đánh giá xếp hạng, đơn vị chúng tôi đăng ký hạng chất

lượng dịch vụ vận tải của đơn vị theo Tiêu chuẩn cơ sở về chất lượng dịch vụ vận tải hành khách do Cục Đường bộ Việt Nam ban hành (hoặc theo Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ của đơn vị xây dựng và công bố) như sau:

- Đơn vị đạt hạng: .... (trường hợp Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ do đơn vị xây dựng phải ghi rõ tương đương hạng nào của Tiêu chuẩn cơ sở về chất lượng dịch vụ vận tải hành khách do Cục Đường bộ Việt Nam ban hành).

11. Màu sơn đặc trưng của xe buýt:.....(áp dụng trong trường hợp đơn vị đề nghị cấp giấy phép kinh doanh vận tải theo loại hình vận tải hành khách bằng xe buýt).

Đơn vị kinh doanh vận tải cam kết những nội dung đăng ký đúng với thực tế của đơn vị.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu.

**ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ KDVT**

*(Ký tên, đóng dấu)*

## MẪU GIẤY PHÉP KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ

|   |  |
|---|--|
| <b>CƠ QUAN CẤP PHÉP (1)</b>   | <b>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT<br/>NAM</b><br><b>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</b><br>----- |
| <b>GIẤY PHÉP</b><br><b>KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ</b><br>Số:..... Cấp lần thứ:.....<br>(Cấp lần đầu: Số.....ngày.....tháng....năm.....nơi cấp.....)<br>• Cấp cho đơn<br>Vị:.....<br>• Địa chỉ:<br>.....<br>• Số điện thoại:<br>.....<br>• Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc đăng ký doanh nghiệp) số<br>..... ngày.....tháng.....năm.....cơ quan cấp<br>.....<br>• Người đại diện theo pháp luật:<br>.....<br>• Được phép kinh doanh các loại hình vận tải bằng xe ô tô:<br>-<br>.....<br>.....<br>.....<br>..... |  |
|   | ....., ngày...tháng...năm...<br><b>Cơ quan cấp phép</b><br><b>(Ký tên, đóng dấu)</b>         |

**Hướng dẫn:** Kính thước, kiểu chữ, cỡ chữ và màu sắc:

- Giấy phép kinh doanh vận tải được in trên khổ giấy A4, nền màu hồng có vân hoa.

- Kiểu chữ, cỡ chữ và màu chữ:

+ Dòng “GIẤY PHÉP” và dòng “KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ” in phông chữ Times New Roman, chữ in hoa, cỡ chữ từ 14 -18, màu đỏ đậm;

+ Các dòng chữ khác in phông chữ Times New Roman, cỡ chữ 14-16, màu xanh đen.

- Các loại hình ghi trên Giấy phép: kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định; kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt; kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi; kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng; kinh doanh vận chuyển khách du lịch; kinh doanh vận tải hàng hoá bằng công-ten-nơ; kinh doanh vận tải hàng hoá bằng xe ô tô.

## **15. Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô đối với trường hợp Giấy phép kinh doanh bị mất, bị hỏng**

### **15.1. Trình tự thực hiện:**

#### **a) Nộp hồ sơ TTHC:**

- Đơn vị kinh doanh vận tải nộp hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh đến Sở Giao thông vận tải nơi đơn vị kinh doanh vận tải đặt trụ sở chính hoặc trụ sở chi nhánh qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

#### **b) Giải quyết TTHC:**

- Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, Sở Giao thông vận tải thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến những nội dung cần bổ sung hoặc sửa đổi đến đơn vị kinh doanh vận tải trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ;

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định, Sở Giao thông vận tải thực hiện cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô. Trường hợp không cấp Giấy phép kinh doanh thì Sở Giao thông vận tải phải trả lời bằng văn bản hoặc thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến và nêu rõ lý do.

- Sở Giao thông vận tải kiểm tra thông tin về Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trên hệ thống Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia trước khi cấp Giấy phép kinh doanh.

- Việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả được thực hiện tại Sở Giao thông vận tải hoặc qua đường bưu điện hoặc các hình thức phù hợp khác theo quy định. Trường hợp tiếp nhận hồ sơ trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải hoặc qua đường bưu điện, cán bộ tiếp nhận hồ sơ cập nhật thông tin của các hồ sơ đúng theo quy định vào hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải.

Sở Giao thông vận tải thực hiện xử lý hồ sơ và cấp Giấy phép kinh doanh trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải.

**15.2. Cách thức thực hiện:** Gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc các hình thức phù hợp khác đến Sở Giao thông vận tải qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

### **15.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

#### **a) Thành phần hồ sơ**

- Giấy đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh theo mẫu quy định.

#### **b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.**

### **15.4. Thời hạn giải quyết:**

- 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định.

**15.5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức, cá nhân.

**15.6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Sở Giao thông vận tải;
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải;
- Cơ quan phối hợp: Không có.

**15.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:**

- Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

**15.8. Phí, lệ phí:** Không có.**15.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:**

- Giấy đề nghị cấp (cấp lại) Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô;
- Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

**15.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** Không có.**15.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17/01/2020 của Chính phủ quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô;

- Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.



MẪU GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP (CẤP LẠI) GIẤY PHÉP KINH DOANH VẬN  
TẢI BẰNG XE Ô TÔ

TÊN ĐƠN VỊ  
KDVT: .....

-----

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----

Số: ...../.....

....., ngày.....tháng.....năm.....

**GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP (CẤP LẠI)**  
**GIẤY PHÉP KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ**

Kính gửi: Sở GTVT.....

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:.....
2. Tên giao dịch quốc tế (nếu có):.....
3. Địa chỉ trụ sở:.....
4. Số điện thoại (Fax):  
.....
5. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc đăng ký doanh nghiệp số: .....; Mã số thuế: ..... (trường hợp đơn vị kinh doanh vận tải là Hợp tác xã hoặc Hộ kinh doanh đề nghị nộp kèm theo bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh).
6. Người điều hành hoạt động vận tải: (họ tên, số chứng minh thư nhân dân; trình độ, chuyên ngành đào tạo).
7. Người đại diện theo pháp luật:
8. Nơi đỗ xe của đơn vị vận tải: Tổng số vị trí đỗ xe...(ghi rõ địa điểm, diện tích của từng vị trí).
9. Đề nghị cấp phép kinh doanh các loại hình vận tải:  
-  
.....  
-  
.....
10. Nội dung đăng ký chất lượng dịch vụ (áp dụng trong trường hợp đơn vị đề nghị cấp giấy phép kinh doanh vận tải theo loại hình: Tuyến cố định, xe buýt, xe taxi)

Căn cứ vào kết quả tự đánh giá xếp hạng, đơn vị chúng tôi đăng ký hạng chất

lượng dịch vụ vận tải của đơn vị theo Tiêu chuẩn cơ sở về chất lượng dịch vụ vận tải hành khách do Cục Đường bộ Việt Nam ban hành (hoặc theo Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ của đơn vị xây dựng và công bố) như sau:

- Đơn vị đạt hạng: .... (trường hợp Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ do đơn vị xây dựng phải ghi rõ tương đương hạng nào của Tiêu chuẩn cơ sở về chất lượng dịch vụ vận tải hành khách do Cục Đường bộ Việt Nam ban hành).

11. Màu sơn đặc trưng của xe buýt:.....(áp dụng trong trường hợp đơn vị đề nghị cấp giấy phép kinh doanh vận tải theo loại hình vận tải hành khách bằng xe buýt).

Đơn vị kinh doanh vận tải cam kết những nội dung đăng ký đúng với thực tế của đơn vị.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu.

**ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ KDVT**

*(Ký tên, đóng dấu)*

## MẪU GIẤY PHÉP KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ

|  |  |
|--|--|
| <b>CƠ QUAN CẤP PHÉP (1)</b>  | <b>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT<br/>NAM</b><br><b>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</b><br>-----   |
| <p style="text-align: center;"><b>GIẤY PHÉP</b></p> <p style="text-align: center;"><b>KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ</b></p> <p style="text-align: center;">Số:..... Cấp lần thứ:.....</p> <p style="text-align: center;">(Cấp lần đầu: Số.....ngày.....tháng....năm.....nơi cấp.....)</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Cấp cho đơn</li> <li>Vị:.....</li> <li>• Địa chỉ:</li> <li>.....</li> <li>• Số điện thoại:</li> <li>.....</li> <li>• Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc đăng ký doanh nghiệp) số</li> <li>..... ngày.....tháng.....năm.....cơ quan cấp</li> <li>.....</li> <li>• Người đại diện theo pháp luật:</li> <li>.....</li> <li>• Được phép kinh doanh các loại hình vận tải bằng xe ô tô:</li> <li>-</li> <li>.....</li> <li>-</li> <li>.....</li> <li>-</li> <li>.....</li> </ul> |  |
|  | <p style="text-align: center;">....., ngày.....tháng...năm...</p> <p style="text-align: center;"><b>Cơ quan cấp phép</b><br/><b>(Ký tên, đóng dấu)</b></p> |

**Hướng dẫn:** Kính thước, kiểu chữ, cỡ chữ và màu sắc:

- Giấy phép kinh doanh vận tải được in trên khổ giấy A4, nền màu hồng có vân hoa.

- Kiểu chữ, cỡ chữ và màu chữ:

+ Dòng “GIẤY PHÉP” và dòng “KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ” in phông chữ Times New Roman, chữ in hoa, cỡ chữ từ 14 -18, màu đỏ đậm;

+ Các dòng chữ khác in phông chữ Times New Roman, cỡ chữ 14-16, màu xanh

đen.

- Các loại hình ghi trên Giấy phép: kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định; kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt; kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi; kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng; kinh doanh vận chuyển khách du lịch; kinh doanh vận tải hàng hoá bằng công-ten-nơ; kinh doanh vận tải hàng hoá bằng xe ô tô.

**16. Cấp phù hiệu xe ô tô kinh doanh vận tải (kinh doanh vận tải hành khách: bằng xe ô tô theo tuyến cố định, xe trung chuyển, bằng xe buýt theo tuyến cố định, bằng xe taxi, xe hợp đồng; kinh doanh vận tải hàng hóa: bằng xe công-ten-nơ, xe ô tô đầu kéo kéo rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc, xe ô tô tải kinh doanh vận tải hàng hóa thông thường và xe taxi tải)**

**16.1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Đơn vị kinh doanh vận tải gửi hồ sơ đề nghị cấp phù hiệu đến Sở Giao thông vận tải nơi đã cấp Giấy phép kinh doanh cho đơn vị qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh;

- Trường hợp đơn vị kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định có nhu cầu sử dụng xe trung chuyển nộp hồ sơ đề nghị cấp phù hiệu "XE TRUNG CHUYỂN" đến Sở Giao thông vận tải nơi cấp Giấy phép kinh doanh cho đơn vị hoặc Sở Giao thông vận tải đầu tuyến bên kia.

b) Giải quyết TTHC:

- Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, cơ quan cấp phù hiệu thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến những nội dung cần bổ sung hoặc sửa đổi đến đơn vị kinh doanh vận tải trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ.

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ đúng quy định, Sở Giao thông vận tải cấp phù hiệu cho các xe theo đề nghị của đơn vị kinh doanh vận tải. Trường hợp từ chối không cấp, Sở Giao thông vận tải trả lời bằng văn bản hoặc trả lời thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến và nêu rõ lý do.

Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm cập nhật thông tin trên hệ thống dữ liệu giám sát hành trình của Cục Đường bộ Việt Nam, thực hiện kiểm tra và chỉ cấp phù hiệu khi thiết bị giám sát hành trình của xe đáp ứng đầy đủ các quy định về lắp đặt, truyền dẫn dữ liệu.

Việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả được thực hiện trực tiếp tại cơ quan cấp hoặc qua đường bưu điện hoặc hình thức phù hợp khác theo quy định. Trường hợp tiếp nhận hồ sơ trực tiếp tại cơ quan cấp hoặc qua đường bưu điện, cán bộ tiếp nhận hồ sơ cập nhật thông tin của các hồ sơ đúng theo quy định vào hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải.

Sở Giao thông vận tải thực hiện việc xử lý hồ sơ và cấp phù hiệu trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải;

- Sở Giao thông vận tải kiểm tra thông tin về Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với các xe ô tô để đảm bảo phương tiện đủ điều kiện kinh doanh vận tải trên hệ thống Đăng kiểm Việt Nam;

- Sở Giao thông vận tải kiểm tra thông tin về tình trạng của phương tiện trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải và hệ thống dữ liệu giám sát hành trình của Cục Đường bộ Việt Nam để thực hiện theo các trường hợp sau:

- + Trường hợp phương tiện chưa có trên hệ thống thì thực hiện cấp phù hiệu;
- + Trường hợp phương tiện chưa có trên hệ thống, Sở Giao thông vận tải nơi tiếp nhận hồ sơ thực hiện gửi thông tin qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến đến Sở Giao thông vận tải đang quản lý phương tiện để đề nghị xác nhận và gỡ bỏ phương tiện khỏi hệ thống. Trong thời gian 02 ngày làm việc, Sở Giao thông vận tải nhận được đề nghị phải trả lời, trường hợp không đồng ý gỡ thông tin của phương tiện phải nêu rõ lý do. Sở Giao thông vận tải nơi tiếp nhận hồ sơ thực hiện cấp phù hiệu, biển hiệu sau khi phương tiện được gỡ bỏ khỏi hệ thống.

**16.2. Cách thức thực hiện:** Gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc các hình thức phù hợp khác đến Sở Giao thông vận tải qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

**16.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ

- Giấy đề nghị cấp phù hiệu theo mẫu quy định;
- Bản sao giấy đăng ký xe ô tô hoặc bản sao giấy hẹn nhận giấy đăng ký xe ô tô của cơ quan cấp đăng ký. Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải thì xuất trình thêm bản sao một trong các giấy tờ sau: Hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên và hợp tác xã hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**16.4. Thời hạn giải quyết:**

- 02 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ đúng quy định.

**16.5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức, cá nhân.

**16.6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Sở Giao thông vận tải;
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải;
- Cơ quan phối hợp: Không có.

**16.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:**

- Phù hiệu.

**16.8. Phí, lệ phí:** Không có.

**16.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:**

- Giấy đề nghị cấp (cấp lại) phù hiệu, biển hiệu
- Phù hiệu.

**16.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** Không có.

**16.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17/01/2020 của Chính phủ quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô;

- Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe;

- Thông tư số 12/2020/TT-BGTVT ngày 29/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ;

- Thông tư số 20/2021/TT-BGTVT ngày 04/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2020/TT-BGTVT ngày 29/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

MẪU GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP (CẤP LẠI) PHÙ HIỆU, BIỂN HIỆU  
**TÊN ĐƠN VỊ** **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT**  
**KDVT:.....** **NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...../....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP (CẤP LẠI) PHÙ HIỆU, BIỂN HIỆU**

Kính gửi:.....(Sở Giao thông vận tải).....

1. Tên đơn vị KDVT:

.....

2. Địa

chỉ:.....

3. Số điện thoại (Fax):

.....

Số lượng phù hiệu, biển hiệu nộp lại:

.....

Đề nghị được cấp:

(1).....

Danh sách xe đề nghị cấp phù hiệu như sau:

| TT  | Biển kiểm soát | Sức chứa | Nhãn hiệu xe | Nước sản xuất | Năm sản xuất | Loại phù hiệu (Tuyến CD, HĐ, DL, taxi, xe tải...) | (* ) Xe taxi (sử dụng đồng hồ hoặc sử dụng phần mềm) |
|-----|----------------|----------|--------------|---------------|--------------|---|--|
| 1   |                |          |              |               |              |   |  |
| 2   |                |          |              |               |              |   |  |
| ... |                |          |              |               |              |   |  |

**ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ KDVT**

(Ký tên, đóng dấu)

**Hướng dẫn cách ghi:**

(1) Ghi số lượng phù hiệu, biển hiệu đơn vị xin cấp.

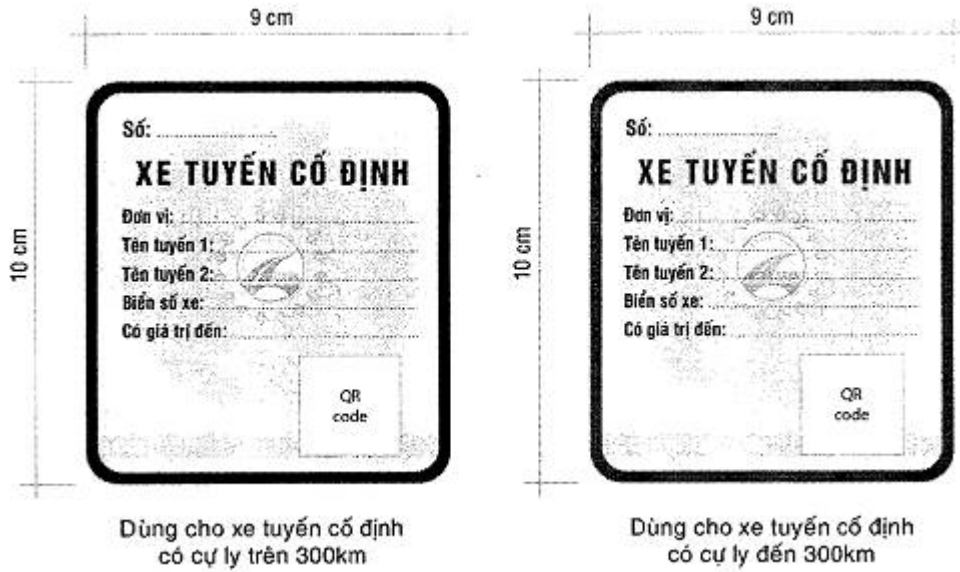
(\* ) áp dụng trong trường hợp đơn vị đề nghị cấp phù hiệu xe taxi.

**Ghi chú:** Trường hợp đơn vị kinh doanh vận tải nộp hồ sơ qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải thực hiện kê khai các thông tin trên theo hướng dẫn trên hệ thống dịch



## PHÙ HIỆU “XE TUYẾN CỐ ĐỊNH”

### Hình ảnh kích thước, màu sắc của phù hiệu “XE TUYẾN CỐ ĐỊNH”



1. Đường viền xung quanh phù hiệu và chữ “XE TUYẾN CỐ ĐỊNH” có phản quang.
2. Màu sắc của phù hiệu theo bảng mã màu chuẩn CMYK.
  - a) Dùng cho xe tuyến cố định có cự ly trên 300 km:
    - + Mã màu của chữ “XE TUYẾN CỐ ĐỊNH”: C: 0 M: 100 Y: 100 K: 0.
    - + Mã màu đường viền xung quanh: C: 0 M: 100 Y: 100 K: 0.
    - + Mã màu nền: C: 45 M: 0 Y: 65 K: 0.
  - b) Dùng cho xe tuyến cố định có cự ly đến 300 km:
    - + Mã màu của chữ “XE TUYẾN CỐ ĐỊNH”: C: 85 M: 10 Y: 100 K: 0.
    - + Mã màu đường viền xung quanh: C: 85 M: 10 Y: 100 K: 0.
    - + Mã màu nền: C: 45 M: 0 Y: 65 K: 0.
3. Phong chữ “XE TUYẾN CỐ ĐỊNH”: UTM HelvetIns. Phong chữ các nội dung còn lại: Arial.

## PHÙ HIỆU “XE TRUNG CHUYỂN”

Hình ảnh kích thước, màu sắc của phù hiệu “XE TRUNG CHUYỂN”



1. Đường viền xung quanh phù hiệu và chữ “XE TRUNG CHUYỂN” có phản quang.
2. Màu sắc của phù hiệu theo bảng mã màu chuẩn CMYK.
  - + Mã màu của chữ “XE TRUNG CHUYỂN”: C: 85 M: 50 Y: 0 K: 0.
  - + Mã màu đường viền xung quanh: C: 85 M: 50 Y: 0 K: 0.
  - + Mã màu nền: C: 45 M: 0 Y: 65 K: 0.
3. Phong chữ “XE TRUNG CHUYỂN”: UTM Helvetlns. Phong chữ các nội dung còn lại: Arial.

## PHÙ HIỆU “XE BUÝT”

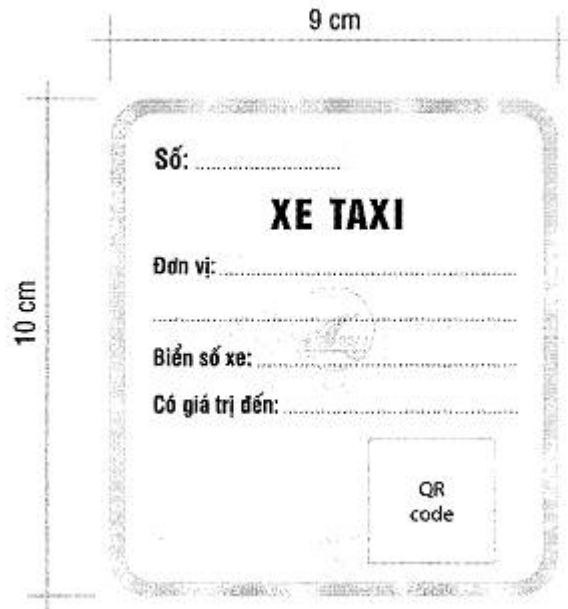
Hình ảnh kích thước, màu sắc của phù hiệu “XE BUÝT”



1. Đường viền xung quanh phù hiệu và chữ “XE BUÝT” có phản quang.
2. Màu sắc của phù hiệu theo bảng mã màu chuẩn CMYK.
  - + Mã màu của chữ “XE BUÝT”: C: 85 M: 10 Y: 100 K: 0.
  - + Mã màu đường viền xung quanh: C: 85 M: 10 Y: 100 K: 0.
  - + Mã màu nền: C: 45 M: 0 Y: 65 K: 0.
3. Phong chữ “XE BUÝT”: UTM Helvetlns. Phong chữ các nội dung còn lại: Arial.

## PHÙ HIỆU “XE TAXI”

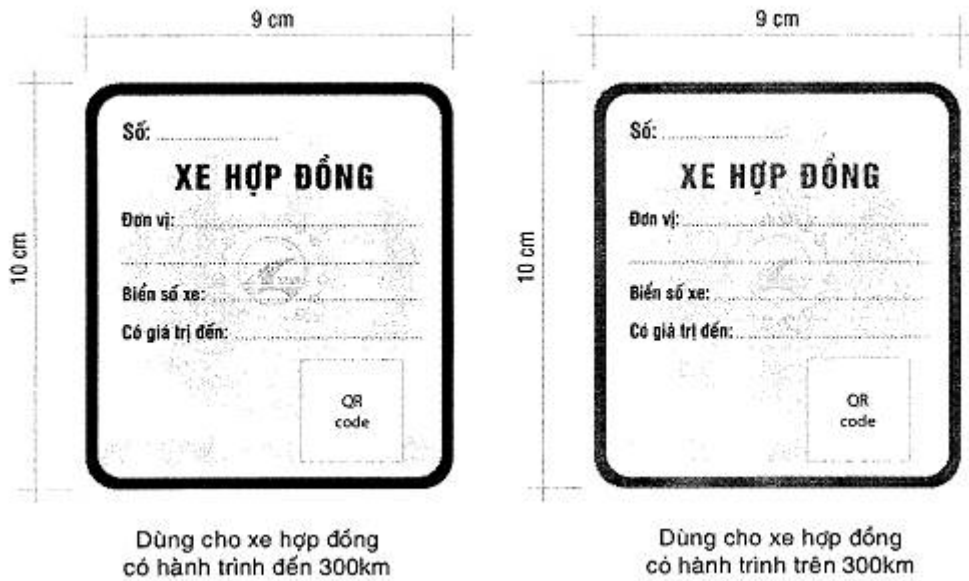
Hình ảnh kích thước, màu sắc của phù hiệu “XE TAXI”



1. Đường viền xung quanh phù hiệu và chữ “XE TAXI” có phản quang.
2. Màu sắc của phù hiệu theo bảng mã màu chuẩn CMYK.
  - + Mã màu của chữ “XE TAXI”: C: 0 M: 100 Y: 100 K: 0.
  - + Mã màu đường viền xung quanh: C: 0 M: 0 Y: 80 K: 0.
  - + Mã màu nền: C: 0 M: 0 Y: 80 K: 0.
3. Phong chữ “XE TAXI”: UTM Helvetlns. Phong chữ các nội dung còn lại: Arial.

## PHÙ HIỆU “XE HỢP ĐỒNG”

Hình ảnh kích thước, màu sắc của phù hiệu “XE HỢP ĐỒNG”



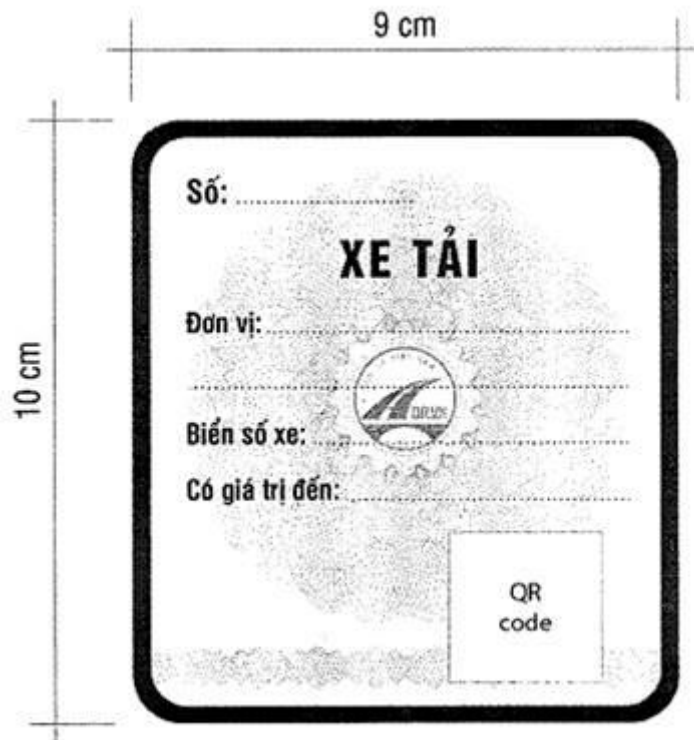
1. Đường viền xung quanh phù hiệu và chữ “XE HỢP ĐỒNG” có phản quang.
2. Màu sắc của phù hiệu theo bảng mã màu chuẩn CMYK.
  - a) Dùng cho xe hợp đồng có cự ly đến 300 km:
    - + Mã màu của chữ “XE HỢP ĐỒNG”: C: 100 M: 0 Y: 100 K: 50.
    - + Mã màu đường viền xung quanh: C: 100 M: 0 Y: 100 K: 50.
    - + Mã màu nền: C: 40 M: 0 Y: 60 K: 0.
  - b) Dùng cho xe tuyến cố định có cự ly trên 300 km:
    - + Mã màu của chữ “XE HỢP ĐỒNG”: C: 0 M: 75 Y: 100 K: 0.
    - + Mã màu đường viền xung quanh: C: 0 M: 75 Y: 100 K: 0.
    - + Mã màu nền: C: 0 M: 25 Y: 45 K: 0.
3. Phong chữ “XE HỢP ĐỒNG”: UTM HelvetIns. Phong chữ các nội dung còn lại: Arial.

### Hình ảnh kích thước, màu sắc của phù hiệu “XE CÔNG-TEN-NƠ”



- Đường viền xung quanh phù hiệu và chữ “XE CÔNG-TEN-NƠ” có phản quang.
- Màu sắc của phù hiệu theo bảng mã màu chuẩn CMYK.
  - + Mã màu của chữ “XE CÔNG-TEN-NƠ”: C: 0 M: 100 Y: 100 K: 0.
  - + Mã màu đường viền xung quanh: C: 0 M: 100 Y: 100 K: 0.
  - + Mã màu nền: C: 55 M: 0 Y: 0 K: 0.
- Phông chữ “XE CÔNG-TEN-NƠ”: UTM HelvetIns. Phông chữ các nội dung còn lại: Arial.

### Hình ảnh kích thước, màu sắc của phù hiệu “XE TẢI”



1. Đường viền xung quanh phù hiệu và chữ “XE TẢI” có phản quang.
2. Màu sắc của phù hiệu theo bảng mã màu chuẩn CMYK.
  - + Mã màu của chữ “XE TẢI”: C: 85 M: 10 Y: 100 K: 0.
  - + Mã màu đường viền xung quanh: C: 85 M: 10 Y: 100 K: 0.
  - + Mã màu nền: C: 55 M: 0 Y: 0 K: 0.
3. Phong chữ “XE TẢI”: UTM HelvetIns. Phong chữ các nội dung còn lại: Arial.

### Hình ảnh kích thước, màu sắc của phù hiệu “XE ĐẦU KÉO”



1. Đường viền xung quanh phù hiệu và chữ “XE ĐẦU KÉO” có phản quang.
2. Màu sắc của phù hiệu theo bảng mã màu chuẩn CMYK.
  - + Mã màu của chữ “XE ĐẦU KÉO”: C: 85 M: 50 Y: 0 K: 0.
  - + Mã màu đường viền xung quanh: C: 85 M: 50 Y: 0 K: 0.
  - + Mã màu nền: C: 55 M: 0 Y: 0 K: 0.
3. Phong chữ “XE ĐẦU KÉO”: UTM Helvetlns. Phong chữ các nội dung còn lại: Arial.



**17. Cấp lại phù hiệu xe ô tô kinh doanh vận tải (kinh doanh vận tải hành khách: bằng xe ô tô theo tuyến cố định, xe trung chuyển, bằng xe buýt theo tuyến cố định, bằng xe taxi, xe hợp đồng; kinh doanh vận tải hàng hóa: bằng xe công-ten-nơ, xe ô tô đầu kéo kéo rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc, xe ô tô tải kinh doanh vận tải hàng hóa thông thường và xe taxi tải)**

**17.1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Đơn vị kinh doanh vận tải gửi hồ sơ đề nghị cấp phù hiệu đến Sở Giao thông vận tải nơi đã cấp Giấy phép kinh doanh cho đơn vị qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh;

- Trường hợp đơn vị kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định có nhu cầu sử dụng xe trung chuyển nộp hồ sơ đề nghị cấp phù hiệu "XE TRUNG CHUYỀN" đến Sở Giao thông vận tải nơi cấp Giấy phép kinh doanh cho đơn vị hoặc Sở Giao thông vận tải đầu tuyến bên kia.

b) Giải quyết TTHC:

- Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, cơ quan cấp phù hiệu thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến những nội dung cần bổ sung hoặc sửa đổi đến đơn vị kinh doanh vận tải trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ.

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ đúng quy định, Sở Giao thông vận tải cấp phù hiệu cho các xe theo đề nghị của đơn vị kinh doanh vận tải. Trường hợp từ chối không cấp, Sở Giao thông vận tải trả lời bằng văn bản hoặc trả lời thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến và nêu rõ lý do.

Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm cập nhật thông tin trên hệ thống dữ liệu giám sát hành trình của Cục Đường bộ Việt Nam, thực hiện kiểm tra và chỉ cấp phù hiệu khi thiết bị giám sát hành trình của xe đáp ứng đầy đủ các quy định về lắp đặt, truyền dẫn dữ liệu.

Việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả được thực hiện trực tiếp tại cơ quan cấp hoặc qua đường bưu điện hoặc hình thức phù hợp khác theo quy định. Trường hợp tiếp nhận hồ sơ trực tiếp tại cơ quan cấp hoặc qua đường bưu điện, cán bộ tiếp nhận hồ sơ cập nhật thông tin của các hồ sơ đúng theo quy định vào hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải.

Sở Giao thông vận tải thực hiện việc xử lý hồ sơ và cấp phù hiệu trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải;

- Sở Giao thông vận tải kiểm tra thông tin về Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với các xe ô tô để đảm bảo phương tiện đủ điều kiện kinh doanh vận tải trên hệ thống Đăng kiểm Việt Nam;

- Sở Giao thông vận tải kiểm tra thông tin về tình trạng của phương tiện trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải và hệ thống dữ liệu giám sát hành trình của Cục Đường bộ Việt Nam để thực hiện theo các trường hợp sau:

- + Trường hợp phương tiện chưa có trên hệ thống thì thực hiện cấp phù hiệu;
- + Trường hợp phương tiện đã có trên hệ thống, Sở Giao thông vận tải nơi tiếp nhận hồ sơ thực hiện gửi thông tin qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến đến Sở Giao thông vận tải đang quản lý phương tiện để đề nghị xác nhận và gỡ bỏ phương tiện khỏi hệ thống. Trong thời gian 02 ngày làm việc, Sở Giao thông vận tải nhận được đề nghị phải trả lời, trường hợp không đồng ý gỡ thông tin của phương tiện phải nêu rõ lý do. Sở Giao thông vận tải nơi tiếp nhận hồ sơ thực hiện cấp phù hiệu, biển hiệu sau khi phương tiện được gỡ bỏ khỏi hệ thống.

**17.2. Cách thức thực hiện:** Gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc các hình thức phù hợp khác đến Sở Giao thông vận tải qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

**17.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ

- Giấy đề nghị cấp phù hiệu theo mẫu quy định;
- Bản sao giấy đăng ký xe ô tô hoặc bản sao giấy hẹn nhận giấy đăng ký xe ô tô của cơ quan cấp đăng ký. Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải thì xuất trình thêm bản sao một trong các giấy tờ sau: Hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên và hợp tác xã hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**17.4. Thời hạn giải quyết:**

- 02 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ đúng quy định.

**17.5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức, cá nhân.

**17.6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Sở Giao thông vận tải;
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải;
- Cơ quan phối hợp: Không có.

**17.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:**

- Phù hiệu.

**17.8. Phí, lệ phí:** Không có.

**17.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:**

- Giấy đề nghị cấp (cấp lại) phù hiệu, biển hiệu.

**17.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** Không có.

**17.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17/01/2020 của Chính phủ quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô;
- Nghị định số 47/2022/NĐ-CP ngày 19/07/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17/01/2020 của Chính phủ quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô;
- Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe;
- Thông tư số 12/2020/TT-BGTVT ngày 29/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ;
- Thông tư số 20/2021/TT-BGTVT ngày 04/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2020/TT-BGTVT ngày 29 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

MẪU GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP (CẤP LẠI) PHÙ HIỆU, BIỂN HIỆU  
**TÊN ĐƠN VỊ** **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT**  
**KDVT:.....** **NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...../....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP (CẤP LẠI) PHÙ HIỆU, BIỂN HIỆU**

Kính gửi:.....(Sở Giao thông vận tải).....

1. Tên đơn vị KDVT:

.....

2. Địa

chỉ:.....

3. Số điện thoại (Fax):

.....

Số lượng phù hiệu, biển hiệu nộp lại:

.....

Đề nghị được cấp:

(1).....

Danh sách xe đề nghị cấp phù hiệu như sau:

| TT  | Biển kiểm soát | Sức chứa | Nhãn hiệu xe | Nước sản xuất | Năm sản xuất | Loại phù hiệu (Tuyến CD, HĐ, DL, taxi, xe tải...) | (* ) Xe taxi (sử dụng đồng hồ hoặc sử dụng phần mềm) |
|-----|----------------|----------|--------------|---------------|--------------|---|--|
| 1   |                |          |              |               |              |   |  |
| 2   |                |          |              |               |              |   |  |
| ... |                |          |              |               |              |   |  |

**ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ KDVT**  
(Ký tên, đóng dấu)

**Hướng dẫn cách ghi:**

(1) Ghi số lượng phù hiệu, biển hiệu đơn vị xin cấp.

(\* ) áp dụng trong trường hợp đơn vị đề nghị cấp phù hiệu xe taxi.

**Ghi chú:** Trường hợp đơn vị kinh doanh vận tải nộp hồ sơ qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải thực hiện kê khai các thông tin trên theo hướng dẫn trên hệ thống dịch

## PHÙ HIỆU “XE TUYẾN CỐ ĐỊNH”

### Hình ảnh kích thước, màu sắc của phù hiệu “XE TUYẾN CỐ ĐỊNH”



1. Đường viền xung quanh phù hiệu và chữ “XE TUYẾN CỐ ĐỊNH” có phản quang.

2. Màu sắc của phù hiệu theo bảng mã màu chuẩn CMYK.

a) Dùng cho xe tuyến cố định có cự ly trên 300 km:

+ Mã màu của chữ “XE TUYẾN CỐ ĐỊNH”: C: 0 M: 100 Y: 100 K: 0.

+ Mã màu đường viền xung quanh: C: 0 M: 100 Y: 100 K: 0.

+ Mã màu nền: C: 45 M: 0 Y: 65 K: 0.

b) Dùng cho xe tuyến cố định có cự ly đến 300 km:

+ Mã màu của chữ “XE TUYẾN CỐ ĐỊNH”: C: 85 M: 10 Y: 100 K: 0.

+ Mã màu đường viền xung quanh: C: 85 M: 10 Y: 100 K: 0.

+ Mã màu nền: C: 45 M: 0 Y: 65 K: 0.

3. Phong chữ “XE TUYẾN CỐ ĐỊNH”: UTM HelvetIns. Phong chữ các nội dung còn lại: Arial.

## PHÙ HIỆU “XE TRUNG CHUYỂN”

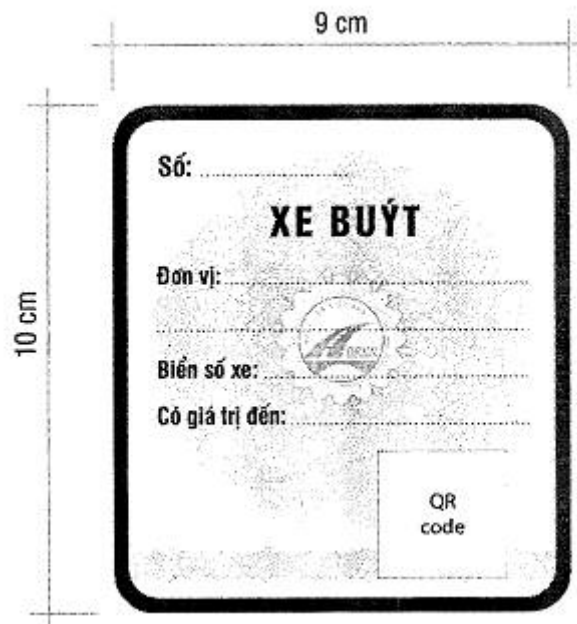
Hình ảnh kích thước, màu sắc của phù hiệu “XE TRUNG CHUYỂN”



1. Đường viền xung quanh phù hiệu và chữ “XE TRUNG CHUYỂN” có phản quang.
2. Màu sắc của phù hiệu theo bảng mã màu chuẩn CMYK.
  - + Mã màu của chữ “XE TRUNG CHUYỂN”: C: 85 M: 50 Y: 0 K: 0.
  - + Mã màu đường viền xung quanh: C: 85 M: 50 Y: 0 K: 0.
  - + Mã màu nền: C: 45 M: 0 Y: 65 K: 0.
3. Phong chữ “XE TRUNG CHUYỂN”: UTM Helvetlns. Phong chữ các nội dung còn lại: Arial.

## PHÙ HIỆU “XE BUÝT”

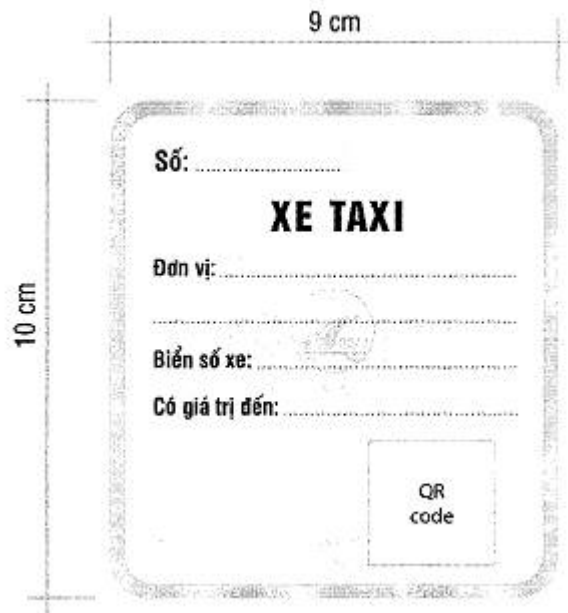
Hình ảnh kích thước, màu sắc của phù hiệu “XE BUÝT”



1. Đường viền xung quanh phù hiệu và chữ “XE BUÝT” có phản quang.
2. Màu sắc của phù hiệu theo bảng mã màu chuẩn CMYK.
  - + Mã màu của chữ “XE BUÝT”: C: 85 M: 10 Y: 100 K: 0.
  - + Mã màu đường viền xung quanh: C: 85 M: 10 Y: 100 K: 0.
  - + Mã màu nền: C: 45 M: 0 Y: 65 K: 0.
3. Phong chữ “XE BUÝT”: UTM Helvetlns. Phong chữ các nội dung còn lại: Arial.

## PHÙ HIỆU “XE TAXI”

Hình ảnh kích thước, màu sắc của phù hiệu “XE TAXI”

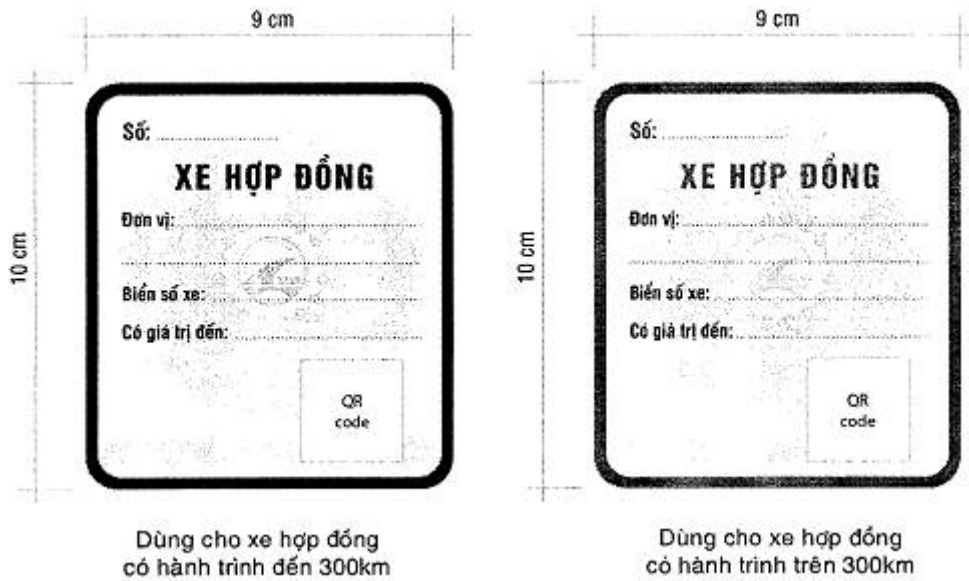


1. Đường viền xung quanh phù hiệu và chữ “XE TAXI” có phản quang.
2. Màu sắc của phù hiệu theo bảng mã màu chuẩn CMYK.
  - + Mã màu của chữ “XE TAXI”: C: 0 M: 100 Y: 100 K: 0.
  - + Mã màu đường viền xung quanh: C: 0 M: 0 Y: 80 K: 0.
  - + Mã màu nền: C: 0 M: 0 Y: 80 K: 0.
3. Phong chữ “XE TAXI”: UTM HelvetIns. Phong chữ các nội dung còn lại: Arial.



## PHÙ HIỆU “XE HỢP ĐỒNG”

Hình ảnh kích thước, màu sắc của phù hiệu “XE HỢP ĐỒNG”



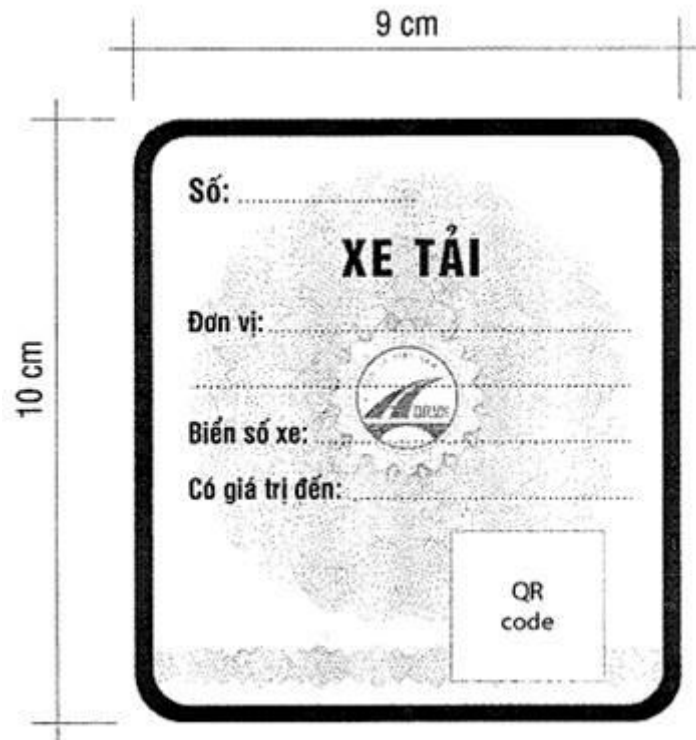
1. Đường viền xung quanh phù hiệu và chữ “XE HỢP ĐỒNG” có phản quang.
2. Màu sắc của phù hiệu theo bảng mã màu chuẩn CMYK.
  - a) Dùng cho xe hợp đồng có cự ly đến 300 km:
    - + Mã màu của chữ “XE HỢP ĐỒNG”: C: 100 M: 0 Y: 100 K: 50.
    - + Mã màu đường viền xung quanh: C: 100 M: 0 Y: 100 K: 50.
    - + Mã màu nền: C: 40 M: 0 Y: 60 K: 0.
  - b) Dùng cho xe tuyến cố định có cự ly trên 300 km:
    - + Mã màu của chữ “XE HỢP ĐỒNG”: C: 0 M: 75 Y: 100 K: 0.
    - + Mã màu đường viền xung quanh: C: 0 M: 75 Y: 100 K: 0.
    - + Mã màu nền: C: 0 M: 25 Y: 45 K: 0.
3. Phong chữ “XE HỢP ĐỒNG”: UTM HelvetIns. Phong chữ các nội dung còn lại: Arial.

### Hình ảnh kích thước, màu sắc của phù hiệu “XE CÔNG-TEN-NƠ”



1. Đường viền xung quanh phù hiệu và chữ “XE CÔNG-TEN-NƠ” có phản quang.
2. Màu sắc của phù hiệu theo bảng mã màu chuẩn CMYK.
  - + Mã màu của chữ “XE CÔNG-TEN-NƠ”: C: 0 M: 100 Y: 100 K: 0.
  - + Mã màu đường viền xung quanh: C: 0 M: 100 Y: 100 K: 0.
  - + Mã màu nền: C: 55 M: 0 Y: 0 K: 0.
3. Phong chữ “XE CÔNG-TEN-NƠ”: UTM HelvetIns. Phong chữ các nội dung còn lại: Arial.

### Hình ảnh kích thước, màu sắc của phù hiệu “XE TẢI”



1. Đường viền xung quanh phù hiệu và chữ “XE TẢI” có phản quang.
2. Màu sắc của phù hiệu theo bảng mã màu chuẩn CMYK.
  - + Mã màu của chữ “XE TẢI”: C: 85 M: 10 Y: 100 K: 0.
  - + Mã màu đường viền xung quanh: C: 85 M: 10 Y: 100 K: 0.
  - + Mã màu nền: C: 55 M: 0 Y: 0 K: 0.
3. Phong chữ “XE TẢI”: UTM HelvetIns. Phong chữ các nội dung còn lại: Arial.

### Hình ảnh kích thước, màu sắc của phù hiệu “XE ĐẦU KÉO”



1. Đường viền xung quanh phù hiệu và chữ “XE ĐẦU KÉO” có phản quang.
2. Màu sắc của phù hiệu theo bảng mã màu chuẩn CMYK.
  - + Mã màu của chữ “XE ĐẦU KÉO”: C: 85 M: 50 Y: 0 K: 0.
  - + Mã màu đường viền xung quanh: C: 85 M: 50 Y: 0 K: 0.
  - + Mã màu nền: C: 55 M: 0 Y: 0 K: 0.
3. Phong chữ “XE ĐẦU KÉO”: UTM Helvetlns. Phong chữ các nội dung còn lại: Arial.

## **18. Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện các Hiệp định khung ASEAN về vận tải đường bộ qua biên giới**

### **18.1. Trình tự thực hiện:**

#### a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện các Hiệp định khung ASEAN về vận tải đường bộ qua biên giới đến Sở Giao thông vận tải nơi phương tiện gặp sự cố bất khả kháng qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

#### b) Giải quyết TTHC:

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, Sở Giao thông vận tải thực hiện gia hạn thời gian lưu hành cho phương tiện của các nước thực hiện các Hiệp định khung ASEAN về vận tải đường bộ qua biên giới. Trường hợp không gia hạn, Sở Giao thông vận tải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do.

**18.2. Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp đến Sở Giao thông vận tải qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

### **18.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

#### a) Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị gia hạn theo mẫu;
- Giấy phép liên vận ASEAN (bản chính).

#### b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

### **18.4. Thời hạn giải quyết:**

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

**18.5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức, cá nhân.

### **18.6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải;
- d) Cơ quan phối hợp: Không có.

### **18.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:**

- Gia hạn thời gian lưu hành cho phương tiện của các nước thực hiện các Hiệp định khung ASEAN về vận tải đường bộ qua biên giới.

**18.8. Phí, lệ phí:** Không có.

**18.9. Tên mẫu đơn, tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:**

- Giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam.

**18.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** Không có

**18.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới;

- Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.

**Mẫu Giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
 Independence - Freedom - Happiness

-----

**GIẤY ĐỀ NGHỊ GIA HẠN THỜI GIAN LƯU HÀNH CỦA PHƯƠNG TIỆN TẠI VIỆT NAM**  
**REQUEST FOR EXTENSION OF VEHICLE OPERATION PERIOD IN VIET NAM**

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải .....  
 To: Department of Transport of..... province

.....

1. Người xin gia hạn (*Applicant Name*):

.....

2. Địa chỉ: (*Address*)

.....

3. Số điện thoại: (*Telephone number*) ..... Số Fax/Địa chỉ email:  
 (*Fax number/Email address*) .....

4. Đề nghị Sở Giao thông vận tải ..... gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện vận tải sau: *Kindly request Provincial Transport Department of ..... to extend the operation period in Viet Nam for the following vehicle(s):*

- Biển số xe (*Registration number*):

.....

- Giấy phép liên vận ASEAN số (ASEAN Vehicle Cross-border Transport Permit number) ....được cấp bởi (issued by) ..... vào ngày (on the date of) ..... (dd/mm/yyyy)

- Ngày hết hạn của giấy phép (Expiry date of transport permit): ..... (dd/mm/yyyy)

5. Lý do xin gia hạn (*Reason for extension*):

.....

.....

.....

(Mô tả lý do không thể về nước theo quy định (describe the reason of inability to timely return to its Home country))

6. Đề nghị gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam trong thời gian ..... ngày, từ ngày ..... đến ngày .....

Request for extension of vehicle operation period in Viet Nam in .....  
day(s), from ..... (dd/mm/yyyy) until ..... (dd/mm/yyyy)

7. Chúng tôi xin cam kết (*We commit*):

a) Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam và các văn bản kèm theo (*To take full responsibility for the truthfulness and accuracy of the request for extension of vehicle operation period in Viet Nam and the attached documents*).

b) Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam cũng như những quy định ghi trong các Hiệp định ASEAN (*To comply strictly with all provisions of Viet Nam's Laws as well as the provisions of ASEAN Agreement*).

....., ngày ... tháng ... năm ....

Place, ..... (dd/mm/yyyy)

**Người xin gia hạn (Applicant name)**

*Ký, ghi rõ họ và tên (Signature & full name)*

*Lái xe, chủ phương tiện hoặc người được ủy quyền*

*(Driver, vehicle owner or authorized person).*



## **19. Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Trung Quốc**

### **19.1. Trình tự thực hiện:**

#### a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp cho Sở Giao thông vận tải nơi phương tiện đang lưu hành qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

#### b) Giải quyết TTHC:

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, Sở Giao thông vận tải thực hiện gia hạn thời gian lưu hành cho phương tiện của Trung Quốc. Trường hợp không gia hạn, Sở Giao thông vận tải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do.

**19.2. Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp đến Sở Giao thông vận tải qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

### **19.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

#### a) Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị gia hạn theo mẫu.

- Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Trung Quốc (bản chính).

#### b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

### **19.4. Thời hạn giải quyết:**

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

**19.5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức, cá nhân.

### **19.6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

### **19.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:**

- Gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam cho phương tiện của Trung Quốc.

**19.8. Phí, lệ phí:** Không có.

### **19.9. Tên mẫu đơn, tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:**

- Giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam.

**19.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** Không có

**19.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới;

- Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.

**Giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam**  
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
**Independence-Freedom-Happiness**

-----

**GIẤY ĐỀ NGHỊ GIA HẠN THỜI GIAN LƯU HÀNH CỦA PHƯƠNG TIỆN TẠI VIỆT NAM**  
**REQUEST FOR EXTENSION OF VEHICLE OPERATION PERIOD IN VIET NAM**

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải .....

To: Department of Transport of..... province

1. Người xin gia hạn (Applicant Name): .....
  2. Địa chỉ (Address): .....
  3. Số điện thoại (Telephone number): ..... số Fax (Fax number) .....
  4. Địa chỉ Email (Email address): .....
  5. Giấy phép vận tải loại (Transport permit class....): ..... ngày (the date of) .....
  6. Ngày hết hạn của Giấy phép vận tải (Expiry date of transport permit): .....  
.....
  7. Lý do xin gia hạn: (mô tả lý do không thể về nước theo quy định) (Reason for extension: describe the reason of inability to timely return to its Home Country)...
  8. Đề nghị gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam trong thời gian ..... ngày, từ ngày..... đến ngày .....
- Request for extension of vehicle operation period in Viet Nam in ...day(s), from ..... until .....
9. Chúng tôi xin cam kết (*We commit*):
    - a) Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam và các văn bản kèm theo (*To take full responsibility for the truthfulness and accuracy of the request for extension of vehicle operation period in Viet Nam and the attached documents*).
    - b) Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam cũng như những quy định ghi trong các điều ước quốc tế về vận tải qua biên giới giữa Việt Nam và Trung Quốc (*To comply strictly with all provisions of Viet Nam's Laws as well as the provisions of international treaties between Viet Nam and China on cross-border transport*).

*..., ngày ... tháng... năm...*

*Place, ..... (dd/mm/yyyy)*

**Người xin gia hạn**

**(Applicant Name)**

*(Ký, ghi rõ họ và tên)*

*(Signature and full name)*

## **20. Cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào**

### **20.1. Trình tự thực hiện:**

#### a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Đơn vị kinh doanh vận tải nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào đến Sở Giao thông vận tải qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

#### b) Giải quyết TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ. Đối với hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu chính, cán bộ tiếp nhận hồ sơ cập nhật thông tin hồ sơ vào hệ thống dịch vụ công trực tuyến của cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép. Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến cho đơn vị kinh doanh vận tải trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ;

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thực hiện cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào. Trường hợp không cấp, phải thông báo bằng văn bản hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến và nêu rõ lý do;

- Việc trả kết quả được thực hiện tại trụ sở Sở Giao thông vận tải hoặc qua đường bưu chính theo quy định.

**20.2. Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp, trực tuyến, đường bưu chính đến Sở Giao thông vận tải qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

### **20.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

#### a) Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào theo mẫu;

- Phương án kinh doanh vận tải theo mẫu.

#### b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

### **20.4. Thời hạn giải quyết:**

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

**20.5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức.

### **20.6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

**20.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:**

- Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào.

**20.8. Phí, lệ phí:** Không có.

**20.9. Tên mẫu đơn, tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:**

- Giấy đề nghị cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào;

- Phương án kinh doanh vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào;

- Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào.

**20.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** Không có

**20.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới;

- Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.

**Mẫu Giấy đề nghị cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào**

**TÊN ĐƠN VỊ KINH  
DOANH VẬN TẢI ĐỀ  
NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  
NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----  
Số: .....

**GIẤY ĐỀ NGHỊ  
CẤP GIẤY PHÉP VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ QUỐC TẾ GIỮA VIỆT NAM  
VÀ LÀO**

Kính gửi: .....

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải: .....

2. Địa chỉ: .....

3. Số điện thoại: ..... Số Fax/Địa chỉ email: .....

4. Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô số: ..... Ngày cấp: .....

Cơ quan cấp: .....

5. Đề nghị cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào như sau:

- Loại hình hoạt động (ghi rõ một hoặc một số loại hình đề nghị cấp, gồm: vận tải hành khách cố định; vận tải hành khách theo hợp đồng; vận tải khách du lịch bằng xe ô tô; vận tải hàng hóa bằng xe ô tô):

.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....

- Loại hình đề nghị cấp (ghi rõ cấp mới hoặc cấp lại, trường hợp đề nghị cấp lại do bị mất, nêu rõ lý do):

.....  
.....

..., ngày ... tháng... năm...

**Đơn vị kinh doanh vận tải**  
(Ký tên, đóng dấu)

**Mẫu Phương án kinh doanh vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào**

**TÊN ĐƠN VỊ KINH  
DOANH  
VẬN TẢI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  
NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...../.....

**PHƯƠNG ÁN  
KINH DOANH VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ QUỐC TẾ GIỮA VIỆT NAM VÀ  
LÀO**

**I. TỔ CHỨC QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG VẬN TẢI CỦA ĐƠN VỊ KINH  
DOANH VẬN TẢI**

- Cơ cấu tổ chức: mô hình, chức năng, nhiệm vụ các phòng, ban.
- Người điều hành hoạt động vận tải: họ tên, trình độ chuyên ngành.
- Phương án tổ chức bộ phận quản lý, theo dõi các điều kiện về an toàn giao thông của đơn vị vận tải (áp dụng đối với doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách cố định, vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ).
- Công tác lắp đặt, theo dõi, sử dụng dữ liệu từ thiết bị giám sát hành trình; trang bị máy tính, đường truyền kết nối mạng.

**II. PHƯƠNG ÁN KINH DOANH VẬN TẢI CỦA ĐƠN VỊ KINH DOANH  
VẬN TẢI**

**1. Phương án kinh doanh vận tải hành khách.**

**a) Kinh doanh vận tải hành khách cố định.**

- Tuyên khai thác, số chuyến, hình thức triển khai bán vé.
- Phương tiện: số lượng, chất lượng phương tiện, gắn thiết bị giám sát hành trình.
- Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe: số lượng, hạng Giấy phép lái xe, tập huấn nghiệp vụ, thâm niên của lái xe khách có giường nằm hai tầng.
- Đồng phục của lái xe, nhân viên phục vụ trên xe.
- Nơi đỗ xe của đơn vị vận tải: địa điểm, diện tích.
- Chế độ bảo dưỡng và sửa chữa phương tiện.
- Giá cước: thực hiện các quy định có liên quan.

**b) Phương án kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng và vận tải du lịch.**

- Phương tiện: số lượng, chất lượng, gắn thiết bị giám sát hành trình.



- Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe: số lượng, hạng Giấy phép lái xe, tập huấn nghiệp vụ.
- Đồng phục của lái xe, nhân viên phục vụ trên xe.
- Nơi đỗ xe của đơn vị vận tải: địa điểm, diện tích.
- Các dịch vụ phục vụ hành khách đi xe.
- Chế độ bảo dưỡng và sửa chữa phương tiện.
- Giá cước: thực hiện các quy định có liên quan.

## 2. Phương án kinh doanh vận tải hàng hóa

- Loại hình kinh doanh vận tải (ghi rõ hình thức kinh doanh vận tải như: Vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ, vận tải hàng hóa thông thường...).
- Phương tiện: số lượng, chất lượng, việc gắn thiết bị giám sát hành trình.
- Chế độ bảo dưỡng và sửa chữa phương tiện.
- Lái xe: số lượng, hạng Giấy phép lái xe, chế độ tập huấn nghiệp vụ.
- Nơi đỗ xe của đơn vị vận tải: địa điểm, diện tích.

**Đơn vị kinh doanh vận tải**  
(Ký tên, đóng dấu)

**Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH.....  
PEOPLE'S COMMITTEE  
OF ... PROVINCE  
SỞ GIAO THÔNG VẬN  
TẢI  
DEPARTMENT OF  
TRANSPORT  
-----**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  
NAM  
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
Independence - Freedom - Happiness  
-----**

**GIẤY PHÉP VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ QUỐC TẾ GIỮA VIỆT NAM VÀ  
LÀO**

**VIET NAM - LAOS CROSS-BORDER TRANSPORT PERMIT**

Số Giấy phép (Permit Number): .....

1. Cấp cho đơn vị (Transport Operator Name): .....

.....

2. Địa chỉ (Address):.....

.....

3. Số điện thoại (Telephone number):.....

4. Loại hình hoạt động vận tải (Type of Transport operation):

.....

....., ngày ... tháng ... năm ...

*Place, .....(dd/mm/yyyy)*

**CƠ QUAN CẤP PHÉP**

**Issuing authority**

*(Ký tên, đóng dấu)*

*(Signature and stamp)*

## **21. Cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào**

### **21.1. Trình tự thực hiện:**

#### a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Đơn vị kinh doanh vận tải nộp hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào đến Sở Giao thông vận tải qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

#### b) Giải quyết TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ. Đối với hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu chính, cán bộ tiếp nhận hồ sơ cập nhật thông tin hồ sơ vào hệ thống dịch vụ công trực tuyến của cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép. Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến cho đơn vị kinh doanh vận tải trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ;

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thực hiện cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào. Trường hợp không cấp, phải thông báo bằng văn bản hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến và nêu rõ lý do;

- Việc trả kết quả được thực hiện tại trụ sở Sở Giao thông vận tải hoặc qua đường bưu chính theo quy định.

**21.2. Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp, trực tuyến, đường bưu chính đến Sở Giao thông vận tải qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

### **21.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

#### a) Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào theo mẫu;

- Phương án kinh doanh vận tải theo mẫu.

#### b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

### **21.4. Thời hạn giải quyết:**

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

**21.5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức.

### **21.6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

**21.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:**

- Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào.

**21.8. Phí, lệ phí:** Không có.

**21.9. Tên mẫu đơn, tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:**

- Giấy đề nghị cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào;
- Phương án kinh doanh vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào.
- Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào.

**21.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** Không có

**21.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới;

- Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.

**Giấy đề nghị cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào**

**TÊN ĐƠN VỊ KINH  
DOANH VẬN TẢI ĐỀ  
NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  
NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .....

**GIẤY ĐỀ NGHỊ  
CẤP GIẤY PHÉP VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ QUỐC TẾ GIỮA VIỆT NAM  
VÀ LÀO**

Kính gửi: .....

- 1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải: .....
- 2. Địa chỉ: .....
- 3. Số điện thoại: ..... Số Fax/Địa chỉ email: .....
- 4. Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô số: ..... Ngày cấp: .....  
Cơ quan cấp: .....
- 5. Đề nghị cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào như sau:

- Loại hình hoạt động (ghi rõ một hoặc một số loại hình đề nghị cấp, gồm: vận tải hành khách cố định; vận tải hành khách theo hợp đồng; vận tải khách du lịch bằng xe ô tô; vận tải hàng hóa bằng xe ô tô):

.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....

- Loại hình đề nghị cấp (ghi rõ cấp mới hoặc cấp lại, trường hợp đề nghị cấp lại do bị mất, nêu rõ lý do):

.....  
.....

..., ngày ... tháng... năm...  
**Đơn vị kinh doanh vận tải**  
(Ký tên, đóng dấu)

**Phương án kinh doanh vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào**

**TÊN ĐƠN VỊ KINH  
DOANH  
VẬN TẢI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  
NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...../.....

**PHƯƠNG ÁN  
KINH DOANH VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ QUỐC TẾ GIỮA VIỆT NAM VÀ  
LÀO**

**I. TỔ CHỨC QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG VẬN TẢI CỦA ĐƠN VỊ KINH  
DOANH VẬN TẢI**

- Cơ cấu tổ chức: mô hình, chức năng, nhiệm vụ các phòng, ban.
- Người điều hành hoạt động vận tải: họ tên, trình độ chuyên ngành.
- Phương án tổ chức bộ phận quản lý, theo dõi các điều kiện về an toàn giao thông của đơn vị vận tải (áp dụng đối với doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách cố định, vận tải hàng hóa bằng công-ten-no).
- Công tác lắp đặt, theo dõi, sử dụng dữ liệu từ thiết bị giám sát hành trình; trang bị máy tính, đường truyền kết nối mạng.

**II. PHƯƠNG ÁN KINH DOANH VẬN TẢI CỦA ĐƠN VỊ KINH DOANH  
VẬN TẢI**

1. Phương án kinh doanh vận tải hành khách.

a) Kinh doanh vận tải hành khách cố định.

- Tuyên khai thác, số chuyến, hình thức triển khai bán vé.
- Phương tiện: số lượng, chất lượng phương tiện, gắn thiết bị giám sát hành trình.
- Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe: số lượng, hạng Giấy phép lái xe, tập huấn nghiệp vụ, thâm niên của lái xe khách có giường nằm hai tầng.
- Đồng phục của lái xe, nhân viên phục vụ trên xe.
- Nơi đỗ xe của đơn vị vận tải: địa điểm, diện tích.
- Chế độ bảo dưỡng và sửa chữa phương tiện.
- Giá cước: thực hiện các quy định có liên quan.

b) Phương án kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng và vận tải du lịch.

- Phương tiện: số lượng, chất lượng, gắn thiết bị giám sát hành trình.
- Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe: số lượng, hạng Giấy phép lái xe, tập huấn nghiệp vụ.

- Đồng phục của lái xe, nhân viên phục vụ trên xe.
- Nơi đỗ xe của đơn vị vận tải: địa điểm, diện tích.
- Các dịch vụ phục vụ hành khách đi xe.
- Chế độ bảo dưỡng và sửa chữa phương tiện.
- Giá cước: thực hiện các quy định có liên quan.

## 2. Phương án kinh doanh vận tải hàng hóa

- Loại hình kinh doanh vận tải (ghi rõ hình thức kinh doanh vận tải như: Vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ, vận tải hàng hóa thông thường...).
- Phương tiện: số lượng, chất lượng, việc gắn thiết bị giám sát hành trình.
- Chế độ bảo dưỡng và sửa chữa phương tiện.
- Lái xe: số lượng, hạng Giấy phép lái xe, chế độ tập huấn nghiệp vụ.
- Nơi đỗ xe của đơn vị vận tải: địa điểm, diện tích.

**Đơn vị kinh doanh vận tải**  
(Ký tên, đóng dấu)

**Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH.....**  
PEOPLE'S COMMITTEE  
OF ... PROVINCE  
**SỞ GIAO THÔNG VẬN  
TẢI**  
DEPARTMENT OF  
TRANSPORT  
-----

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  
NAM**  
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
Independence - Freedom - Happiness  
-----

**GIẤY PHÉP VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ QUỐC TẾ GIỮA VIỆT NAM VÀ  
LÀO**

**VIET NAM - LAOS CROSS-BORDER TRANSPORT PERMIT**

Số Giấy phép (Permit Number): .....

1. Cấp cho đơn vị (Transport Operator Name): .....

.....

2. Địa chỉ (Address):.....

.....

3. Số điện thoại (Telephone number):.....

4. Loại hình hoạt động vận tải (Type of Transport operation):

.....

....., ngày ... tháng ... năm ...

Place, .....(dd/mm/yyyy)

**CƠ QUAN CẤP PHÉP**

**Issuing authority**

(Ký tên, đóng dấu)

(Signature and stamp)



## **22. Cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào**

### **22.1. Trình tự thực hiện:**

#### **a) Nộp hồ sơ TTHC:**

- Tổ chức, cá nhân, Đơn vị kinh doanh vận tải nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào cho Sở Giao thông vận tải qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh;
- Sở Giao thông vận tải địa phương nơi có cửa khẩu biên giới giáp với Lào cấp giấy phép cho phương tiện phi thương mại của các tổ chức, cá nhân đóng trên địa bàn các tỉnh khác của Việt Nam đi qua cửa khẩu tại địa phương mình quản lý.

#### **b) Giải quyết TTHC**

- Đối với hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu chính, cán bộ tiếp nhận hồ sơ cập nhật thông tin vào hệ thống dịch vụ công trực tuyến của cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép. Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến cho tổ chức, cá nhân, đơn vị kinh doanh vận tải nộp hồ sơ trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ;
- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thực hiện cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào. Trường hợp không cấp, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thông báo bằng văn bản hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến và nêu rõ lý do;
- Việc trả kết quả được thực hiện tại Sở Giao thông vận tải hoặc qua đường bưu chính hoặc hình thức trực tuyến theo quy định.

**22.2. Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp, đường bưu chính đến Sở Giao thông vận tải qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

### **22.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

#### **a) Thành phần hồ sơ:**

- \* Thành phần hồ sơ đề nghị cấp giấy phép đối với phương tiện thương mại gồm:
  - Giấy đề nghị cấp giấy phép theo mẫu;
  - Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô hoặc bản sao giấy hẹn nhận Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô của cơ quan cấp đăng ký hoặc bản sao từ sổ gốc của Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô. Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải phải xuất trình thêm bản sao một trong các giấy tờ sau: Hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên và hợp tác xã hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh;
  - Bản sao văn bản thông báo khai thác tuyến, văn bản thay thế phương tiện hoặc văn bản bổ sung phương tiện của cơ quan quản lý tuyến và hợp đồng đón trả khách tại bến xe khách ở Việt Nam và bến xe khách hoặc nơi đón trả khách ở Lào (đối với phương tiện kinh doanh tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào).

\* Thành phần hồ sơ đề nghị cấp giấy phép đối với phương tiện phi thương mại và phương tiện phục vụ các công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trên lãnh thổ Lào:

- Giấy đề nghị cấp giấy phép theo mẫu.
  - Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô hoặc bản sao giấy hẹn nhận Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô của cơ quan cấp đăng ký hoặc bản sao từ sổ gốc của Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô. Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của tổ chức, phải xuất trình thêm bản sao hợp đồng thuê phương tiện.
  - Bản sao quyết định cử đi công tác của cơ quan có thẩm quyền (đối với trường hợp xe công vụ và xe của các cơ quan ngoại giao, tổ chức quốc tế đi công tác)
  - Bản sao hợp đồng hoặc tài liệu chứng minh đơn vị đang thực hiện công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh trên lãnh thổ Lào (đối với doanh nghiệp, hợp tác xã phục vụ các công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh trên lãnh thổ Lào).
- b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

#### **22.4. Thời hạn giải quyết:**

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

#### **22.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức.**

#### **22.6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải;
- d) Cơ quan phối hợp: Không có.

#### **22.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:**

- Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào;
- Phù hiệu liên vận giữa Việt Nam - Lào

#### **22.8. Phí, lệ phí: Không có.**

#### **22.9. Tên mẫu đơn, tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:**

- Giấy đề nghị cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào cho phương tiện thương mại;
- Giấy đề nghị cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào cho phương tiện phi thương mại và phương tiện phục vụ các công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp tại Lào;
- Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào.

#### **22.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có**

#### **22.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới;

- Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.

**Mẫu Giấy đề nghị cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào cho  
phương tiện thương mại**

**TÊN ĐƠN VỊ KINH  
DOANH VẬN TẢI ĐỀ  
NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP**

-----

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  
NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

**GIẤY ĐỀ NGHỊ  
CẤP GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA  
VIỆT NAM VÀ LÀO CHO PHƯƠNG TIỆN THƯƠNG MẠI**

Kính gửi: .....

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải: .....
2. Địa chỉ: .....
3. Số điện thoại: ..... Số Fax/Địa chỉ email: .....
4. Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào số  
.....ngày cấp .....
5. Đề nghị ..... cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào  
cho các phương tiện vận tải sau:

| Số TT | Biển số xe | Trọng tải (ghé) | Năm sản xuất | Nhãn hiệu | Số khung | Số máy | Màu sơn | Thời gian đề nghị cấp Giấy phép | Hình thức hoạt động (vận chuyển hàng hóa hay hành khách) | Cửa khẩu xuất - nhập |
|-------|------------|-----------------|--------------|-----------|----------|--------|---------|---------------------------------|--|----------------------|
| 1     | 2          | 3               | 4            | 5         | 6        | 7      | 8       | 9                               | 10   | 11                   |
| 1     |            |                 |              |           |          |        |         |                                 |  |                      |
| 2     |            |                 |              |           |          |        |         |                                 |  |                      |
| 3     |            |                 |              |           |          |        |         |                                 |  |                      |

Đối với phương tiện thay thế: ghi rõ phương tiện có biển kiểm soát..... thay thế phương tiện có biển kiểm soát .....

6. Loại hình kinh doanh vận tải:

a) Hành khách theo tuyến cố định

b) Khách du lịch:

c) Hành khách theo hợp đồng:

d) Vận tải hàng hóa:

**Ghi chú:** Đối với phương tiện vận chuyển hành khách theo tuyến cố định bổ sung thêm các thông tin sau:

Tuyến: ..... đi ..... và ngược lại

Bến đi: Bến xe ..... (thuộc tỉnh: ..... Việt Nam)

Bến đến: Bến xe ..... (thuộc tỉnh: .....Lào)

Cự ly vận chuyển: .....km

Hành trình tuyến đường: .....

Đã được ..... thông báo khai thác tuyến tại công văn số ..... ngày .....

..., ngày... tháng ... năm...

**Đơn vị kinh doanh vận tải**

(Ký tên, đóng dấu)

**Mẫu Giấy đề nghị cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào cho  
phương tiện phi thương mại và phương tiện phục vụ các công trình, dự án  
hoặc hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp tại Lào**

**TÊN TỔ CHỨC/CÁ  
NHÂN  
ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY  
PHÉP  
-----**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  
NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
-----

### **GIẤY ĐỀ NGHỊ**

**CẤP GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA VIỆT NAM VÀ LÀO CHO  
PHƯƠNG TIỆN PHI THƯƠNG MẠI VÀ PHƯƠNG TIỆN PHỤC VỤ  
CÁC CÔNG TRÌNH DỰ ÁN HOẶC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA  
DOANH NGHIỆP TẠI LÀO**

Kính gửi:.....

1. Tên tổ chức/cá nhân: .....
2. Địa chỉ: .....
3. Số điện thoại: ..... Số Fax/Địa chỉ email: .....
4. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô số ..... ngày cấp ..... cơ quan cấp phép  
..... (đối với phương tiện phục vụ các công trình dự án hoặc hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp tại Lào)
5. Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào (đối với đơn vị kinh doanh vận tải) do ..... cấp số: ..... ngày cấp:  
.....
6. Đề nghị .....cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào cho phương tiện vận tải sau:

| Số TT | Biển số xe | Trọng tải (ghé) | Năm sản xuất | Nhãn hiệu | Số khung | Số máy | Màu sơn | Thời gian đề nghị cấp phép | Hình thức hoạt động (vận chuyển hàng hóa hay hành khách) | Cửa khẩu xuất - nhập |
|-------|------------|-----------------|--------------|-----------|----------|--------|---------|----------------------------|--|----------------------|
| 1     | 2          | 3               | 4            | 5         | 6        | 7      | 8       | 9                          | 10   | 11                   |
| 1     |            |                 |              |           |          |        |         |                            |  |                      |
| 2     |            |                 |              |           |          |        |         |                            |  |                      |

7. Mục đích chuyến đi

a) Công vụ:

|  |
|--|
|  |
|  |

b) Cá nhân:

|  |
|--|
|  |
|  |

c) Hoạt động kinh doanh:


d) Mục đích khác

..., ngày ... tháng ... năm...

**Tổ chức/Cá nhân**

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

## Mẫu Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào

|  |   |
|--|---|
|  <p><b>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM</b><br/>SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM<br/><b>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</b><br/>Independence - Freedom - Happiness<br/>***</p> <p><b>GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA VIỆT NAM VÀ<br/>LÀO</b></p> <p><b>VIET NAM - LAOS</b><br/><b>VEHICLE CROSS - BORDER TRANSPORT</b><br/><b>PERMIT</b></p> <p>Số Giấy phép (Permit Number):.....</p> | <p><b>Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam</b><br/><b>Socialist Republic of Viet Nam</b></p> <p><b>Bộ Giao thông vận tải Việt Nam đề nghị</b><br/><b>các cơ quan hữu quan cho phép phương</b><br/><b>tiện này đi lại dễ dàng và hỗ trợ khi cần thiết</b></p> <p><b>The Ministry of Transport of Viet Nam</b><br/><b>requests relevant agencies to allow the vehicles to</b><br/><b>operate conveniently and to render the vehicle any</b><br/><b>assistance as necessary</b></p> <p>Mặt sau bìa trước/Back side</p> |
|--|---|

|  |   |
|--|---|
| <p>Thông tin cơ bản về phương tiện<br/>General data of the vehicle</p> <p>1. Số đăng ký phương tiện (Registration number)<br/>.....</p> <p>2. Thông số kỹ thuật (Specifications)<br/>.....</p> <p>- Năm sản xuất (Manufacture year):<br/>.....</p> | <p>Chi tiết về cơ quan/đơn vị được cấp giấy phép liên vận<br/>Details of Organization granted transport permit</p> <p>Tên cơ quan/đơn vị (Organization name):<br/>.....<br/>.....</p> <p>Địa chỉ (Address):<br/>.....</p> <p>Điện thoại (Telephone number): .....</p> |
|--|---|



|   |   |
|---|---|
| <p>- Nhận hiệu (Brand/Trademark):<br/>.....</p> <p>- Loại xe (Model):<br/>.....</p> <p style="text-align: center;">         Xe tải (truck)      Xe khách      Xe khác<br/> <input type="checkbox"/>                      (Bus) <input type="checkbox"/>                      (Others) <input type="checkbox"/> </p> <p>- Màu sơn (Colour):<br/>.....</p> <p>- Số máy (Engine No.):<br/>.....</p> <p>- Số khung (Chassis No.):<br/>.....</p> <p>- Trọng tải (Gross weight):<br/>.....</p> <p style="text-align: center;">Trang 1</p> | <p>Số Fax (Fax number): .....</p> <p>Lĩnh vực hoạt động vận tải (Type of transport operation):<br/>.....</p> <p>Số giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào (đối với đơn vị kinh doanh vận tải) (Viet Nam – Laos Cross-Border Transport Permit number for Transport Operator): .....</p> <p>Ngày phát hành (Issuing date):.....</p> <p style="text-align: center;">Trang 2</p> |
|---|---|

|  |   |
|--|---|
| <p><b>GHI CHÚ</b><br/><b>NOTICES</b></p> <p><b>Giấy phép này có giá trị</b><br/><b>This permit is valid</b></p> <p>Từ ngày (From) .....(dd/mm/yyyy)</p> <p>Đến ngày (until) .....(dd/mm/yyyy)</p> <p>Cửa khẩu, Vùng/tuyến hoạt động, Nơi đến<br/>Border gate, Operation areas/routes, Destination</p> <p>Cửa khẩu (Border gate) .....</p> <p>Vùng/tuyến hoạt động (Operation areas/routes):.....</p> <p>Nơi đến (Destination): .....</p> <p>Ngày cấp (Issuing date): .....</p> | <p><b>GIA HẠN</b><br/><b>Extension</b></p> <p>Giấy phép này được gia hạn đến ngày .... tháng ... năm ....</p> <p>This permit is extended until .....<br/>(dd/mm/yyyy)</p> <p>Ngày... tháng ... năm...<br/>date....month....year....</p> <p>Cơ quan gia hạn<br/>Extending Authority</p> <p>Ký tên, đóng dấu<br/>(Signature, stamp)</p> <p>Ghi chú (Notices): .....</p> |
|--|---|

|  |                             |   |                             |
|--|-----------------------------|---|-----------------------------|
| Cơ quan cấp phép<br>Issuing Authority<br>(Signature, stamp)  |                             |   |                             |
| Trang 3  |                             |   |                             |
| <b>HẢI QUAN - BIÊN PHÒNG<br/>FOR CUSTOMS - BORDER GUARDS</b> |                             |   |                             |
| <b>HẢI QUAN<br/>(CUSTOMS)</b>                                |                             | <b>BIÊN PHÒNG<br/>(BORDER<br/>GUARDS)</b> |                             |
| Ngày đi<br>Exit date   | Ngày về<br>Re-entry<br>date | Ngày đi<br>Exit date                      | Ngày về<br>Re-entry<br>date |
|  |                             |   |                             |
| <b>Hướng dẫn (Instruction)</b>                               |                             |   |                             |
| 1. Sổ giấy phép này bao gồm 50 trang không<br>bao gồm bìa.   |                             |   |                             |

|  |                             |   |                             |
|--|-----------------------------|---|-----------------------------|
| Trang 4  |                             |   |                             |
| <b>HẢI QUAN - BIÊN PHÒNG<br/>FOR CUSTOMS - BORDER GUARDS</b> |                             |   |                             |
| <b>HẢI QUAN<br/>(CUSTOMS)</b>                                |                             | <b>BIÊN PHÒNG<br/>(BORDER<br/>GUARDS)</b> |                             |
| Ngày đi<br>Exit date   | Ngày về<br>Re-entry<br>date | Ngày đi<br>Exit<br>date                   | Ngày về<br>Re-entry<br>date |
|  |                             |   |                             |
| <b>Ghi chú (Notices):</b>                                    |                             |   |                             |
| Khổ giấy rộng: 11 cm, dài 15 cm.<br>Page size 11 cm x 15 cm. |                             |   |                             |

This permit contains 50 pages excluding the covers.

2. Khi giấy phép bị mất hoặc không đọc được vì bất cứ nguyên nhân gì, người giữ giấy phép phải yêu cầu cấp giấy phép mới tại cơ quan có thẩm quyền cấp phép.

When this permit get lost or illegible for any reasons, the holder should request the competent authority to re-issue.

3. Giấy phép này phải xuất trình cho cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu.

This permit shall be presented to the competent authorities upon request.

4. Giấy phép này chỉ sử dụng cho phương tiện đã được ghi trong giấy và phải được gia hạn trước ngày hết hạn một tháng.

This permit shall be used for the specified vehicle only and shall be extended one month before the expiry date.

Bìa màu đỏ dùng để cấp cho tất cả các phương tiện.

Red cover used for al vehicles.

**Mẫu phù hiệu liên vận giữa Việt Nam và Lào**

Số (Number):.....

**PHÙ HIỆU**  
**GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA VIỆT NAM VÀ LÀO**  
**STICKER**

**VIET NAM - LAOS VEHICLE CROSS-BORDER TRANSPORT PERMIT**

Đơn vị kinh doanh vận tải (Transport  
Operator Name)

.....

Cơ quan cấp phép/Issuing  
Authority

*(Ký tên, đóng dấu/Signature,  
Seal)*

Số đăng ký (Registration Number):

.....

Thời hạn (Period of validity): từ

(from).....Đến (until).....

**Ghi chú:** Kích thước 115 mm x 210 mm, nền trắng chữ đỏ.

## **23. Cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào**

### **23.1. Trình tự thực hiện:**

#### **a) Nộp hồ sơ TTHC:**

- Tổ chức, cá nhân, Đơn vị kinh doanh vận tải nộp hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào cho Sở Giao thông vận tải qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh;
- Sở Giao thông vận tải địa phương nơi có cửa khẩu biên giới giáp với Lào cấp giấy phép cho phương tiện phi thương mại của các tổ chức, cá nhân đóng trên địa bàn các tỉnh khác của Việt Nam đi qua cửa khẩu tại địa phương mình quản lý.

#### **b) Giải quyết TTHC**

- Đối với hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu chính, cán bộ tiếp nhận hồ sơ cập nhật thông tin vào hệ thống dịch vụ công trực tuyến của cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép. Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến cho tổ chức, cá nhân, đơn vị kinh doanh vận tải nộp hồ sơ trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ;
- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thực hiện cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào. Trường hợp không cấp, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thông báo bằng văn bản hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến và nêu rõ lý do;
- Việc trả kết quả được thực hiện tại Sở Giao thông vận tải hoặc qua đường bưu chính hoặc hình thức trực tuyến theo quy định.

**23.2. Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp, đường bưu chính đến Sở Giao thông vận tải qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

### **23.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

#### **a) Thành phần hồ sơ:**

\* Thành phần hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép đối với phương tiện thương mại gồm:

- Giấy đề nghị cấp lại giấy phép theo mẫu.
- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô hoặc bản sao giấy hẹn nhận Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô của cơ quan cấp đăng ký hoặc bản sao từ sổ gốc của Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô. Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải phải xuất trình thêm bản sao một trong các giấy tờ sau: Hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên và hợp tác xã hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh;
- Bản sao văn bản thông báo khai thác tuyến, văn bản thay thế phương tiện hoặc văn bản bổ sung phương tiện của cơ quan quản lý tuyến và hợp đồng đón trả khách tại bến xe khách ở Việt Nam và bến xe khách hoặc nơi đón trả khách ở Lào (đối với phương tiện kinh doanh tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và

Lào).

\* Thành phần hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép đối với phương tiện phi thương mại và phương tiện phục vụ các công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trên lãnh thổ Lào:

- Giấy đề nghị cấp lại giấy phép theo mẫu.

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô hoặc bản sao giấy hẹn nhận Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô của cơ quan cấp đăng ký hoặc bản sao từ sổ gốc của Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô. Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của tổ chức, phải xuất trình thêm bản sao hợp đồng thuê phương tiện;

- Bản sao quyết định cử đi công tác của cơ quan có thẩm quyền (đối với trường hợp xe công vụ và xe của các cơ quan ngoại giao, tổ chức quốc tế đi công tác);

- Bản sao hợp đồng hoặc tài liệu chứng minh đơn vị đang thực hiện công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh trên lãnh thổ Lào (đối với doanh nghiệp, hợp tác xã phục vụ các công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh trên lãnh thổ Lào).

\* Trường hợp Giấy phép liên vận hết thời hạn sử dụng hoặc còn thời hạn sử dụng nhưng hết trang đóng dấu xác nhận của các cơ quan quản lý tại cửa khẩu: thành phần hồ sơ theo quy định đối với phương tiện thương mại hoặc phương tiện phi thương mại nêu ở trên.

\* Trường hợp Giấy phép liên vận hư hỏng, bị mất:

- Đối với phương tiện thương mại: Giấy đề nghị cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào cho phương tiện thương mại

- Đối với phương tiện phi thương mại: Giấy đề nghị cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào cho phương tiện phi thương mại.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

#### **23.4. Thời hạn giải quyết:**

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

#### **23.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức.**

#### **23.6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

#### **23.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:**

- Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào;

#### **23.8. Phí, lệ phí: Không có.**

**23.9. Tên mẫu đơn, tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:**

- Giấy đề nghị cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào cho phương tiện thương mại;
- Giấy đề nghị cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào cho phương tiện phi thương mại và phương tiện phục vụ các công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp tại Lào;
- Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào.

**23.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** Không có**23.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới;

- Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.

**Mẫu Giấy đề nghị cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào cho  
phương tiện thương mại**

**TÊN ĐƠN VỊ KINH  
DOANH VẬN TẢI ĐỀ  
NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP**

-----

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  
NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

**GIẤY ĐỀ NGHỊ  
CẤP LẠI GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA  
VIỆT NAM VÀ LÀO CHO PHƯƠNG TIỆN THƯƠNG MẠI**

Kính gửi: .....

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải: .....
2. Địa chỉ: .....
3. Số điện thoại: ..... Số Fax/Địa chỉ email: .....
4. Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào cấp số  
.....ngày cấp .....
5. Đề nghị ..... cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào  
cho các phương tiện vận tải sau:

| Số TT | Biển số xe | Trọng tải (ghé) | Năm sản xuất | Nhãn hiệu | Số khung | Số máy | Màu sơn | Thời gian đề nghị cấp Giấy phép | Hình thức hoạt động (vận chuyển hàng hóa hay hành khách) | Cửa khẩu xuất - nhập |
|-------|------------|-----------------|--------------|-----------|----------|--------|---------|---------------------------------|--|----------------------|
| 1     | 2          | 3               | 4            | 5         | 6        | 7      | 8       | 9                               | 10   | 11                   |
| 1     |            |                 |              |           |          |        |         |                                 |  |                      |
| 2     |            |                 |              |           |          |        |         |                                 |  |                      |
| 3     |            |                 |              |           |          |        |         |                                 |  |                      |

Đối với phương tiện thay thế: ghi rõ phương tiện có biển kiểm soát..... thay thế phương tiện có biển kiểm soát .....

6. Loại hình kinh doanh vận tải:

a) Hành khách theo tuyến cố định

b) Khách du lịch:

c) Hành khách theo hợp đồng:

d) Vận tải hàng hóa:



**Ghi chú:** Đối với phương tiện vận chuyển hành khách theo tuyến cố định bổ sung thêm các thông tin sau:

Tuyến: ..... đi ..... và ngược lại

Bến đi: Bến xe ..... (thuộc tỉnh: ..... Việt Nam)

Bến đến: Bến xe ..... (thuộc tỉnh: .....Lào)

Cự ly vận chuyển: .....km

Hành trình tuyến đường: .....

Đã được ..... thông báo khai thác tuyến tại công văn số ..... ngày .....

..., ngày... tháng ... năm...

**Đơn vị kinh doanh vận tải**

(Ký tên, đóng dấu)

**Mẫu Giấy đề nghị cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào cho phương tiện phi thương mại và phương tiện phục vụ các công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp tại Lào**

**TÊN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN**  
**ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP**  
-----

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
-----

**GIẤY ĐỀ NGHỊ**  
**CẤP LẠI GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA VIỆT NAM VÀ LÀO CHO PHƯƠNG TIỆN PHI THƯƠNG MẠI VÀ PHƯƠNG TIỆN PHỤC VỤ CÁC CÔNG TRÌNH DỰ ÁN HOẶC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP TẠI LÀO**

Kính gửi:.....

1. Tên tổ chức/cá nhân: .....
2. Địa chỉ: .....
3. Số điện thoại: ..... Số Fax/Địa chỉ email: .....
4. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô số ..... ngày cấp ..... cơ quan cấp phép  
..... (đối với phương tiện phục vụ các công trình dự án hoặc hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp tại Lào)
5. Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào (đối với đơn vị kinh doanh vận tải) do ..... cấp số: ..... ngày cấp:  
.....
6. Đề nghị ..... cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào cho phương tiện vận tải sau:

| Số TT | Biển số xe | Trọng tải (ghé) | Năm sản xuất | Nhãn hiệu | Số khung | Số máy | Màu sơn | Thời gian đề nghị cấp phép | Hình thức hoạt động (vận chuyển hàng hóa hay hành khách) | Cửa khẩu xuất - nhập |
|-------|------------|-----------------|--------------|-----------|----------|--------|---------|----------------------------|--|----------------------|
| 1     | 2          | 3               | 4            | 5         | 6        | 7      | 8       | 9                          | 10   | 11                   |
| 1     |            |                 |              |           |          |        |         |                            |  |                      |
| 2     |            |                 |              |           |          |        |         |                            |  |                      |

7. Mục đích chuyến đi

a) Công vụ:

|  |
|--|
|  |
|  |

b) Cá nhân:

|  |
|--|
|  |
|  |

c) Hoạt động kinh doanh:


d) Mục đích khác

..., ngày ... tháng ... năm...

**Tổ chức/Cá nhân**

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

## Mẫu Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào

|  |   |
|--|---|
|  <p><b>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM</b><br/> <b>SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM</b><br/> <b>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</b><br/> <b>Independence - Freedom - Happiness</b><br/>     ***</p> <p><b>GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA VIỆT NAM VÀ<br/>LÀO</b></p> <p><b>VIET NAM - LAOS</b><br/> <b>VEHICLE CROSS - BORDER TRANSPORT</b><br/> <b>PERMIT</b></p> <p>Số Giấy phép (Permit Number):.....</p> | <p><b>Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam</b><br/> <b>Socialist Republic of Viet Nam</b></p> <p><b>Bộ Giao thông vận tải Việt Nam đề nghị</b><br/> <b>các cơ quan hữu quan cho phép phương</b><br/> <b>tiện này đi lại dễ dàng và hỗ trợ khi cần thiết</b></p> <p><b>The Ministry of Transport of Viet Nam</b><br/> <b>requests relevant agencies to allow the vehicles to</b><br/> <b>operate conveniently and to render the vehicle any</b><br/> <b>assistance as necessary</b></p> <p>Mặt sau bìa trước/Back side</p> |
|--|---|

|  |  |
|--|--|
| <p>Thông tin cơ bản về phương tiện<br/>         General data of the vehicle</p> <p>1. Số đăng ký phương tiện (Registration number)<br/>         .....</p> <p>2. Thông số kỹ thuật (Specifications)<br/>         .....</p> <p>- Năm sản xuất (Manufacture year):<br/>         .....</p> | <p>Chi tiết về cơ quan/đơn vị được cấp giấy phép liên vận<br/>         Details of Organization granted transport permit</p> <p>Tên cơ quan/đơn vị (Organization name):<br/>         .....</p> <p>Địa chỉ (Address):<br/>         .....</p> <p>Điện thoại (Telephone number): .....</p> |
|--|--|

|   |   |
|---|---|
| <p>- Nhãn hiệu (Brand/Trademark):<br/>.....</p> <p>- Loại xe (Model):<br/>.....</p> <p style="text-align: center;">Xe tải (truck)      Xe khách      Xe khác<br/> <input type="checkbox"/>                      (Bus) <input type="checkbox"/>                      (Others) <input type="checkbox"/></p> <p>- Màu sơn (Colour):<br/>.....</p> <p>- Số máy (Engine No.):<br/>.....</p> <p>- Số khung (Chassis No.):<br/>.....</p> <p>- Trọng tải (Gross weight):<br/>.....</p> <p style="text-align: center;">Trang 1</p> | <p>Số Fax (Fax number): .....</p> <p>Lĩnh vực hoạt động vận tải (Type of transport operation):<br/>.....</p> <p>Số giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào (đối với đơn vị kinh doanh vận tải) (Viet Nam – Laos Cross-Border Transport Permit number for Transport Operator): .....</p> <p>Ngày phát hành (Issuing date):.....</p> <p style="text-align: center;">Trang 2</p> |
|---|---|

|  |   |
|--|---|
| <p><b>GHI CHÚ</b><br/><b>NOTICES</b></p> <p><b>Giấy phép này có giá trị</b><br/><b>This permit is valid</b></p> <p>Từ ngày (From) .....(dd/mm/yyyy)</p> <p>Đến ngày (until) .....(dd/mm/yyyy)</p> <p>Cửa khẩu, Vùng/tuyến hoạt động, Nơi đến<br/>Border gate, Operation areas/routes, Destination</p> <p>Cửa khẩu (Border gate) .....</p> <p>Vùng/tuyến hoạt động (Operation areas/routes):.....</p> <p>Nơi đến (Destination): .....</p> <p>Ngày cấp (Issuing date): .....</p> | <p><b>GIA HẠN</b><br/><b>Extension</b></p> <p>Giấy phép này được gia hạn đến ngày .... tháng ... năm ....</p> <p>This permit is extended until .....<br/>(dd/mm/yyyy)</p> <p>Ngày... tháng ... năm...<br/>date....month....year....</p> <p>Cơ quan gia hạn<br/>Extending Authority</p> <p>Ký tên, đóng dấu<br/>(Signature, stamp)</p> <p>Ghi chú (Notices): .....</p> |
|--|---|

|  |                          |   |                          |
|--|--------------------------|---|--------------------------|
| Cơ quan cấp phép<br>Issuing Authority<br>(Signature, stamp)        |                          |   |                          |
| Trang 3  |                          |   |                          |
| <b>HẢI QUAN - BIÊN PHÒNG</b><br><b>FOR CUSTOMS - BORDER GUARDS</b> |                          |   |                          |
| <b>HẢI QUAN</b><br><b>(CUSTOMS)</b>                                |                          | <b>BIÊN PHÒNG</b><br><b>(BORDER GUARDS)</b> |                          |
| Ngày đi<br>Exit date   | Ngày về<br>Re-entry date | Ngày đi<br>Exit date                        | Ngày về<br>Re-entry date |
|  |                          |   |                          |
| <b>Hướng dẫn (Instruction)</b>                                     |                          |   |                          |
| 1. Sổ giấy phép này bao gồm 50 trang không bao gồm bìa.            |                          |   |                          |

|  |                          |   |                          |
|--|--------------------------|---|--------------------------|
| Trang 4  |                          |   |                          |
| <b>HẢI QUAN - BIÊN PHÒNG</b><br><b>FOR CUSTOMS - BORDER GUARDS</b> |                          |   |                          |
| <b>HẢI QUAN</b><br><b>(CUSTOMS)</b>                                |                          | <b>BIÊN PHÒNG</b><br><b>(BORDER GUARDS)</b> |                          |
| Ngày đi<br>Exit date   | Ngày về<br>Re-entry date | Ngày đi<br>Exit date                        | Ngày về<br>Re-entry date |
|  |                          |   |                          |
| <b>Ghi chú (Notices):</b>  |                          |   |                          |
| Khổ giấy rộng: 11 cm, dài 15 cm.<br>Page size 11 cm x 15 cm.       |                          |   |                          |

This permit contains 50 pages excluding the covers.

2. Khi giấy phép bị mất hoặc không đọc được vì bất cứ nguyên nhân gì, người giữ giấy phép phải yêu cầu cấp giấy phép mới tại cơ quan có thẩm quyền cấp phép.

When this permit get lost or illegible for any reasons, the holder should request the competent authority to re-issue.

3. Giấy phép này phải xuất trình cho cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu.

This permit shall be presented to the competent authorities upon request.

4. Giấy phép này chỉ sử dụng cho phương tiện đã được ghi trong giấy và phải được gia hạn trước ngày hết hạn một tháng.

This permit shall be used for the specified vehicle only and shall be extended one month before the expiry date.

Bìa màu đỏ dùng để cấp cho tất cả các phương tiện.

Red cover used for all vehicles.

**Mẫu phù hiệu liên vận giữa Việt Nam và Lào**

Số (Number):.....

**PHÙ HIỆU**  
**GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA VIỆT NAM VÀ LÀO**  
**STICKER**

**VIET NAM - LAOS VEHICLE CROSS-BORDER TRANSPORT PERMIT**

Đơn vị kinh doanh vận tải (Transport  
Operator Name)

.....

Cơ quan cấp phép/Issuing  
Authority

*(Ký tên, đóng dấu/Signature,  
Seal)*

Số đăng ký (Registration Number):

.....

Thời hạn (Period of validity): từ

(from).....Đến (until).....

**Ghi chú:** Kích thước 115 mm x 210 mm, nền trắng chữ đỏ.



## **24. Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào**

### **24.1. Trình tự thực hiện:**

#### a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp cho Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi phương tiện gặp sự cố bất khả kháng qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

#### b) Giải quyết TTHC:

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, Sở Giao thông vận tải thực hiện gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào. Sở Giao thông vận tải thực hiện việc gia hạn bằng văn bản hoặc gia hạn trong giấy phép liên vận. Trường hợp không gia hạn, Sở Giao thông vận tải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do.

**24.2. Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp đến Sở Giao thông vận tải qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

### **24.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

#### a) Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị gia hạn theo mẫu.
- Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào (bản chính).

#### b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

### **24.4. Thời hạn giải quyết:**

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

**24.5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức, cá nhân.

### **24.6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải;
- d) Cơ quan phối hợp: Không có.

### **24.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:**

- Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào bằng văn bản hoặc gia hạn trong giấy phép liên vận

**24.8. Phí, lệ phí:** Không có.

### **24.9. Tên mẫu đơn, tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:**

- Giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào;

**24.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** Không có

**24.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới;

- Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.

**Giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
Independence - Freedom - Happiness**

-----

**GIẤY ĐỀ NGHỊ GIA HẠN THỜI GIAN LƯU HÀNH CỦA PHƯƠNG  
TIỆN TẠI VIỆT NAM  
REQUEST FOR EXTENSION OF VEHICLE OPERATION PERIOD IN  
VIET NAM**

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải.....

To: Department of Transport of.....

1. Người xin gia hạn (Applicant Name): .....
  2. Địa chỉ (Address): .....
  3. Số điện thoại (Telephone number): .....số Fax (Fax number)  
.....
  4. Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào số (Laos - Viet Nam vehicle cross-border transport permit No.): ..... ngày (the date of) .....
  5. Ngày hết hạn của Giấy phép liên vận (Expiry date of transport permit):....
  6. Lý do xin gia hạn: (mô tả lý do không thể về nước theo quy định) (Reason for extension: describe the reason of inability to timely return to its Home Country)...
  7. Đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam trong thời gian .... ngày, từ ngày ... đến ngày .....
- Request for extension of vehicle operation period in Viet Nam in ...day(s), from ..... until .....
8. Chúng tôi xin cam kết (*We commit*):
    - a) Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam và các văn bản kèm theo (*To take full responsibility for the truthfulness and accuracy of the request for extension of vehicle operation period in Viet Nam and the attached documents*).
    - b) Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam cũng như những quy định ghi trong các điều ước quốc tế về vận tải qua biên giới giữa Việt Nam và Lào (*To comply strictly with all provisions of Viet Nam's Laws as well as the provisions of international treaties between Viet Nam and Laos on cross-border transport*).

*..., ngày ... tháng ... năm...*  
*Place,..... (dd/mm/yyyy)*  
**Người xin gia hạn**  
**(Applicant Name)**  
*(Ký, ghi rõ họ và tên)*  
*(Signature and full name)*

## **25. Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Campuchia**

### **25.1. Trình tự thực hiện:**

#### **a) Nộp hồ sơ TTHC:**

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp cho Sở Giao thông vận tải qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

#### **b) Giải quyết TTHC:**

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, Sở Giao thông vận tải thực hiện gia hạn thời gian lưu hành cho phương tiện của Campuchia. Trường hợp không gia hạn, Sở Giao thông vận tải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do.

**25.2. Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp đến Sở Giao thông vận tải qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

### **25.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

#### **a) Thành phần hồ sơ:**

- Giấy đề nghị gia hạn theo mẫu.
- Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia (bản chính).

#### **b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.**

### **25.4. Thời hạn giải quyết:**

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

**25.5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức, cá nhân.

### **25.6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải;
- d) Cơ quan phối hợp: Không có.

### **25.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:**

- Gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam cho phương tiện của Campuchia (Gia hạn trong Giấy phép liên vận hoặc gia hạn bằng văn bản)

**25.8. Phí, lệ phí:** Không có.

### **25.9. Tên mẫu đơn, tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:**

- Giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam;

**25.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** Không có

**25.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới;

- Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.

**Mẫu Giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
Independence - Freedom - Happiness**

-----

**GIẤY ĐỀ NGHỊ GIA HẠN THỜI GIẠN LƯU HÀNH CỦA PHƯƠNG  
TIỆN TẠI VIỆT NAM  
REQUEST FOR EXTENSION OF VEHICLE OPERATION PERIOD IN  
VIET NAM**

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải .....

To: Department of Transport of.....

1. Người xin gia hạn (Applicant Name):

.....

2. Địa chỉ (Address):

.....

3. Số điện thoại (Telephone number): ..... số Fax (Fax number)

.....

4. Địa chỉ Email (Email address):

.....

5. Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia số (Cambodia - Viet Nam vehicle cross-border transport permit No.): ..... ngày (the date of)

.....

6. Ngày hết hạn của Giấy phép liên vận (Expiry date of transport pennit):

.....

7. Lý do xin gia hạn: (mô tả lý do không thể về nước theo quy định) (Reason for extension: describe the reason of inability to timely return to its Home Country)....

8. Đề nghị gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam trong thời gian ..... ngày, từ ngày ..... đến ngày .....

Request for extension of vehicle operation period in Viet Nam in ...day(s), from ..... until .....

9. Chúng tôi xin cam kết (*We commit*):

a) Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam và các văn bản kèm theo

*(To take full responsibility for the truthfulness and accuracy of the request for extension of vehicle operation period in Viet Nam and the attached documents).*

b) Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam cũng như những quy định ghi trong các điều ước quốc tế về vận tải qua biên giới giữa Việt Nam và Campuchia

*(To comply strictly with all provisions of Viet Nam's Laws as well as the provisions of international treaties between Viet Nam and Cambodia on cross-border transport).*

....., ngày ... tháng ... năm ...  
Place, ..... (dd/mm/yyyy)

**Người xin gia hạn**

**(Applicant Name)**

*(Ký, ghi rõ họ và tên)*

*(Signature and full name)*



## **26. Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào, Campuchia**

### **26.1. Trình tự thực hiện:**

#### a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp cho Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi phương tiện gặp sự cố bất khả kháng qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

#### b) Giải quyết TTHC:

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, Sở Giao thông vận tải thực hiện gia hạn thời gian lưu hành cho phương tiện của Lào, Campuchia. Sở Giao thông vận tải thực hiện việc gia hạn bằng văn bản hoặc gia hạn trong giấy phép liên vận. Trường hợp không gia hạn, Sở Giao thông vận tải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do.

**26.2. Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp đến Sở Giao thông vận tải qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

### **26.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

#### a) Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị gia hạn theo mẫu;
- Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia (bản chính).

#### b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

### **26.4. Thời hạn giải quyết:**

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

**26.5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức, cá nhân.

### **26.6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

### **26.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:**

- Gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam cho phương tiện của Lào, Campuchia (Gia hạn trong Giấy phép liên vận hoặc bằng văn bản)

**26.8. Phí, lệ phí:** Không có.

### **26.9. Tên mẫu đơn, tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:**

- Giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam;

**26.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** Không có

**26.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới;

- Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.

**Mẫu Giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
Independence - Freedom - Happiness**

-----

**GIẤY ĐỀ NGHỊ GIA HẠN THỜI GIẠN LƯU HÀNH CỦA PHƯƠNG  
TIỆN TẠI VIỆT NAM  
REQUEST FOR EXTENSION OF VEHICLE OPERATION PERIOD IN  
VIET NAM**

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải .....  
To: Department of Transport of.....

1. Người xin gia hạn (Applicant Name):

.....

2. Địa chỉ (Address):

.....

3. Số điện thoại (Telephone number): ..... số Fax (Fax number)

.....

4. Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia số (Laos - Cambodia - Viet Nam vehicle cross-border transport permit No.): ..... ngày (the date of) .....

5. Ngày hết hạn của Giấy phép liên vận (Expiry date of transport permit):....

6. Lý do xin gia hạn: (mô tả lý do không thể về nước theo quy định) (Reason for extension: describe the reason of inability to timely return to its Home Country) .....

7. Đề nghị gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam trong thời gian ..... ngày, từ ngày ..... đến ngày .....

Request for extension of vehicle operation period in Viet Nam in ...day(s), from ..... until .....

8. Chúng tôi xin cam kết (We commit):

a) Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam và các văn bản kèm theo (To take full responsibility for the truthfulness and accuracy of the request for extension of vehicle operation period in Viet Nam and the attached documents).

b) Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam cũng như những quy định ghi trong các điều ước quốc tế về vận tải qua biên giới giữa Việt Nam, Lào và Campuchia (To comply strictly with all provisions of Viet Nam's Laws as well as the provisions of international treaties among Viet Nam, Laos

and Cambodia on cross- border transport).

....., ngày ... tháng ... năm ...

*Place,.. (dd/mm/yyyy)*

**Người xin gia hạn**

**(Applicant Name)**

*(Ký, ghi rõ họ và tên)*

*(Signature and full name)*

## **27. Đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia**

### **27.1. Trình tự thực hiện:**

#### a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Đơn vị kinh doanh vận tải nộp hồ sơ Đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho Sở Giao thông vận tải qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

#### b) Giải quyết TTHC:

- Đối với hồ sơ nộp trực tiếp, bưu chính, cán bộ tiếp nhận cập nhật thông tin vào hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Cục Đường bộ Việt Nam. Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, Sở Giao thông vận tải thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến cho đơn vị kinh doanh vận tải trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ;

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, Sở Giao thông vận tải có văn bản thông báo khai thác tuyến vận tải hành khách cố định và xác nhận vào hợp đồng đối tác của đơn vị kinh doanh vận tải. Trường hợp không cấp, Sở Giao thông vận tải thông báo bằng văn bản hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến và nêu rõ lý do;

- Việc trả kết quả được thực hiện tại Sở Giao thông vận tải hoặc qua đường bưu chính hoặc hình thức trực tuyến theo quy định.

**27.2. Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp, trực tuyến, đường bưu chính đến Sở Giao thông vận tải qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

### **27.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

#### a) Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia theo mẫu;

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô hoặc bản sao giấy hẹn nhận Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô của cơ quan cấp đăng ký hoặc bản sao từ sổ gốc của Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô. Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải phải xuất trình thêm bản sao một trong các giấy tờ sau: Hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên và hợp tác xã hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh;

- Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia theo mẫu;

- Hợp đồng đối tác giữa đơn vị kinh doanh vận tải Việt Nam với đối tác của Lào và/hoặc Campuchia (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu).

#### b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**27.4. Thời hạn giải quyết:**

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

**27.5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức.**27.6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải;
- d) Cơ quan phối hợp: Không có.

**27.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:**

- Thông báo khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia.

**27.8. Phí, lệ phí:** Không có.**27.9. Tên mẫu đơn, tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:**

- Giấy đăng ký khai thác tuyến, bổ sung, thay thế phương tiện vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia;
- Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia;
- Thông báo khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia.

**27.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** Không có**27.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới;
- Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.

**Giấy đăng ký khai thác tuyến, bổ sung, thay thế phương tiện vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia**

**TÊN ĐƠN VỊ KINH  
DOANH  
VẬN TẢI**  
-----

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  
NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
-----

Số:...../....

....., ngày ... tháng ... năm ...

**GIẤY ĐĂNG KÝ KHAI THÁC TUYẾN, BỔ SUNG, THAY THẾ  
PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CỐ ĐỊNH GIỮA VIỆT NAM,  
LÀO VÀ CAMPUCHIA**

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải .....

1. Tên doanh nghiệp, hợp tác xã: .....
2. Địa chỉ: .....
3. Số điện thoại: ..... số Fax: .....
4. Đăng ký khai thác tuyến, bổ sung, thay thế phương tiện vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia như sau:  
Tỉnh/thành phố đi: ..... Tỉnh/thành phố đến: ....  
Bến đi: ..... Bến đến: .....
- Cự ly vận chuyên: ..... km  
Hành trình chạy xe: .....
5. Danh sách xe khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia

| <b>STT</b> | <b>Biên kiểm soát</b> | <b>Tên chủ sở hữu</b> | <b>Mác xe</b> | <b>Trọng tải</b> | <b>Năm sản xuất</b> |
|------------|-----------------------|-----------------------|---------------|------------------|---------------------|
|            |                       |                       |               |                  |                     |
|            |                       |                       |               |                  |                     |

6. Doanh nghiệp, hợp tác xã cam kết:

- a) Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung Giấy đăng ký khai thác vận tải hành khách cố định;
- b) Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam cũng như những quy định, ghi trong Bản ghi nhớ giữa Chính phủ các nước Vương quốc Campuchia, Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào và Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về vận tải đường bộ.

**Thủ trưởng đơn vị**  
(Ký tên, đóng dấu)

**Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào  
và Campuchia**

**TÊN ĐƠN VỊ KINH  
DOANH  
VẬN TẢI**  
-----

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  
NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
-----

**PHƯƠNG ÁN KHAI THÁC TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CỐ ĐỊNH  
GIỮA VIỆT NAM, LÀO VÀ CAMPUCHIA**

**1. Đặc điểm tuyến**

Tên Tuyến: ..... đi ..... và ngược lại.

Bến đi: .....

Bến đến: .....

Cự ly vận chuyển: ..... km.

Lộ trình: .....

**2. Biểu đồ chạy xe**

Số chuyến tài (nốt) trong .... ngày/tuần/tháng.

a) Tại bến lượt đi: bến xe: .....

Hàng ngày có ..... nốt (tài) xuất bến như sau:

+ Tài (nốt) 1 xuất bến lúc ..... giờ.

+ Tài (nốt) 2 xuất bến lúc ..... giờ.

+ .....

b) Tại bến lượt về: bến xe: .....

Hàng ngày có ..... nốt (tài) xuất bến như sau:

+ Tài (nốt) 1 xuất bến lúc ..... giờ.

+ Tài (nốt) 2 xuất bến lúc ..... giờ.

+ .....

c) Thời gian thực hiện một hành trình chạy xe .... giờ.

d) Tốc độ lữ hành: ..... km/giờ.

đ) Thời gian dừng nghỉ dọc đường: ..... phút.

**3. Các điểm dừng nghỉ trên đường**

a) Lượt đi từ Bến xe: ..... đến Bến xe: .....

*(Yêu cầu ghi rõ lý trình các chuyến xe sẽ dừng, nghỉ tại các trạm dừng nghỉ)*



hoặc các nhà hàng được quy định trên tuyến quốc lộ và tỉnh lộ theo đúng quy định pháp luật của nước sở tại).

- Điểm dừng thứ nhất: .....

- Điểm dừng thứ hai: .....

- Điểm dừng thứ ba: .....

b) Lướt về từ Bên xe đến Bên xe:

(Yêu cầu ghi rõ lý trình các chuyến xe sẽ dừng, nghỉ tại các trạm dừng nghỉ hoặc các nhà hàng được quy định trên tuyến Quốc lộ và tỉnh lộ theo đúng quy định pháp luật của nước sở tại).

- Điểm dừng thứ nhất: .....

- Điểm dừng thứ hai: .....

- Điểm dừng thứ ba: .....

c) Thời gian dừng, nghỉ từ ..... đến ..... phút/điểm.

#### 4. Phương tiện bố trí trên tuyến

| STT | Biển số xe | Trọng tải (Ghế) | Năm sản xuất | Nhãn hiệu | Ghi chú |
|-----|------------|-----------------|--------------|-----------|---------|
| 1   | 2          | 3               | 4            | 5         | 6       |
| 1   |            |                 |              |           |         |
| 2   |            |                 |              |           |         |
| 3   |            |                 |              |           |         |

#### 5. Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe

a) Số lượng:

b) Điều kiện của lái xe:

- Có bằng lái xe phù hợp với xe điều khiển.

- Có đủ điều kiện về sức khỏe, đảm bảo an toàn giao thông đường bộ.

- Có hợp đồng lao động bằng văn bản với đơn vị.

- Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe mặc đồng phục, mang bảng tên.

- .....

- .....

c) Điều kiện của nhân viên phục vụ trên xe

- .....

#### 6. Các dịch vụ khác

a) Dịch vụ chung chạy xe trên tuyến: .....

b) Dịch vụ đối với những xe chất lượng cao: .....

## 7. Giá vé

### a) Giá vé:

- Giá vé suốt tuyến: ..... đồng/hành khách.
- Giá vé chặng (nếu có): ..... đồng/hành khách.

| <b>Giá vé</b>                  | <b>đồng/hành khách</b> |
|--------------------------------|------------------------|
| Trong đó:                      |                        |
| - Giá vé (*)                   | đồng/hành khách        |
| - Chi phí các bữa ăn chính     | đồng/hành khách        |
| - Chi phí các bữa ăn phụ       | đồng/hành khách        |
| - Phục vụ khác: khăn, nước ... | đồng/hành khách        |

(\*) Giá vé đã bao gồm bảo hiểm hành khách, phí cầu phà và các dịch vụ bến bãi.

### b) Hình thức bán vé

- Bán vé tại quầy ở bến xe: .....
- Bán vé tại đại lý: ..... (ghi rõ tên đại lý, địa chỉ, điện thoại).
- Bán vé qua mạng: .....  
(địa chỉ trang web).

**Thủ trưởng đơn vị**  
(Ký tên, đóng dấu)

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH  
SỞ GTVT ....  
-----

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  
NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
-----

Số: .../SGTVT

....., ngày ... tháng ... năm ...

**THÔNG BÁO**  
**KHAI THÁC TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH**  
**CÓ ĐỊNH GIỮA VIỆT NAM, LÀO VÀ CAMPUCHIA**

**Tuyến: ..... đi ..... và ngược lại**

**Giữa: Bến xe ..... và Bến xe .....**

Kính gửi: .....

Sở Giao thông vận tải .... nhận được công văn số ..... ngày ... tháng .... năm ... và hồ sơ kèm theo của ..... về việc đăng ký khai thác vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia;

Thực hiện Điều ... Nghị định số .../2021/NĐ-CP ngày ..... của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới, Sở GTVT thông báo như sau:

Thông báo cho phép ..... được khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia.

**Tên tuyến:** ..... đi ..... và ngược lại

**Bến đi:** Bến xe ..... (tên tỉnh đi).

**Bến đến:** Bến xe ..... (tên tỉnh đến).

**Hành trình:** ..... cửa khẩu đi/cửa khẩu đến .....

**Số xe tham gia khai thác:** .....

**Thời hạn tham gia khai thác:** Theo thời hạn quy định của Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam, Lào và Campuchia.

Trong thời gian 60 ngày, kể từ ngày ký văn bản này, doanh nghiệp (hợp tác xã) phải đưa phương tiện vào triển khai thực hiện, doanh nghiệp (hợp tác xã) phải ký hợp đồng khai thác với bên xe hai đầu tuyến, báo cáo về Sở Giao thông vận tải ..... Quá thời hạn nêu trên, văn bản thông báo không còn hiệu lực.

**Sở Giao thông vận tải**  
(Ký tên, đóng dấu)

**Nơi nhận:**

- Như trên;

- .....

- Lưu:...

## **28. Ngừng khai thác tuyến, ngừng phương tiện hoạt động trên tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia**

### **28.1. Trình tự thực hiện:**

#### a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Khi có nhu cầu ngừng khai thác tuyến, ngừng phương tiện hoạt động trên tuyến, đơn vị kinh doanh vận tải phải thông báo bằng văn bản cho Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, bến xe đầu tuyến phía Việt Nam và nộp lại thông báo khai thác tuyến, ký hiệu phân biệt quốc gia, giấy phép liên vận của các phương tiện ngừng khai thác cho Sở Giao thông vận tải qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

#### b) Giải quyết TTHC:

- Chậm nhất 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị, Sở Giao thông vận tải thông báo ngừng khai thác tuyến và thông báo công khai để các đơn vị kinh doanh vận tải khác đăng ký khai thác;

- Đơn vị kinh doanh vận tải chỉ được phép ngừng khai thác tuyến, ngừng phương tiện hoạt động trên tuyến sau khi đã niêm yết tại bến xe đầu tuyến phía Việt Nam tối thiểu 10 ngày.

**28.2. Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp, đường bưu chính đến Sở Giao thông vận tải qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

### **28.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

#### a) Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị ngừng khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia theo mẫu;

- Thông báo khai thác tuyến;

- Ký hiệu phân biệt quốc gia;

- Giấy phép liên vận của các phương tiện ngừng khai thác.

#### b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

### **28.4. Thời hạn giải quyết:**

- Chậm nhất 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị.

**28.5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức.

### **28.6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

**28.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:**

- Thông báo ngừng khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia.

**28.8. Phí, lệ phí:** Không có.

**28.9. Tên mẫu đơn, tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:**

- Giấy đề nghị ngừng khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia;

- Thông báo ngừng khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia.

**28.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** Không có

**28.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới;

- Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.

**Giấy đề nghị ngừng khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia**

**TÊN ĐƠN VỊ KINH  
DOANH  
VẬN TẢI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  
NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...../.....

....., ngày ... tháng ... năm ...

**GIẤY ĐỀ NGHỊ  
NGỪNG KHAI THÁC TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CỐ ĐỊNH  
GIỮA VIỆT NAM, LÀO VÀ CAMPUCHIA**

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải.

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải: .....
2. Địa chỉ: .....
3. Số điện thoại: ..... số Fax: .....
4. Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam, Lào và Campuchia do Cục Đường bộ Việt Nam cấp số: ..... Ngày cấp: .....
5. Kể từ ngày ...../...../....., .....(đơn vị kinh doanh vận tải) sẽ ngừng khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia.
6. Tên tuyến đề nghị ngừng khai thác: .....

**Đơn vị kinh doanh vận tải**  
(Ký đóng dấu)

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- .....
- Lưu:...

**Thông báo ngừng khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia**

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH..  
SỞ GIAO THÔNG VẬN  
TẢI...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----

Số: .../TCĐBVN-VT

..., ngày ... tháng ... năm ...

**THÔNG BÁO  
NGỪNG KHAI THÁC TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH  
CỐ ĐỊNH GIỮA VIỆT NAM, LÀO VÀ CAMPUCHIA**

Kính gửi: ... (tên đơn vị kinh doanh vận tải gửi hồ sơ đăng ký).....

Căn cứ các quy định hiện hành về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải hành khách theo cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia:

Sở Giao thông vận tải..... thông báo cho Đơn vị kinh doanh vận tải ngừng khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Campuchia.

Tên tuyến: ..... đi ..... và ngược lại.

Bến đi: Bến xe ..... (thuộc tỉnh/thành phố ..... (nơi đi) .....)

Bến đến: Bến xe ..... (thuộc tỉnh/thành phố ..... (nơi đến).....).

**Sở Giao thông vận tải..**  
(Ký tên, đóng dấu)

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- .....
- Lưu:...

## **29. Bổ sung, thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia**

### **29.1. Trình tự thực hiện:**

#### a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Đơn vị kinh doanh vận tải nộp hồ sơ đề nghị bổ sung, thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho Sở Giao thông vận tải qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

#### b) Giải quyết TTHC:

- Đối với hồ sơ nộp trực tiếp, bưu chính, cán bộ tiếp nhận cập nhật thông tin vào hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Sở Giao thông vận tải. Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, cơ quan có thẩm quyền thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến cho đơn vị kinh doanh vận tải trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ;

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, Sở Giao thông vận tải có văn bản thông báo khai thác tuyến vận tải hành khách cố định và xác nhận vào hợp đồng đối tác của đơn vị kinh doanh vận tải. Trường hợp không cấp, Sở Giao thông vận tải thông báo bằng văn bản hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến và nêu rõ lý do;

- Việc trả kết quả được thực hiện tại trụ sở Sở Giao thông vận tải hoặc qua đường bưu chính hoặc hình thức trực tuyến theo quy định.

**29.2. Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp, trực tuyến, đường bưu chính đến Sở Giao thông vận tải qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

### **29.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

#### a) Thành phần hồ sơ:

- Giấy đăng ký khai thác tuyến, bổ sung, thay thế phương tiện tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia theo mẫu;

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô hoặc bản sao giấy hẹn nhận Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô của cơ quan cấp đăng ký hoặc bản sao từ sổ gốc của Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô. Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải phải xuất trình thêm bản sao một trong các giấy tờ sau: Hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên và hợp tác xã hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh;

- Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia theo mẫu;

- Hợp đồng đối tác giữa đơn vị kinh doanh vận tải Việt Nam với đối tác của Lào và/hoặc Campuchia (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu).

#### b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.



**29.4. Thời hạn giải quyết:**

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

**29.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức.****29.6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải;
- d) Cơ quan phối hợp: Không có.

**29.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:**

- Thông báo bổ sung, thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia.

**29.8. Phí, lệ phí: Không có.****29.9. Tên mẫu đơn, tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:**

- Giấy đăng ký khai thác tuyến, bổ sung, thay thế phương tiện vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia;
- Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia;
- Thông báo bổ sung, thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia.

**29.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có****29.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới;
- Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.

**Mẫu Giấy đăng ký khai thác tuyến, bổ sung, thay thế phương tiện vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia**

**TÊN ĐƠN VỊ KINH  
DOANH  
VẬN TẢI**  
-----

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  
NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
-----

Số:...../.....

....., ngày ... tháng ... năm ...

**GIẤY ĐĂNG KÝ KHAI THÁC TUYẾN, BỔ SUNG, THAY THẾ  
PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CỐ ĐỊNH GIỮA VIỆT NAM,  
LÀO VÀ CAMPUCHIA**

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải .....

1. Tên doanh nghiệp, hợp tác xã:

.....

2. Địa chỉ: .....

.....

3. Số điện thoại: ..... số Fax: .....

4. Đăng ký khai thác tuyến, bổ sung, thay thế phương tiện vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia như sau:

Tỉnh/thành phố đi: ..... Tỉnh/thành phố đến:

.....

Bến đi: ..... Bến đến:

.....

Cự ly vận chuyên: ..... km

Hành trình chạy xe:

.....

5. Danh sách xe khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia

| <b>STT</b> | <b>Biên kiểm soát</b> | <b>Tên chủ sở hữu</b> | <b>Mác xe</b> | <b>Trọng tải</b> | <b>Năm sản xuất</b> |
|------------|-----------------------|-----------------------|---------------|------------------|---------------------|
|            |                       |                       |               |                  |                     |
|            |                       |                       |               |                  |                     |
|            |                       |                       |               |                  |                     |

6. Doanh nghiệp, hợp tác xã cam kết:

a) Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung Giấy đăng ký khai thác vận tải hành khách cố định;

b) Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam cũng như những quy định, ghi trong Bản ghi nhớ giữa Chính phủ các nước Vương quốc

Campuchia, Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào và Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về vận tải đường bộ.

**Thủ trưởng đơn vị**  
*(Ký tên, đóng dấu)*

**Mẫu Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam,  
Lào và Campuchia**

**TÊN ĐƠN VỊ KINH  
DOANH  
VẬN TẢI**  
-----

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  
NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
-----

**PHƯƠNG ÁN KHAI THÁC TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CỐ ĐỊNH  
GIỮA VIỆT NAM, LÀO VÀ CAMPUCHIA**

**1. Đặc điểm tuyến**

Tên Tuyến: ..... đi ..... và ngược lại.

Bến đi: .....

Bến đến: .....

Cự ly vận chuyển: ..... km.

Lộ trình: .....

**2. Biểu đồ chạy xe**

Số chuyến tài (nốt) trong .... ngày/tuần/tháng.

a) Tại bến lượt đi: bến xe: .....

Hàng ngày có ..... nốt (tài) xuất bến như sau:

+ Tài (nốt) 1 xuất bến lúc ..... giờ.

+ Tài (nốt) 2 xuất bến lúc ..... giờ.

+ .....

b) Tại bến lượt về: bến xe: .....

Hàng ngày có ..... nốt (tài) xuất bến như sau:

+ Tài (nốt) 1 xuất bến lúc ..... giờ.

+ Tài (nốt) 2 xuất bến lúc ..... giờ.

+ .....

c) Thời gian thực hiện một hành trình chạy xe .... giờ.

d) Tốc độ lữ hành: ..... km/giờ.

đ) Thời gian dừng nghỉ dọc đường: ..... phút.

**3. Các điểm dừng nghỉ trên đường**

a) Lượt đi từ Bến xe: ..... đến Bến xe: .....

*(Yêu cầu ghi rõ lý trình các chuyến xe sẽ dừng, nghỉ tại các trạm dừng nghỉ hoặc các nhà hàng được quy định trên tuyến quốc lộ và tỉnh lộ theo đúng quy*

*định pháp luật của nước sở tại).*

- Điểm dừng thứ nhất: .....
- Điểm dừng thứ hai: .....
- Điểm dừng thứ ba: .....

b) Lướt về từ Bên xe đến Bên xe:

*(Yêu cầu ghi rõ lý trình các chuyến xe sẽ dừng, nghỉ tại các trạm dừng nghỉ hoặc các nhà hàng được quy định trên tuyến Quốc lộ và tỉnh lộ theo đúng quy định pháp luật của nước sở tại).*

- Điểm dừng thứ nhất: .....
- Điểm dừng thứ hai: .....
- Điểm dừng thứ ba: .....

c) Thời gian dừng, nghỉ từ ..... đến ..... phút/điểm.

#### **4. Phương tiện bố trí trên tuyến**

| STT | Biển số xe | Trọng tải (Ghế) | Năm sản xuất | Nhãn hiệu | Ghi chú |
|-----|------------|-----------------|--------------|-----------|---------|
| 1   | 2          | 3               | 4            | 5         | 6       |
| 1   |            |                 |              |           |         |
| 2   |            |                 |              |           |         |
| 3   |            |                 |              |           |         |

#### **5. Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe**

a) Số lượng:

b) Điều kiện của lái xe:

- Có bằng lái xe phù hợp với xe điều khiển.
- Có đủ điều kiện về sức khỏe, đảm bảo an toàn giao thông đường bộ.
- Có hợp đồng lao động bằng văn bản với đơn vị.
- Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe mặc đồng phục, mang bảng tên.

- .....

- .....

c) Điều kiện của nhân viên phục vụ trên xe

- .....

#### **6. Các dịch vụ khác**

a) Dịch vụ chung chạy xe trên tuyến: .....

b) Dịch vụ đối với những xe chất lượng cao: .....

## 7. Giá vé

### a) Giá vé:

- Giá vé suốt tuyến: ..... đồng/hành khách.
- Giá vé chặng (nếu có): ..... đồng/hành khách.

| <b>Giá vé</b>                  | <b>đồng/hành khách</b> |
|--------------------------------|------------------------|
| Trong đó:                      |                        |
| - Giá vé (*)                   | đồng/hành khách        |
| - Chi phí các bữa ăn chính     | đồng/hành khách        |
| - Chi phí các bữa ăn phụ       | đồng/hành khách        |
| - Phục vụ khác: khăn, nước ... | đồng/hành khách        |

(\*) Giá vé đã bao gồm bảo hiểm hành khách, phí cầu phà và các dịch vụ bến bãi.

### b) Hình thức bán vé

- Bán vé tại quầy ở bến xe: .....
- Bán vé tại đại lý: ..... (ghi rõ tên đại lý, địa chỉ, điện thoại).
- Bán vé qua mạng: .....  
(địa chỉ trang web).

**Thủ trưởng đơn vị**  
(Ký tên, đóng dấu)

### **30. Điều chỉnh tần suất chạy xe trên tuyến Việt Nam, Lào và Campuchia**

#### **30.1. Trình tự thực hiện:**

##### a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Trước khi điều chỉnh tần suất chạy xe trên tuyến ít nhất 10 ngày, đơn vị kinh doanh vận tải phải thông báo bằng văn bản cho Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, bến xe đầu tuyến phía Việt Nam qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

##### b) Giải quyết TTHC:

- Chậm nhất 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận văn bản đề nghị, cơ quan có thẩm quyền ra văn bản thông báo điều chỉnh tần suất chạy xe trên tuyến.

**30.2. Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp, trực tuyến, đường bưu chính đến Sở Giao thông vận tải qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

#### **30.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

##### a) Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị tăng/giảm tần suất chạy xe tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia theo mẫu.

##### b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

#### **30.4. Thời hạn giải quyết:**

- Chậm nhất 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận văn bản đề nghị.

**30.5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức.

#### **30.6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

#### **30.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:**

- Thông báo tăng/giảm tần suất chạy xe tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia.

**30.8. Phí, lệ phí:** Không có.

#### **30.9. Tên mẫu đơn, tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:**

- Giấy đề nghị tăng/giảm tần suất chạy xe tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia;

- Thông báo tăng/giảm tần suất chạy xe tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia.

**30.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** Không có

**30.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới;

- Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.



**Giấy đề nghị điều chỉnh tần suất chạy xe tuyến vận tải hành khách cố định  
giữa Việt Nam, Lào và Campuchia**

**TÊN ĐƠN VỊ KINH  
DOANH  
VẬN TẢI**  
-----

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  
NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
-----

Số: .... / .....

....., ngày ... tháng ... năm ...

**GIẤY ĐỀ NGHỊ  
TĂNG/GIẢM TẦN SUẤT CHẠY XE TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH  
CỐ ĐỊNH GIỮA VIỆT NAM, LÀO VÀ CAMPUCHIA**

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải....

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải: .....
2. Địa chỉ: .....
3. Số điện thoại: ..... số Fax: .....
4. Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam, Lào và Campuchia do Cục Đường bộ Việt Nam cấp số: ..... Ngày cấp: .....
5. Kể từ ngày ..... / ..... / ..... , ... (đơn vị kinh doanh vận tải) sẽ tăng/giảm tần suất chạy xe trên tuyến .....
6. Danh sách/số chuyến xe tăng/giảm tần suất khai thác: .....

***Nơi nhận:***

- Như trên;
- .....
- Lưu:...

**Đơn vị kinh doanh vận tải**  
*(Ký đóng dấu)*

**Thông báo điều chỉnh tần suất chạy xe trên tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia**

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH  
SỞ GIAO THÔNG VẬN  
TẢI  
-----

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
-----

Số: .../SGTVT

..., ngày ... tháng ... năm ...

**THÔNG BÁO  
TĂNG/ GIẢM TẦN SUẤT CHẠY XE TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH  
CỐ ĐỊNH GIỮA VIỆT NAM, LÀO VÀ CAMPUCHIA**

Kính gửi: .....

Căn cứ các quy định hiện hành về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia;

Sở Giao thông vận tải... thông báo cho Đơn vị kinh doanh vận tải tăng/giảm tần suất chạy xe tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia.

Tên tuyến: .....đi ..... và ngược lại.

Số chuyến/xe tăng/giảm khai thác trên tuyến: .....

**Sở Giao thông vận tải**  
(Ký tên, đóng dấu)

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- .....
- Lưu:...